

Nguyệt San Cỏ Thơm Online

Hân Học Nghệ Thuật – Số 11 – Năm 2018



“Mùa Thu ơi, ta biết em đang chờ”

Tranh sơn dầu trên bố 80cm x 100cm của **Nguyễn Sơn**



NGUYỆT SAN CỎ THƠM ONLINE SỐ 11 – THÁNG 9, 2018

MỤC LỤC

BIÊN KHẢO:

- TR26- NỮ HOÀNG “TRIANON”- NGUYỄN VĂN THÀNH 1923
TR37- ĐỌC TẬP THƠ “ĐỐI DIỆN NIỀM VUI” CỦA TRẦN QUỐC BẢO –
TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO
TR49- JEAN MARIE GUSTAVE LE CLÉZIO – NOBEL VĂN CHƯƠNG
2008 – PHẠM VĂN TUẤN
TR110- TẢN ĐÀ, MỘT VÌ SAO LẠC - HẢI BẢNG-HDB
TR120- GIAI THOẠI “RAU SẴNG CHÙA HƯƠNG” – TRẦN QUỐC BẢO

VĂN:

- TR4 - VÀI LỜI CHÂN TÌNH – PHAN ANH DŨNG
TR6 – HẠT NẮNG – VUU VĂN TÂM
TR10- BÔNG HỒNG CÀI ÁO – PHAN ANH DŨNG
TR15 – CHUYẾN XE CUỐI CÙNG – KIM OANH (Melbourne)
TR22 – ĐÓA HOA MÙA VU LAN 2018 – TRẦN CHÍ PHÚC
TR58– NGÀY VỀ – NGỌC CƯỜNG
TR67– CÙNG DU NGOẠN ĐÓ ĐÂY VỚI NGỌC HẠNH– TRỊNH BÌNH AN
TR70- THĂM VIẾNG ZAGREB, CROATIA – NGỌC HẠNH
TR78 – XIN THƯỞNG ĐỂ BAN PHÉP LÀNH – NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
TR86– SÀI GÒN THỜI @ (A-CÔNG) – Ỡ NGUYỄN
TR94- CỎ VƯỜN HÀNG XÓM CHƯA CHẮC ĐÃ XANH HƠN – ĐOÀN
XUÂN THU (Melbourne)
TR106- TƯỚNG CHỈ LÀ KÝ ỨC – YÊN SƠN
TR124 – TẢN MẠN GARAGE SALE – NGUYỄN PHÚ LONG
TR135 – TIẾT THÁO NHÀ NHO – TIENSHA-LÊ LUYẾN

THƠ:

- TR5- MẸ – TẠ QUANG TRUNG
TR9 - CON MANG TÌNH MẸ HỒN NHIÊN VÀO ĐỜI – TUỆ NGA DIỆU MINH
TR13 – BÔNG HỒNG TƯỚNG NIỆM – Ỡ NGUYỄN
TR14- ĐÔI TAY MẸ HIỀN – THANH TRÍ
TR21 – MOTHER’S LOVE - Anonymous / TÌNH MẸ – NGÔ TĂNG GIAO
TR36 – BƯỞM VÀNG ĐANG ĐẬU – PHAN KHÂM

TR47 – **NỮA** – VŨ HỐI

TR48 – **SẦM RÈN MƯA KHUYA / ROARING THUNDER IN A LATE NIGHT RAIN** – HẢI BĂNG-HDB

TR54- **THU NHỚ QUÊ** – NGUYỄN KINH BẮC

TR57 – **HƯƠNG THU MẤY ĐỘ** – BÙI THANH TIÊN

TR66 – **QUẢNG TRỊ THA PHƯƠNG KHÚC** - NGUYỄN VÔ CÙNG

TR76 – **EM LÀ AI ?** – NGUYỄN LÂN

TR77 – **LÀNG TÔI** – ĐÔNG THANH NGUYỄN QUANG CHẤT

TR85– **VÀNG TRẮNG THIẾU PHỤ** – HOÀNG SONG LIÊM

TR93 – **HẸN HÒ** – CAO NGUYỄN

TR98 – **TRẦM MỘT NÉT HOA / CHIỀU NẮNG BAY** – HOA VẪN

TR104 – **CHỜ ĐÓN VÀNG THU** – TRẦN QUỐC BẢO (Richmond VA)

TR105- **HÒN THU** – ĐẶNG NGUYỄN

TR109 – **HOMELAND** - PHẠM XUÂN THÁI / **QUÊ NHÀ** - NGÔ TĂNG GIAO

TR122– **CHUYỆN TÌNH TÂY ĐÔ** – MINH GIANG

TR123 – **CỜ SÓNG** – MAI QUANG

TR131 – **NƠI CHỊ NƠI TÔI CŨNG GẦN NHAU** – HẠ THÁI TRẦN QUỐC PHIỆT

TR134 – **CHƯA BAO GIỜ BUỒN THẾ** - CUNG TRẦM TUỖNG / **IT HAS NEVER BEEN SO SAD!** THANH THANH

TR161 – **THUYỀN TRẮNG ĐỢI CHỜ** - THÁI HÙNG /PGH

HỘI HỌA, NHIẾP ẢNH:

TR1/ BÌA: – Tranh: **MÙA THU ƠI, TA BIẾT EM MONG CHỜ** - NGUYỄN SƠN

TR8 – **TÌNH MẸ** - Tranh: CÁT ĐƠN SA

TR9 – **TÌNH MẸ** – Tranh: THANH TRÍ

TR47 – **NỮA** – Tranh thơ: KIM OANH (Melbourne)

TR99 – **VÀI CẢNH ĐẸP PHƯƠNG XA** - Bài về nhiếp ảnh: LÊ VĂN KHOA

TR162: – Tranh: **EM ĐI TRONG NẮNG THU VÀNG /THU BUỒN** - NGUYỄN SƠN

NHẠC:

TR12 – **BÔNG HỒNG CÀI ÁO** – Nhạc & Lời: NGUYỄN VĂN ĐÔNG

TR20 – **ĐÓA HOA MÙA VU LAN** – Nhạc & Lời: TRẦN CHÍ PHÚC

TR36– **BƯỞM VÀNG ĐANG ĐẬU** – Nhạc: NGUYỄN TẮT VỊNH; thơ: PHAN KHÂM

TR55- **BÊN ĐÂY HOÀNG HÔN** – Nhạc & Lời: TRƯỜNG SA

TR122- **CHUYỆN TÌNH TÂY ĐÔ** – Nhạc: QUỐC THÁI; thơ: MINH GIANG

TR132– **HOANG VẮNG** – Nhạc: NGUYỄN ĐỨC NAM; Thơ: BÙI THANH TIÊN

VÀI LỜI CHÂN TÌNH

Mùa Hè ở Hoa Kỳ qua thật nhanh, phần lớn học sinh, sinh viên đã trở lại trường bắt đầu niên học mới, sau khi hưởng những ngày nghỉ ngơi thoải mái với gia đình ...

Nguyệt San Cỏ Thom online số **11** dành 20 trang đầu để mời quý vị thưởng thức thi, văn, nhạc, họa, vinh danh và tưởng nhớ Mẹ hiền, nhân mùa Lễ Vu Lan.

Vào tháng 9, những người sống ở Hoa Kỳ, không thể quên ngày “911” (11 tháng 9, 2001) khi nhóm khủng bố Al Qaeda cướp phi cơ rồi lao vào Twin Towers ở New York và Pentagon ở Washington DC. Sáng hôm ấy, vợ chồng chúng tôi tình cờ có mặt ở phi trường bên New Jersey, đối diện với Manhattan và chứng kiến tận mắt cảnh hãi hùng khi Twin Towers cháy và sụp đổ! Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung cũng chia sẻ những cảm nghĩ chân thành về 911 qua bài “Xin Thượng Đế Ban Phép Lành” trong số này.

Ngoài những tay bút chủ lực như TP Nguyễn Văn Thành¹⁹²³ với bài biên khảo chi tiết và công phu “Nữ Hoàng Trianon”, Cỏ Thom vừa được sự cộng tác của: 1/ văn thi hữu Yên Sơn (Houston, Texas) với bài “Tuồng Chỉ Là Ký Ức” - truyện ngắn viết như thơ; và 2/ Kim Oanh (Melbourne, Úc Châu) với bài “Chuyến Xe Cuối Cùng” để nhớ những ngày tháng êm đềm với phụ mẫu. Kim Oanh cũng gửi tranh thơ “Nửa”, kính tặng thư họa gia Vũ Hối (Maryland) đang hồi phục sau giải phẫu tim thành công.

Thay mặt Ban Điều Hành, thành kính chia buồn với biên khảo gia Phạm Văn Tuấn và tang quyến. Phu nhân của anh đã qua đời đầu tháng 8 sau nhiều năm phấn đấu với ung thư. Anh Phạm Văn Tuấn từng là đồng chủ bút của tạp chí Cỏ Thom và vẫn đóng góp bài vở đều đặn - trong số này là bài biên khảo về nhà văn J.M.G. Le Clézio của Pháp, giải Nobel Văn Học năm 2008.

Cảm ơn quý vị đã đóng góp bài vở và ủng hộ nhiệt tình. Xin vui lòng tiếp tay phổ biến đến thân hữu và hẹn tái ngộ ở số 12.

Phan Anh Dũng

8/30/2018 - Richmond, Virginia USA

MẸ

(1910-1997)

Đã đành sinh ký, tử qui.

Con nay còn biết nói gì Mẹ ơi!

Gối, chăn còn ấm hơi người,

Tai còn văng vẳng những lời Mẹ khuyên:

"Đời người. Đắp đui chữ duyên,

Giữ Tâm thanh tịnh. Tạo lên phúc lành.

Nguyện cầu Chư Phật độ sanh,

Nẻo Luân Hồi chẳng sa chân trở vào"

Đất thì thấp. Trời thì cao,

Con biết tìm Mẹ phương nào Mẹ ơi!

Tây Phương mẹ đã về rồi.

Để con ở lại. Ngậm ngùi. Sầu bi!

Não nùng tử biệt. Sinh ly.

Giờ con còn biết nói gì Mẹ ơi!

Tạ Quang Trung

Richmond ngày 10 tháng 12 năm 1997

Ngày khi nghe tin Mẹ qua đời từ Sài Gòn Việt Nam



HẠT NẮNG

**** Vuur Văn Tâm (Germany) ****

Những hạt nắng tròn xoe đang tung tăng nhảy múa trước hàng hiên. Nắng ban trưa có chút gay gắt khiến cho cảnh vật thêm "lung linh" và qua đôi mắt, hình như mọi vật cũng nhạt nhòa đi thì phải. Mùa nghỉ hè của học trò đã đến sau những ngày dài mong đợi. Mùa hè ở nơi đây thường rất ngắn và cũng không oi bức, ẩm ướt như những ngày hè ở Sài-Gòn. Cho dù khí hậu khá khô khan, nhưng nhờ bầu không khí trong lành nên mình cảm thấy dễ chịu nhiều lắm.

Bốn mùa ở đây sao lặng lẽ quá, mặc dù thời tiết mùa hè thật đẹp. Cảnh vật xinh tươi, chim hót líu lo, cỏ cây đâm chím trong một màu xanh của lá. Mùa đông ngày ngắn đêm dài, mùa hè ngày lại dài hơn đêm. Chín giờ tối mà bầu trời vẫn ở trên cao, sáng trưng và xanh ngắt. Không hiểu sao mỗi khi mùa hè đến, tôi lại thấy buồn hơn. Có lẽ cái ẩm áp giống giống nơi quê nhà làm tôi thêm chạnh lòng và hay nhớ thương về chốn cũ.

Mùa hè năm đó, tôi cũng về thăm má. Sáng sớm mai, khi vừa bước xuống nhà dưới, tôi đã thấy má tôi thức giấc tự bao giờ. Tôi hỏi:
- Sao má không ngủ thêm một chút cho khỏe, thức làm gì mà sớm vậy?

Má tôi trả lời :

- Người già ăn ít mà ngủ cũng ít, đến một ngày nào đó cũng như một thân cây tàn úa rồi đi theo ông theo bà!

Sáng nào má tôi cũng tự pha cho mình ly sữa ca-cao nóng, ăn sáng với lát bánh mì sandwich và kêu cho tôi ly cà-phê đá. Hai má con ngồi bên nhau cả mấy tiếng đồng hồ và lan man nhắc chuyện ngày xưa, nhớ người đã khuất cũng như nhắc đến người đã đi xa chưa lần nào về thăm lại chốn này. Mặc cho âm thanh ồn ào cũng như bụi khói xe cộ nườm nượp bên ngoài cánh cửa, má tôi vẫn với giọng nói nhỏ nhỏ, đều đều, chậm buồn với trí nhớ vô cùng minh mẫn. Má nhắc lại ngày ông ngoại tôi sống không nổi với tụi Tàu Cộng nên những năm đầu thế kỷ hai mươi đã gánh gồng hành trang chạy qua Việt-Nam xin tị nạn và tìm một miền đất mới để hồi sinh. Tiệm trà

của ông là một trong vài tiệm lớn nhất và nằm trong vị trí thật đẹp trong ngôi chợ Bạc-Liêu. Má tôi kể lại những ngày đầu gian nan của má nơi đất Sài-Gòn rộn rịp ngựa xe. Má hùn vốn với một chị em bạn mở một nhà bảo sanh tư nhân ở gần chợ Thị Nghè. Có ngờ đâu lòng người tráo trở, trắng đổi thành đen. Má tôi quá tin người nên khi góp vốn làm ăn chung mà không nghĩ đến một tờ "giấy tay" hay bằng chứng gì hết. Người ta ngược xuôi thì ai mà biết trước cho được. Dò sông dò biển dễ dò, còn lòng dạ con người sao mà khó đoán. Thời gian đó, chị giúp việc thân tín cũng tiện tay "quor" hết mớ nữ trang quý giá của ông bà ngoại để lại cho má làm của hồi môn và trốn đi biệt tích. Má tôi rời Sài-Gòn và ra ngoài Nha-Trang sống với người em họ một thời gian dài. Tôi có hỏi:

- Má có tiếc của không?

Và tôi nghe má trả lời vậy:

- Lúc đó chỉ giận người mà mình đã tin cậy và đối xử như chị em ruột thịt, nhưng sau này nghĩ lại, của cải đã không ở với mình, tức là hồng phãi của mình, dù mình cố níu kéo cũng không thể giữ được! Bây giờ nghe nói nó bệnh nặng lắm, muốn "đi" mà "đi" hồng đặng. Má cũng muốn đi thăm nó!

Ngược dòng thời gian trở về những năm tháng đầu thập niên 70 .. Có lần mấy chị em tôi theo chân má đến Thị Nghè để thăm người quen. Xuống xe lam và đi chưa được mười bước, cũng chưa kịp rẽ vào chợ Thị Nghè, má con tôi bỗng nghe tiếng gọi thật to "cô Hai, cô Hai" .. Tiếng gọi ấy phát ra từ một tiệm hủ tiếu mì nằm dưới chân cầu. Ông chủ tiệm chạy ào ra níu tay mấy má con và ân cần "lôi" vào quán. Ông kính cẩn rót nước mời má và búi ngùi nhắc lại chuyện ngày xưa với giọng nói lơ lớ "nửa Tàu nửa Việt".

Ông gọi hết mấy người con trong nhà bước ra để chào má. Ông nói: - Ngày đó tui nghèo quá, hồng có tiền đóng cho nhà bảo sanh mà cô Hai đã lo hết cho mấy má con tui nó. Mấy đứa này lớn lên là nhờ cô Hai. Cái ơn của cô Hai hồng bao giờ tui quên được .. Rồi ông nghẹn ngào rung rung nước mắt và "xổ" thêm một tràng tiếng Tiều với má .. Mấy đứa nhỏ được mấy anh chị chịu chuộng, đãi đằng như thượng khách.

Mùa hè năm đó, tôi cũng có chút linh cảm, đó là lần gặp má sau cùng. Má tôi bị bệnh loãng xương, đi đứng khó khăn, chậm chạp nên cũng ít khi nào bước chân ra khỏi cửa. Nhưng lần đó lại là một dịp may mắn quý hiếm. Mấy má con tôi cũng thu xếp được một chuyến về quê ngoại để má thăm lại mồ mả ông bà và nhìn lại chốn

xưa .. Chợ Bạc-Liêu vẫn nhộn nhịp nhưng đông đúc hơn ngày trước nhiều lắm. Cái mùi hăng hăng tanh tưởi trong lòng chợ gọi lại cho má con tôi thật nhiều kỷ niệm của những tháng ngày xa lơ xa lắc. Căn phố lâu của ông ngoại tôi đã bị người ta trưng dụng, bên dưới họ làm cửa tiệm buôn bán và mấy tầng trên dành để ở. Nhưng lạ một điều là tên ông được khắc bên trên sao vẫn còn sừng sững đó! Người ta quên, chưa kịp xóa, hay khi được đất, được nhà rồi chỉ biết lao vào ở và đồng lõa với sự "chiến thắng" và cướp bóc tội lỗi kia! Lần về quê với má đã chín mười năm rồi nhưng trong lòng tôi, trong từng suy nghĩ, tôi cứ ngỡ như chỉ mới hôm qua, như chỉ mới hôm nào .. Khi xe về gần đến Sài-Gòn, tôi thấy những giọt nước mắt của má âm thầm rơi trên đôi gò má gầy guộc, nhăn nheo. Tôi không cất tiếng hỏi, cũng không muốn phá tan cái phút giây yên lặng đó vì muốn để cho má mình sống với những suy nghĩ và những cảm xúc riêng tư ..

Mùa hè năm đó là kỷ niệm sau cùng của hai má con tôi. Mười tháng sau má tôi qua đời! Thời gian trôi nhanh, bốn mùa vẫn đi về lặng lẽ. Mười năm vừa chẵn chục. Dòng sông có khi nước ròng nước lớn, nhưng tình thương của má bao giờ cũng đầy ắp trong tôi và mệnh mệnh như sông dài biển rộng.

Vưu Văn Tâm (Germany)

13.07.2018



Tình Mẹ - Tranh: Cát Đơn Sa

CON MANG TÌNH MẸ HỒN NHIÊN VÀO ĐỜI

Mẹ ru con tiếng ngọt bùi
Như ca dao đẹp, như lời
nước non
Như sông ra biển về nguồn
Con mang tình Mẹ trong hồn
lâng lâng ...

Qua bao nhiêu dặm đường trần
Qua bao nhiêu khúc băng
khuâng phận người
Lời ru của Mẹ chơi vơi ...
Lời ru đầm thấm ...
à ơi tiếng thầm

Cho con trở lại mùa xuân
Cho con nhớ bước chân trần,
đôi hoa
Cho con lại nhớ quê nhà
Giờ quê biển biệt cách xa
muôn trùng!

Trong con núi Tản sông Hồng
Trong con Tình Mẹ mênh mông
biển trời
Tạ ơn con được làm người
Làm Thơ thả gió nhớ lời Mẹ Ru
...

Mẹ ru con ý dung từ
Mẹ là Suối ngọt thiên thu
Mẹ Hiền
Mẹ nguồn nhân ái vô biên
Con Mang Tình Mẹ Hồn Nhiên
Vào Đời ...

Vu Lan 2016

Tuệ Nga Diệu Minh



Tình Mẹ - Tranh: **Thanh Trí Sacramento**

BÔNG HỒNG CÀI ÁO

Mỗi lần sắp đến Ngày Hiền Mẫu (Mother's Day) hay Lễ Vu Lan, tôi lại nhớ đến bản nhạc "Lòng Mẹ" của Nhạc sĩ Y Vân và "Bông Hồng Cài Áo", Nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ sáng tác với ý từ bài viết của Thiền Sư Thích Nhật Hạnh. Hai bản nhạc này được phổ biến rộng rãi nên hầu hết người Việt Nam nào cũng biết đến.

Mẹ tôi, năm nay (2012) đã gần 90, trong những Ngày Hiền Mẫu trước, chỉ thích được ngồi giữa đám đông các con cháu về họp mặt, để nghe tiếng nói, giọng cười và được nghe anh rể ĐXL đọc tấu vĩ cầm tặng Bà bài "Lòng Mẹ".



Riêng tôi, tôi thích câu chuyện về "Bông Hồng Cài Áo" của Thiền sư Nhật Hạnh. Có một điều Thiền Sư khuyên, giản dị thôi mà tôi nghĩ rất ít người Việt thực hiện (kể cả tôi):

*"Nếu có khuyên, thì tôi sẽ khuyên anh, như thế này. Chiều nay, khi đi học hoặc đi làm về, anh hãy vào phòng mẹ với một nụ cười thật trầm lặng và bền. Anh sẽ ngồi xuống bên mẹ. Sẽ bắt mẹ dừng kim chỉ, mà đừng nói năng chi. Rồi anh sẽ nhìn mẹ thật lâu, thật kỹ, để trông thấy mẹ và để biết rằng mẹ đang sống và đang ngồi bên anh. Cầm tay mẹ, anh sẽ hỏi một câu ngắn làm mẹ chú ý. Anh hỏi: "Mẹ ơi, mẹ có biết không?" Mẹ sẽ hơi ngạc nhiên và sẽ nhìn anh, vừa cười vừa hỏi: "Biết gì?" Vẫn nhìn vào mắt mẹ, giữ nụ cười trầm lặng và bền, anh sẽ hỏi tiếp: **"Mẹ có biết là con thương mẹ không?"** Câu hỏi sẽ không cần được trả lời. Cho dù anh lớn ba bốn mươi tuổi, chị lớn ba bốn mươi tuổi, thì anh chị cũng hỏi một câu ấy. Bởi vì anh, bởi vì chị, bởi vì em là con của mẹ. Mẹ và anh sẽ sung sướng, sẽ sống trong tình thương bất diệt. Và ngày mai mất mẹ, anh sẽ không hối hận, đau lòng, tiếc rằng anh không có mẹ."*

Trong "Bông Hồng Cài Áo", Thiền Sư Nhất Hạnh cũng nhắc về kỷ niệm khi nhận một đóa hoa từ một người Nhật trong Ngày Hiền Mẫu và Ông nghĩ rằng đây là một tục lệ rất hay. Sau này Phật Giáo Việt Nam đã chấp thuận nghi thức trao tặng hoa hồng đỏ hay trắng cho Phật tử, còn hay mất Mẹ, trong dịp Lễ Vu Lan vào Rằm tháng 7 âm lịch.

Tuần này, tôi hân hạnh nhận được quà tặng đặc biệt từ một Phật tử ở Sài Gòn: bản nhạc cùng hòa âm ca khúc "Bông Hồng Cài Áo", nhạc và lời của Nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông - tác giả của những ca khúc nổi tiếng như *Chiều Mưa Biên Giới*, *Mấy Dặm Sơn Khê*, *Sắc Hoa Màu Nhớ*, *Nhớ Một Chiều Xuân*, *Hải Ngoại Thương Ca*, *Về Mái Nhà Xưa* ... Chúng tôi nghe giai điệu đúng là dấu ấn của Nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông và lời ca rất đẹp cho Ngày Của Mẹ cuối tuần tại Hoa Kỳ (13 tháng 5, 2012). Được biết ca khúc này sáng tác năm 1966 dưới tên Phụng Linh, một bút hiệu khác của Nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông, cho vở tuồng cải lương "Bông Hồng Cài Áo" của Soạn giả Hoàng Khâm, ý từ một cốt truyện về tình mẫu tử của Nhật với tục lệ bông hồng cài áo:

<https://www.youtube.com/watch?v=uTQ5B5X4l6k>

Sau này, có một số người dùng tựa đề là "Bông Hồng Cài Áo Trắng", để phân biệt với bản nhạc của Phạm Thế Mỹ & Thiền Sư Nhất Hạnh, sáng tác năm 1967.

Xin được trao tặng hoa hồng đỏ hay trắng đến bằng hữu của Cỏ Thơm khắp nơi và chúc quý vị thân tâm an lạc.

Phan Anh Dũng (Richmond - 11 tháng 5, 2012)



Bông Hồng Cài Áo

♩ = 68 Slow Rock Nhạc và Lời : NGUYỄN VĂN ĐÔNG

Đẹp thay bông hồng cài trên áo trắng
(Mừng cho ai còn cài hoa trên) áo

Một biểu trưng tình yêu rất chân thành
Đời suy biến tình kia khó phai nhòa
Hạnh phúc thay hồng trên má hoa đào

Cho những ai còn mái tóc xuân xanh
Trên nét mỗi ngày kia sẽ phôi pha
Như nước trong nguồn mãi mãi tuôn ra

Trong giấc mơ an lành em gọi: "MÁ"
Cho những ai không còn áo cài...
Như tiếng ru mẹ hiền giữa đời...

1. Tình mẹ hiền ngàn năm cao...
2, 3. Fine. ...hoa. Công ơn biển trời nguyên ghi suốt đời nghìn trùng khôn tắt cho với.

3. Mai sau bể cạn và dù núi mòn, nhưng vẫn còn tình mẹ với con.
D.S. al Fine. Mừng cho ai còn cài hoa trên...

Mời quý vị nghe **Tâm Hảo** trình bày ca khúc thật cảm động của người nhạc sĩ tài hoa **Nguyễn Văn Đông**:

<https://www.youtube.com/watch?v=revTNet9O1M&feature=relmfu>

BÔNG HỒNG TƯỞNG NIỆM

Nụ hồng màu trắng tinh khôi
Con cài lên áo từ hồi mẹ đi
Tháng ngày là những sầu bi
Tưởng hình bóng mẹ sinh ly não lòng
Lúc xưa con những hằng mong
Được kề cận mẹ trong vòng yêu thương
Nào ngờ cái lý vô thường
Khiến con mất mẹ đoạn trường xót xa
Hằng đêm gió lạnh mưa nhòa
Mất con ướt lệ chan hòa... mẹ ơi!
Mẹ đi vĩnh viễn đời đời
Thân con đơn bóng ngậm ngùi ai hay
Thương mẹ con viết lời này
Mẹ, con... ta sẽ có ngày... gặp nhau?

Ỗ Nguyên

Mùa Vu Lan báo hiếu
August 2018





ĐÔI TAY MẸ HIỀN

Tình mẫu tử trong ngần mắt biếc
Mẹ thương con thấm thiết tình sâu
Đôi tay hai cánh nhiệm màu
Mẹ mang sức sống tô màu ấu thơ

Cho con chẳng vướng bụi dơ
Mây trời mẹ trải vườn mơ địa đàng
Êm đêm giữa chốn trần gian
Che mùa nắng hạ mưa hàn gió đông

Trong nôi dỗ giấc ấm nồng
Đong đưa năm tháng ăm bông à ơ
Ngày đêm mười ngón buông tơ
Tình mẹ dệt gấm tuổi thơ Thiên Đường.

Thanh Trí, Sacramento



CHUYẾN XE CUỐI CÙNG

**** Kim Oanh** (Melbourne) ******

Hai năm qua rồi mà sao lòng tôi vẫn chưa nguôi, cũng giờ này ngày ấy chiếc xe nhè nhẹ lặn trong khu phố nhỏ.

Má tôi muốn được nhìn những cánh hoa muôn màu của những căn nhà chung quanh trong khu phố, má đau nhiều lắm không biết sẽ ra đi lúc nào nhưng sao má vẫn thấy cuộc đời muôn sắc thắm vậy hờ má? Ước gì con cũng được an vui, hạnh phúc như cuộc đời má dù chỉ là một góc nhỏ thôi. Ước thế thôi chứ má có biết con đang an lành bên má không má ?!.



(Cây kiếng Ba Má để lại)

- Hoa này đẹp không má?
- Hoa nào cũng đẹp cả con, mỗi hoa có vẻ đẹp riêng, giống như sáu đứa con gái của má, mỗi đứa có một vẻ đẹp khác nhau vậy. Má thế đó, cho dù ngày nay tuổi các con đã bước qua con số bốn đầu cả rồi, má lúc nào cũng ước ao, con mình như những đóa hoa còn xuân sắc.
- Oanh ơi, dừng xe lại đi con.

Xe dừng lại, má nhìn cánh hoa tươi cười rạng rỡ:

- Con thấy không, người ta nói hoa búp là hoa đẹp vậy mà hoa này nở rộ rồi mà có thua gì hoa búp đâu hở con!

Má ơi, con hiểu má muốn nói gì với con rồi, nhưng con làm sao xoay chuyển được cuộc đời của con đây hở má? Tôi vờ vô tình như không hiểu những gì má muốn nhắc nhở cùng tôi.

- Đi nhe má?

Không đợi má trả lời tôi tiếp tục cho xe lăn đi.

Đi bên má chiều nay sao tâm hồn tôi đau xót quá, chưa hết vòng khu phố nhỏ má dường như sắp mệt, nhưng tôi cố gắng tìm những cánh hoa khác để xua tan đi cơn mệt, đang hân lên gương mặt má tôi.

- Oanh ơi, cái cổ má mỏi quá con, thôi về đi con.

Tôi tựa sát vào thành xe lăn.

- Má tựa đầu vào ngực con nè.

Thế là vừa đi tôi vừa nương theo xe má.

- Con nhỏ này nhanh trí, má thấy đỡ rồi đó. Bởi vậy má nói với ba con hoài “Con Oanh nó giống Minh lệ làng” và suốt con đường đi hôm ấy hình ảnh ba lại được má nhắc hoài...

- Con biết không, hồi xưa má về với ba con, má chỉ là cô gái mới vừa 15 tuổi cái tuổi còn ngây thơ khờ dại, chưa biết gì là khôn khéo với người ngoài. Vậy mà ông bà nội của con thương yêu dạy bảo má, với lời nói nhẹ nhàng, má còn nhớ có hôm nọ má nấu canh, ông nội ăn xong khẽ nói:

- Con ơi, canh hơi cứng.

- Thừa tí, con hầm lâu lắm sao còn cứng hở tí?

Ông nội cười xòa và bảo:

- Tía nói cứng nghĩa là mặn đó con, thôi không sao đâu.

Và xoay qua bà nội, ông con nói:

- Con nó còn nhỏ, từ từ tí má sẽ chỉ dạy thêm.

Ông bà con là người nhân từ đức độ, kẻ trên người dưới đều một lòng quý mến. Trong gia đình ông bà không cho gọi người giúp việc là “Người làm” mà gọi là “Anh em bạn”, cho dù ông đang ăn cơm mà tá điền đến nhà, ông con bỏ đĩa đứng lên, hai tay chấp trước ngực để chào đáp lại. Ông bà con là điền chủ giàu có lắm ruộng vườn cò bay thẳng cánh ở vùng Phú Hữu. Năm nào thất mùa lúa là năm đó ông bà nội không thu một hạt lúa nào của tá điền, mà còn trích ra thóc gạo để giúp đỡ dân nghèo qua cơn khốn khó. Ngoài ra ông còn học về thuốc Nam để trị bệnh cho dân nghèo những khi đau yếu, bệnh tật. Ruộng vườn bao la bao nhiêu thì tình thương nhân ái của ông bà nội con cũng bao la bát ngát bấy nhiêu. Cũng vì được

trọng nề đức độ ấy mà dân làng đã bầu ông con là ông Bang Biện trong làng.

Thời ấy dân làng phải băng đồng lội ruộng đi dự phiên chợ Giồng Ké, thuộc xã Trung Ngãi, Quận Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long, thấy dân làng quá cơ cực trong hai buổi đi chợ về, ông đã cho đắp con đường với hai hàng cây trâm bầu thật mát để người dân đỡ vất vả. Nhớ ơn ông, người dân làng đã gọi đó là Lộ Ông Bang, trong truyện Hồ Biểu Chánh đã có lần nhắc đến đó con biết không?

Các con ngày nay được no cơm ấm áo, nhờ vào phúc đức của ông bà để lại nhe con, hãy cố gắng sống "Minh ăn hết người ta ăn còn".

Tiếp nối ông nội, thì ba con là người con hiếu thảo, một người chồng chung thủy, một người cha mẫu mực, đối với bà con lối xóm tốt bụng hiền lương y như ông bà con vậy.



(Di vật của Ba Má)

Ba con thương yêu má hết lòng. Năm ông ngoại con mất sớm, bà ngoại con mới vừa 40 tuổi, má là chị hai trong gia đình, có năm đứa em thơ dại, ba con đã bảo bọc, hiếu thảo với bà ngoại và thay mặt má nuôi dưỡng chăm lo sự nghiệp cho di và các cậu con nên người. Ngày đầu tiên về làm vợ, ba con để trên đầu giường quyển sách "Cách học làm vợ và nuôi dạy con". Bao nhiêu đó

má biết ba con là người chồng rất tề nhị. Ba con chưa một

lần la rầy má, chuyện gì không vừa ý ba con luôn lựa lời nhỏ nhẹ bảo khuyên. Ai nói gì oan ức má nói ba sao không đánh chính, ba mỉm cười nói: "Chỉ cần một mình Minh hiếu anh là đủ rồi". Má vừa kể chuyện, tay vừa xoay xoay chiếc cà rá một cách âu yếm thiết tha. Má cười nói:

- Con có biết, chiếc cà rá này là kỷ vật của ba tặng kỷ niệm khi má mang thai con, con là đứa con thứ chín trong gia đình đó con. Ba con là người cha chu toàn, hết lòng dạy dỗ các con nên người. Không có ba thì mười đứa con không được như ngày nay đâu con.

Ba thế này ba thế đó... và trong ánh mắt má chan hòa, thương nhớ xa xăm, tôi đã nghe nhắc đi nhắc lại không biết bao nhiêu lần. Vậy mà lần nào nghe tôi vẫn thấy thật hay như câu chuyện cổ tích diệu kỳ và má tôi là Nàng Tiên trong chuyện thần tiên đời nay của thế giới mới mẻ này.

Ba đã mất đi năm năm rồi, má vẫn còn thấy như ba đang bên cạnh má, má nói chuyện với tôi mà tâm hồn như đang trò chuyện cùng ba.

- Ba má về với nhau hơn sáu mươi năm rồi chứ ít ỏi gì, thế mà như còn xuân vậy hờ má!

Má nghe tôi nói má cười sung sướng:

- Ồ, ba con ổng tốt lắm, trọn đời này không có người thứ hai, ổng thương má đến ngày nhắm mắt. Trước khi nhắm mắt ba con còn lo cho má: “Ba đi rồi má con ở với ai?” Chị Phụng con trả lời: “Ba đừng lo, chúng con đông mà ba”. Ba vẫn chưa yên lòng: “Nhưng má con ở với đứa nào?” Chị con vội nói: “Ba yên tâm má ở với con”, Ba con yên lòng nhắm mắt ngủ... và ngủ bình yên trong yêu thương an lạc. Ba con là một người chồng trọn tình trọn nghĩa.

Thật vậy, đó là sự thật! Sống với gia đình suốt hai mươi hai năm, tôi chưa một lần nghe ba má cãi nhau, tôi rất tự hào về ba má tôi. Người đã cho tôi một tuổi thơ tràn đầy thương yêu và thật đẹp, thật hiền hòa như bài hát Kỷ Niệm của nhạc sĩ Phạm Duy mà mỗi lần nghe ca sĩ Thái Thanh hát, lòng tôi mãi dạt dào hoan ca, hạnh phúc:

Cho tôi lại ngày nào

Trăng lên bằng ngọn cau

Mẹ tôi ngồi đan áo

Bên cây đèn dầu hao

Cha tôi ngồi xem báo

Phố xá vắng im im

Trong đêm mùa khô ráo....

Những lời ca này, tôi có thể hình dung lại được một mái gia đình đầm ấm, điển hình là mái ấm của gia đình tôi, khi tôi còn bé tí teo. Tuy giờ đây lưu lạc phương này, tôi vẫn sống mãi trong niềm hạnh phúc vô biên mà ba má đã ban tặng cho cuộc đời tôi.

Xe lăn về gần đến nhà, tôi không muốn đi nhanh, từ từ cho xe chậm lại để được nghe những lời thiết tha của một mối tình già thủy chung son sắt, mỗi lần nhắc đến đôi mắt má vẫn còn long lanh, tha thiết, chẳng hề phai.

- Thôi đẩy má về đi con má mệt rồi.
- Mai đi nữa nhe má?
- Ồ, để coi mai má khoẻ thì đi.

Đưa má vào nhà, nhìn má ăn cơm khi ánh nắng chiều xuyên qua khung cửa tạo một vệt nắng hắt lên mái tóc bạc phơ, tôi thấy tâm hồn mình quặn thắt, ánh nắng yếu ớt, má tôi giờ cũng yếu ớt và tâm hồn tôi cũng chẳng khác gì ánh nắng kia. Nhưng tôi cố tạo một vẻ bên ngoài cứng cỏi lắm. Nhưng má ơi, má có biết từ lúc đẩy má trên chiếc xe lăn, nước mắt con đã chực ứa rồi, con không biết hai mẹ con mình có còn được dạo phố ngắm hoa nữa không hỡi má?

Hôm sau ngày 24-9-2002 tôi đi làm lại, sau những ngày xin nghỉ phép để chăm sóc má. Nhưng má lại lên cơn đau, hai em tôi đưa má vào bệnh viện, tôi rời sở làm về thẳng bệnh viện thăm má.

- Oanh về rồi hả con?
- Dạ, con mới về.
- Xoa lưng cho má được không con, má mỏi quá!

Tôi xoa nhẹ nhẹ lưng cho má, nhưng mắt má thất thần, gương mặt hằn nét đau đớn, nhưng má vẫn chờ tôi về, muốn tôi vuốt ve lần cuối cùng trên chiếc lưng má. Ngày nào rời quê nhà, tôi là người cuối cùng xa ba má, rồi giờ đây tôi lại là người cuối cùng má xa rời tôi. Con cháu đến đông đủ bên cạnh má, lo âu vì Bác sĩ cho biết là má sẽ ra đi bất cứ lúc nào.

Má nói đêm qua nằm mơ thấy ba cất nhà mới và đón má về với ba. Thế rồi má nhắm mắt ngủ...và từ từ ngủ ...bình yên trong niềm đau đớn vô cùng của chúng tôi.

Nước mắt chúng tôi rơi...nhưng không thành tiếng vì muốn má được ngủ thật bình yên, ngủ giấc ngủ ngàn thu....trong tĩnh lặng và cùng ba đi tiếp con đường mới đầy yêu thương vĩnh cửu như kiếp này ba má nhé !!!

Lời trăng trối cuối cùng trước khi nhắm mắt, má tha thiết ước mong một điều: “Các con phải thương yêu đùm bọc cho nhau, và ba đâu má đó, hãy chôn ba má cùng một nấm mồ”. “ Sống đồng tịch đồng sản, chết đồng quan đồng quách”. Ba má tôi đã trọn đời thủy chung và một lòng tôn kính lẫn nhau, từ khi gặp gỡ cũng như lúc qua đời.

Ngày cùng má đi dạo phố cũng là ngày cuối cùng tôi được hạnh phúc bên má, cũng là chuyến xe cuối cùng tôi được cùng má ngắm hoa.



(Ba Má ngắm sen)

Má ơi! Đêm nay con viết những dòng chữ này gửi đến má với tất cả niềm thương nhớ sâu thẳm của con. Má ơi, vườn con giờ nhiều hoa nở lắm, và má có biết chẳng có một đóa hoa vừa sống lại trong khu vườn của con không? Một đóa hoa héo tàn mấy mươi năm, một đóa hoa mà má hằng mong ước nó sẽ xanh tươi rực rỡ dù bao bão tố phong ba. Hoa đã được hồi sinh đó là một trong sáu đóa hoa xinh tươi của má, má có biết chẳng hỡi má? Xin má hãy giúp con tưới đóa hoa này để mãi mãi nó luôn tươi đẹp nhe má!

Thương yêu tha thiết gửi về má đêm nay. Đêm nay chính là ngày cách đây hai năm má đã ngủ yên, giấc ngủ êm đềm để gặp lại ba nơi miền cực lạc.

Phúc cho con một đời được làm con của ba má!

Kim Oanh (Melbourne)

Kỷ niệm ngày giỗ thứ hai của má

Úc Châu 24-9-2004



MOTHER'S LOVE

Her love is like
an island in life's ocean,
vast and wide

A peaceful, quiet shelter
From the wind, the rain, the tide.
'Tis bound on the North by Hope,
By Patience on the West,
By tender Counsel on the South
And on the East by Rest.

Above it like a beacon light
Shine Faith, and Truth, and Prayer;
And thro' the changing scenes of life
I find a haven there.

Anonymous

TÌNH MẸ

Tình yêu của Mẹ tuyệt vời
Như hòn đảo giữa biển đời
mênh mông
Biển bao la, rộng muôn trùng.
Đảo là nơi trú vô cùng bình an
Lại thêm yên tĩnh vô vàn
Tránh mưa, tránh gió, tránh
con thủy triều.
Chở che phương Bắc đảo yêu
Đó là Hy Vọng điểm kiêu
vô biên,
Phương Tây Nhấn Nhục lâu bền,
Phương Nam là những
Lời Khuyên dịu dàng
Phương Đông chở che kỹ càng

Chính là Nơi Nghi an toàn
lắm thay.
Ở trên hòn đảo quý này
Như đèn pha chiếu rọi đầy
trước sau
Là Niềm Tin rất nhiệm màu
Là điều Chân Thật, là câu
Nguyện Cầu
Và qua đời sống dài lâu
Trải bao tình cảnh dãi dàu
đổi thay
Ta tìm ra được trong đây
Một nơi nương náu tràn đầy
thương yêu.

Tâm Minh Ngô Tăng Giao

ĐÓA HOA MÙA VU LAN 2018

**** Trần Chí Phúc ****

Cũng như mỗi Mùa Tết, Mùa Giáng Sinh đến thì Mùa Vu Lan năm nay lòng lại bồi hồi. Nhìn mặt trăng bắt đầu tròn trên bầu trời phương xa này, biết rằng ngày rằm sắp tới, Rằm Tháng Bảy - một ngày lễ hội lớn của truyền thống văn hóa Việt Nam và Phật Giáo.

Hồi còn bé, lên chùa nhìn bức tranh vẽ dán trên tường các cảnh ở địa ngục, người phạm tội bị quỷ sứ cưa mình, bỏ vào vạc dầu sôi mà run sợ. Nghe kể chuyện bà Thanh Đề, mẹ của Bồ tát Mục Kiền Liên, bị đọa vào địa ngục, rồi tự nhủ khi mẹ mình qua đời mình phải bắt chước Mục Kiền Liên làm mọi thứ để cứu người thân yêu nhất đời. Thời thập niên 1960, các bài hát vọng cổ và tuồng cải lương có lấy đề tài Mục Liên Thanh Đề để trình diễn. Tuy những tác phẩm văn nghệ đó có ý nghĩa nhưng buồn quá, gợi cảnh chia ly, chết chóc, run sợ.

Rồi thêm câu chuyện ngày rằm tháng bảy là ngày cửa địa ngục mở cho các oan hồn được phép lên dương thế để hưởng những thức ăn bày cúng của nhân gian. Hầu như mọi nhà đều có cúng cô hồn, nghĩa là những người chết đi chưa đầu thai, còn lang thang vất vưởng, không có thân nhân cúng tế, được hưởng ké thức ăn. Có những thương gia, nhà giàu bày biện thịnh soạn mâm cỗ trước nhà, nhang thấp chưa tàn thì đã bị bọn con nít hoặc người nghèo nhào vô đánh giứt heo gà bánh trái. Gia chủ đành cười trừ gọi họ là “cô hồn sống”, không biết là cô hồn cõi âm có buồn không. Người ta tin rằng phẩm vật cúng phải có nhang khói và lời khấn nguyện của người cúng thì người cõi âm mới hưởng được.

Trong nhà thì bàn thờ tổ tiên trang trọng, đèn nhang, hoa quả bánh trái tươm tất. Ngày Lễ Vu Lan cũng là ngày tưởng nhớ người cõi âm, ông bà cha mẹ và người thân đã khuất bóng. Ai rồi cũng chết từ cõi dương gian đi về cõi âm, ai cũng có thân nhân qua đời. Người sống cúng cho người chết nghĩ rằng mai này mình cũng sẽ được con cháu làm giống như thế.

Thi hào Nguyễn Du đã viết bài Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh, là những oan hồn chết bờ chết bụi, chết oan không có thân nhân cúng

tế cũng trong mùa Vu Lan này. Đây là một tác phẩm văn học giá trị và đầy tình thương đồng loại.

Cái bầu không khí Vu Lan là báo hiếu mẹ, tưởng nhớ người cỗi âm, quí sứ địa ngục, cô hồn bám theo tâm trí tôi suốt những mùa Vu Lan từ hồi còn bé cho tới khi tôi vượt biển qua xứ Bắc Mỹ cuối thập niên 70 thế kỷ trước.



Mặc dù ở Việt Nam đã có phong trào bông hồng cài áo nhân mùa Lễ Vu Lan nhưng tôi không để ý. Ở thành phố Calgary, Canada, mùa Vu Lan 1982, một nhóm Phật tử tổ chức cúng bái tụng kinh và cài bông hồng lên ngực cho mọi người. Bông hồng đỏ cho người còn mẹ, bông hồng trắng cho người không còn mẹ. Lần đầu tiên trong đời, tôi thấy những cụ già mắt nhắm lệ và khóc. Tôi chợt hiểu ra vì họ cũng buồn khi nhớ mẹ của họ. Trong lòng mỗi người dù ở lứa tuổi nào, già hay trẻ thì mãi mãi họ vẫn là đứa bé đối với người đã sinh ra mình.

Dần dà nhiều năm sau này, lễ bông hồng cài áo trở nên phổ biến. Nhiều bài hát ra đời tiếp nối ca khúc nổi tiếng Bông Hồng Cài Áo do nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ phổ từ ý thơ Thiền sư Thích Nhất Hạnh. Từ không khí buồn, trang nghiêm đã trở nên dễ thương với tình mẹ, với bông hồng. Không khí văn nghệ đó cũng lây lan sang một số người không phải là Phật tử. Anh hay chị còn mẹ thì gắn bông hồng đỏ, bông hồng trắng cho kẻ mất mẹ. Dù buồn hay vui thì cũng là nhớ tới mẹ, vinh danh tình yêu dành cho mẹ.

Có đôi lúc, có người không thích chuyện phân biệt bông hồng đỏ, bông hồng trắng. Nhưng làm sao thỏa mãn hết tất cả các ý kiến. Dĩ nhiên người trẻ thì mẹ cũng chưa già lắm có bông hồng đỏ, còn người lớn tuổi cỡ 60, 70 thì mẹ đã qui tiên nhận bông hồng trắng. Bàn một chút về chữ nghĩa, chữ Rose dịch là bông hồng, hồng nghĩa là màu hồng. Để phân biệt thì phải thêm bông hồng đỏ, bông hồng trắng. Cho nên bây giờ, tôi nghĩ rằng bông hồng đỏ hay trắng cũng là chỉ tượng trưng cho tình yêu đối với mẹ nhân mùa Lễ Vu Lan. Tình yêu đó cao quí.

Bông hồng cài áo còn phổ biến trong ngày Lễ Mẹ - Mother's Day ở Bắc Mỹ và bây giờ cũng phổ biến ở Việt Nam. Nhưng lễ bông hồng cài áo của Mother's Day khác với lễ bông hồng cài áo mùa Vu Lan.

Mùa Lễ Vu Lan bây giờ là sự hài hòa, tổng hợp, xen lẫn giữa sự tưởng nhớ người đã khuất bóng, gọi là người côi âm như cúng cô hồn; cúng bái tổ tiên ông bà cha mẹ khuất bóng, cầu siêu cứu huyền thất tổ và không khí văn nghệ từ chuyện bông hồng cài áo.

Rất nhiều người đã khóc khi nghe những bài hát về tình mẹ, về đóa hoa cài trên áo mùa Vu Lan. Dù mẹ còn sống nhưng xa cách, và nhớ kỷ niệm về mẹ đã ra đi, cái nào cũng làm rung rung lệ.

Mùa Vu Lan 2018, có người bạn cùng quê Tuy Hòa, hiện đang ở Calgary, Canada. Mẹ của anh vừa mất hưởng thọ 100 tuổi ở Nhà dưỡng lão. Điều đáng nói là anh tuổi trên sáu mươi, có vợ con và có cháu nội. Mỗi ngày khi tan sở lúc 4 giờ chiều, anh về nhà nấu thức ăn chay đem vào Nhà dưỡng lão; anh tự tay cho mẹ ăn uống, bà cụ ăn chay trường, rồi tắm rửa, thay quần áo cho mẹ; đến 9 giờ tối mới trở về nhà. Anh chăm sóc mẹ như vậy suốt 7 năm trời, không một ngày vắng; chỉ đôi lần đi xa ít buổi vì công việc. Các nhân viên Nhà dưỡng lão rất khâm phục lòng hiếu thảo của anh. Khi tôi biết tin, chia buồn bà cụ qua đời thì anh bạn tâm sự rằng, bây giờ cứ 4 giờ chiều là lòng man mác, chạy xe ngang qua Nhà dưỡng lão, thấy nhớ cái gì đó. Tôi nghe anh kể chuyện chăm sóc mẹ già như vậy mà lòng cảm phục, chuyện hiếu thảo như vậy thật hiếm có.

Và lòng tôi lại băn khoăn. Mẹ tôi tắt thở khi tôi ngồi bên cạnh, đưa con trai từ Mỹ về Việt Nam thăm mẹ nhưng lại không có dịp nghe lời cuối cùng của bà. Hồi còn ở Calgary Canada, tôi có viết bài hát Đóa Hoa Mùa Vu Lan cho tờ báo Phật Giáo Calgary năm 1983. Trong đó có trang trải nỗi lòng của mình.

Ý tưởng từ bông hồng cài áo kết hợp với mùa lễ Vu Lan, có bông hồng cài trên áo người em gái, dù vui nhưng vẫn khóc vì mẹ cách xa, cùng chấp tay cầu nguyện trước Phật, cùng mơ về một ngày đất nước thanh bình để sum họp với mẹ hiền. Đóa hoa mùa Vu Lan tượng trưng cho tình yêu cao quý dành cho mẹ và có không khí rất là Vu Lan.

Lời ca: "Cành hoa hồng thắm cài lên áo em. Cùng nhau chia vui mẹ hiền còn đó. Hỡi em, mẹ thương em không, em bảo mẹ thương em lắm. Hỡi em, em yêu mẹ không, em cười sao lại không yêu.

Tình yêu nào đó nồng lên mắt em. Tình yêu bao la của mẹ cao quý. Ngày thơ tung tăng bên mẹ, xứ người giờ con lỡ bước. Lời khuyên ra đi năm nao, con ghi nhớ mãi trong lòng.

Điệp khúc: Nay mùa Vu Lan, mùa báo hiếu đó em. Chắp tay ta cùng nguyện cầu, nén hương dâng trước Phật đài. Cầu cho mẹ yêu an vui, cầu cho quê hương đau thương, không còn khói lửa, không còn hận thù.

Cành hoa hồng thắm cài lên áo em. Nay em vui đi, kìa sao em khóc. Nghìn công ơn sâu của mẹ, bao giờ đời con báo đáp. Ngày quê hương thôi chia ly, mẹ hiền hết câu mong chờ."



Tôi nhờ ca sĩ Mai Hương thu âm, nhờ nhạc sĩ Đặng Xuân Thìn viết hòa âm cho 4 vĩ cầm và 1 dương cầm do nhạc sĩ Hoa Kỳ trình tấu, phòng thu Phạm Ngọc Sơn - anh ruột ca sĩ Khánh Ly - ở Oakland đưa vào trong CD "Chiều San Francisco" phát hành năm 1994. Tiếng hát Mai Hương tha thiết, điêu luyện, tiếng vĩ cầm êm ái và tiếng dương cầm thánh thót đẩy bài hát Đóa Hoa Mùa Vu Lan lên cao. Tôi mới học được cách đưa âm thanh bài hát lên Youtube cùng những hình ảnh chọn lọc về lễ bông hồng cài áo để gởi cho bằng hữu khắp nơi nhân mùa Vu Lan 2018:

<https://www.youtube.com/watch?v=J4lmQhyy6jo>

Trần Chí Phúc

NỮ HOÀNG TRIANON

**** NGUYỄN VĂN THÀNH 1923 ****

(Luật Pháp Và Văn Học Nghệ Thuật)



Vua Louis 15

Vua Louis 15 thường được gọi Louis thương mến hay Người Yêu: Louis 15 (Louis XV le Bien-Aimé), lên ngôi lúc còn nhỏ tuổi thuộc Triều Đại Bourbon, điều khiển nước Pháp qua sự nhiếp chính của Quận Công de Bourbon và tiếp đến Đức Hồng Y Pháp Fleurry.

Nhà Vua kết hôn với Công Chúa Ba Lan Marie Leszczyńska, năm 15 tuổi (1710-1774). Sau khi Đức Hồng Y Fleurry

từ trần, nhà Vua tự cầm quyền nhưng chịu ảnh hưởng chính trị khá mạnh mẽ của người tình Madame de Pampadour.

Có thể tóm tắt Triều Đại Louis 15 (1710-1774) đã dính líu tới nhiều cuộc chiến như tại Ba Lan, Áo, Anh gây thâm thủng ngân sách vì cạnh tân quân đội với các chiến phí quá nặng đưa tới cải tổ tài chính nhiều lần, nhưng vẫn mất Ấn Độ, Gia Nã Đại, bù lại sát nhập vào nước Pháp miền Lorraine thường tranh chấp vũ trang với Đức (23.547 cây số vuông) và đảo Corse thuộc quyền quản trị của Ý (8.680 cây số vuông).

Cuối Triều Đại Louis 15 đánh dấu bằng sự chấn chỉnh tổ chức nội bộ, cạnh tân hải quân sao cho chiếm được ưu thế đối với Anh và liên minh với Áo ngăn chặn Anh đang đe dọa thuộc địa hải ngoại cùng mậu dịch của Pháp và chống lại Phổ (tên xưa của Đức Quốc) chiếm tỉnh Silesia của Áo.

Liên minh Anh-Phổ ra đời do Thỏa Ước Westminster làm thay đổi cán cân quyền lực tại Âu Châu. Do đó, Pháp cần một đồng minh mạnh tại lục địa, đã chọn Áo để thăng bằng quyền lực. Áo không phải là đồng minh thân tín nhưng đóng một vai trò chiến lược cần thiết vào giai đoạn đó. Cả Pháp lẫn Áo đều thất bại trong cuộc chiến tốn kém và tổn thất khá nặng kéo dài bảy năm. Pháp mất nửa thuộc địa còn Áo không tái chiếm được Silesia vẫn ở trong tay quân đội Phổ.

Theo sử gia Joan Haslip, Marie Antoinette và Louis Auguste bị hy sinh cho Liên Minh Pháp-Áo xấu số đó vậy. Triều Đại trên nổi tiếng đã chủ xướng những lễ hội thật xa hoa tại Cung Điện

Versailles đòi hỏi sự lịch duyệt trong phong cách và vẻ đẹp trong kiểu mẫu trang phục và trang sức của giới quyền quý cao sang.



Vua Louis 16 và Hoàng Hậu Marie Antoinette

Vua Louis 16 và Hoàng Hậu Marie Antoinette tiếp nối truyền thống tổ chức lễ nghi và lễ hội theo cung cách sang trọng và hoang phí của triều đại trước để lại mà thôi.

Tưởng cũng cần đề cập thêm vào thời đó, chỉ có hai Triều Đại nổi tiếng nhất tại Âu Châu về lễ nghi, và yến tiệc tổ chức cực kỳ xa hoa tại Cung Đình, là Triều Đại Habsburg (Maria Theresa) và Bourbon (Louis 15). Công Chúa Áo Marie Antoinette, 14 tuổi cũng nổi danh với các kiểu áo lễ hội được những người ngưỡng mộ phong cho chức “Công Chúa Thời Trang” tại Áo.

Ngoài ra, Vua Louis 15 cũng được nhiều người biết đến vì nhà vua có nhiều người tình. Không phải người tình nào cũng sống trong cảnh giàu sang quyền thế, ví dụ như người tình hẩm hiu của cố vua Louis 15, Madame du Barry bị đưa lên máy chém Guillotine. Ngồi trên chiếc xe bò không mui lăn qua đường phố Paris tới nơi hành hình, nữ tử tội Du Barry gào thét, van xin, cầu khẩn những người quan sát ở dọc đường hãy nhủ lòng thương cứu bà ta. Đây là một người đàn bà độc nhất, trong số những nữ phạm nhân bị kết án chém đầu, đã hét ầm lên không chịu lên đoạn đầu đài, kêu van đau đớn, khơi dậy lòng nhân từ của những người đến tham dự vụ hành hình. Vùng vẫy mãnh liệt và chống đối quyết liệt đao phủ vào giờ phút cuối cùng, dưới lưỡi dao Guillotine sáng loáng, Du Barry tiếp tục gào thét kích động đám đông: “Hãy cứu tôi! Hãy cứu tôi!”. Đao phủ lo sợ phản ứng của công chúng, vội vã hoàn tất nhiệm vụ đưa ngay Madame Du Barry về bên kia thế giới không theo thủ tục hành hình thường lệ.

Các nhà vua thuộc Triều Đại Bourbon đều có người tình chính thức, đặc biệt Vua Louis 16 đã phá lệ, không có người tình nào cả,

chỉ trung thành với Hoàng Hậu Marie Antoinette mà thôi. Các Sử gia cho đó là một khuyết điểm nhưng không giải thích lý do tại sao.

Sự chung tình của nhà vua bằng bạc suốt cuộc sống vương giả với Antoinette từ lúc nàng 14 tuổi cho tới cái tuổi đi vào độ đẹp nhất của đời người đàn bà được thể hiện qua sự hóa giải ngăn cách giữa Triều Đình và Hoàng Hậu, xoa dịu mọi sự chỉ trích của quần chúng, tặng ngay Antoinette khi mới đăng quang lên ngôi vua, một địa phận riêng để tiêu khiển “Trianon”, nhiều kỷ vật tự tay vua làm lấy như chiếc bàn đặt trong phòng ngủ của Hoàng Hậu tại Trianon hiện được bảo tồn tại Bảo Tàng Viện Nissini de Camondo.

Và, đặc biệt hơn nữa giao cho người em gái của nhà vua, Madame Elisabeth, cùng với Quận Chúa trẻ đẹp Yolande Gabrielle de Polignac thường xuyên ở cạnh Công Nương Lamballe trông nom Antoinette, và sau này Công Nương Lamballe thay thế Polignac cho đến ngày Hoàng Hậu từ giả Trianon năm 1785. Còn riêng em gái vua, Madame Elisabeth, người thân thuộc duy nhất đã coi thường mọi sự đe dọa mạng sống dưới lưỡi dao Guillotine, vẫn ngang nhiên gần gũi chăm sóc ông anh và bà chị dâu cùng hai cháu cho đến giờ phút cuối cùng lên máy chém chặt đầu vào đợt Đại Khủng Bố tháng 6 năm 1794 (la Grande Terreur, Juin-Juillet 1794) về tội trung thành với Triều Đại Bourbon.

Công Nương Lamballe, bạn thân của Antoinette, cũng chịu chung số phận như em gái vua Louis phải lên máy chém, chỉ khác đầu Lamballe bị bêu qua phố phường Paris vì nữ tử tội chấp nhận thà bị mất đầu hơn là phải man khai căm thù người bạn thân thiết của mình vào đợt Khủng Bố tháng 9 năm 1792.



Madame du Barry

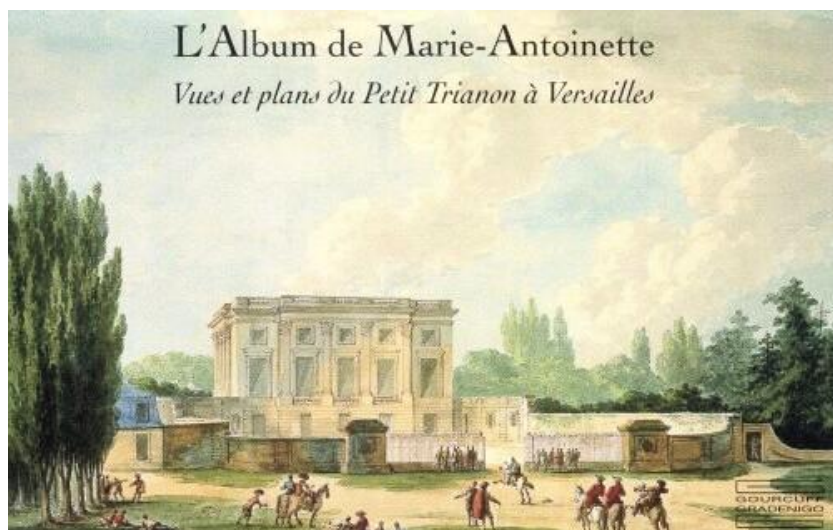


Madame Elisabeth



Lamballe

TRIANON hay BÀN TAY ĐỊNH MỆNH



Marie Antoinette thật vui mừng được nhà Vua tặng một địa phận riêng Trianon để giải trí vào năm 1774. Công việc trang trí và sắp xếp lại Khu Vườn theo kiểu mẫu của người Anh sao cho hài hòa và cân đối được khởi sự ngay. Ngoài công trình xây cất đã có, Antoinette muốn thực hiện một con suối, dòng sông, nhiều ao hồ, cù lao, nhà Hát Nhỏ, Xóm vắng trong ngôi làng kiểu mẫu và Nhà tu kín với tháp chuông để đứng ở trên cao Lâu Đài ba tầng bán cổ điển, có thể ngắm cảnh nên thơ vùng Trianon.

Ba nhà Kiến Trúc Sư hàng đầu ở Paris, M. de Caraman, Turgot và Mique cùng các nhà hội họa trang trí tài danh đã hoàn thành mau chóng dự kiến của Antoinette. Trianon trở nên nổi tiếng. Hàng vạn, hàng triệu người có thể đến thăm Fontainebleau hay Cung Điện Versailles, nhưng muốn vào Trianon phải có giấy phép hoặc giấy mời của Hoàng Hậu mới được vào thăm.

Theo sử gia Richard Covington viết một bài đặc biệt kỷ niệm ngày Hoàng Hậu Marie Antoinette bị kết án chém đầu năm 1793 cho Bảo Tàng Viện Smithsonian tại Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn, ấn hành tháng 11 năm 2006, công trình xây cất bỏ tốn tại Trianon kể cả Thôn nhỏ ở vùng quê làm tốn cho công quỹ hơn 2 triệu quan, vào thời đó, nay trị giá hơn sáu triệu quan. Đó là chưa kể ngân khoản đài thọ việc thiết kế và trang trí phòng ăn, phòng họp, tiếp khách những buổi hòa nhạc, diễn kịch, dạ vũ ngoài trời với những hệ thống đèn treo, đèn và củi đốt ở đường hào thường được tổ chức đón tiếp khoảng 300 khách mời đến tham dự các cuộc vui tại Trianon.

Muốn thực hiện kế hoạch xây cất và trang trí trên, Hoàng hậu Antoinette phải xin phép Tổng Trưởng Tài Chánh và Kiến Thiết chấp thuận rồi sau đó được nhà Vua phê chuẩn mới đưa ra thực hiện, ví dụ như Xóm nhỏ trong ngôi làng kiểu mẫu phải chờ 5 năm mới được phép khởi công xây cất. Tất cả công trình kiến trúc cũ cũng như mới tại Trianon đều thuộc Cơ Quan Quản Trị Tài Sản của Hoàng Cung.

Những sự chi tiêu riêng không dính dáng gì tới công quỹ cả, nếu có, Hoàng Hậu phải bỏ tiền túi ra trả. Chẳng hạn vào tháng 4 năm 1775, Hoàng Hậu Antoinette mua một đôi vòng hột xoàn đeo cổ tay trị giá 300.000 bảng Anh (đơn vị tiền tệ Anh, livre sterling, hay livre) dư sức mua một dinh thự sang trọng nhất ở khu đất tiền nhất tại Kinh Thành Ba Lê. Tiếp đến năm 1776, Hoàng Hậu lại mua đôi bông tai hột xoàn với giá 460.000 bảng Anh, phải trả góp hơn 6 năm. Số nợ này được khấu trừ vào tiền trợ cấp hàng năm dành cho Hoàng Hậu theo đúng sự quy định của thủ tục tài chính.

TAI TIẾNG LAN TRUYỀN

Trong cuộc hành trình qua Pháp từ năm 1770 đến ngày lìa cõi trần 16 tháng 10 năm 1793, Hoàng Hậu Antoinette ngự ở Điện Versailles 10 năm, 7 năm ở Trianon và 6 năm trị vì tức được 23 năm. Thực ra Antoinette không ở thường xuyên ở Trianon, lúc ở Versailles, khi ở Trianon, nhưng dành rất nhiều thì giờ trong các trò vui chơi không lành mạnh với đám nịnh thần, trong đó có điệp viên, tại Trianon vào thời gian từ năm 1774 đến 1780.

Kết hôn được 7 năm, Antoinette không có con nên cảm thấy nhớ nhà và chán nản kinh khủng. Viết thư cho người bạn thân vào tháng 4 năm 1775, Antoinette tâm sự “Sở thích của tôi không giống nhà Vua chỉ ham đi săn bắn và mày mò làm thủ công bằng kim khí hay vật liệu nhẹ”.

Quả vậy, trong khi Louis do dự, tiết kiệm và nghiêm nghị, Antoinette hoang phí quá đáng và nông nổi. Nhà vua thích sống một mình với thú vui tìm tòi làm thủ công, Hoàng Hậu đắm mình vào hội hè huy hoàng làm quay cuồng xã hội. Khi nhà Vua đi ngủ vào lúc 11 giờ đêm, Antoinette còn say đắm với yến tiệc và dạ vũ tung bừng thâu đêm. Antoinette thức dậy vào 11 giờ trưa, Louis đã dậy rất sớm. Đôi khi Antoinette quá buồn chán như muốn dấy lên sự chống đối nghi lễ tẻ nhạt trong Cung Điện, đã trốn ra ngoài trong dạ vũ hóa trang với đám cận thần phóng đảng đến coi nhạc kịch, nhà hát và đánh bài. Trò chơi phiêu lưu và bất xứng trên xui khiến Antoinette gặp Bá Tước Thụy Điển Axel Fersen vào tháng Giêng năm 1774, lúc đó Fersen 18 tuổi với cặp mắt xanh lãng mạn như người hùng trong tác phẩm nổi tiếng nào đó, con một nhà quý tộc



Bá tước Axel Fersen

Thụy Điển, trước đây đã từng cộng tác với Triều Đình dưới thời Vua Louis 15, đang đi du lịch vòng quanh nước Pháp. Hoàng Hậu có cảm tình ngay với Fersen và mời Fersen đến dự khiêu vũ nhiều lần tại Điện Versailles, nhưng không bao lâu Fersen rời Pháp sang Anh Quốc theo khóa học quân sự tại một Quân Trường nổi tiếng. Bốn năm sau, Fersen trở về Cung Đình Pháp như một sĩ quan trẻ và, theo Bá Tước François Emmanuel de Saint Prist, Tổng Trưởng Nội Vụ trong chính quyền Louis 16, viên sĩ quan trẻ này đã “chiếm được

trái tim của Hoàng Hậu”.

Fersen trở nên một người khách quý đến Trianon nhiều nhất. Hoàng Hậu đi xa hơn, đã trang trí căn phòng ở lầu 2, trên phòng của Hoàng Hậu cho Fersen. Hai người bắt đầu bí mật trao đổi thư từ, một trong những bức thư của Antoinette được ghi vào nhật ký của Fersen, có đoạn như sau “Em có thể nói với anh rằng em yêu Anh”. Một người đáng tin cậy trong Triều Đình tiết lộ, Antoinette ngày càng yêu say đắm Fersen và, có lẽ được sự chấp thuận ngầm của nhà Vua, chỉ một người: Tùy Viên Quân Sự Bá Tước Axel Fersen. Tưởng cũng cần đề cập thêm suốt thời gian từ năm 1774 cho đến ngày Hoàng Hậu giã từ Trianon, Vua Louis 16 chưa hề ngủ một đêm nào tại Trianon dù rằng Hoàng Hậu ân cần mời mọc nhiều lần đều bị nhà Vua từ chối khéo léo không làm mất lòng Hoàng Hậu.

TIN XẤU ĐẾN THÀNH VIENNE

Bị mê hoặc bởi nhóm cận thần trục lợi và hoang đàng tìm cách bịt mắt che đậy không cho nhìn thấy thực trạng của đất nước, Antoinette lao vào cuộc sống xa hoa trụy lạc, tại Trianon, đã lãng quên bổn phận của người vợ và Hoàng Hậu. Ngoảnh mặt làm ngơ trước sự chỉ trích của người dân, Antoinette chẳng những mất dần sự tín nhiệm và ngưỡng mộ của quần chúng mà còn ngày càng gây thêm bất mãn. Giờ đây, Antoinette không còn nghe lời khuyên bảo của ai nữa, ngay cả thầy dạy học Vermond lẫn Đại Sứ Áo Mercy d’Argenteau, người tâm phúc và nhân viên tình báo của Mẫu Hậu. Nếu bị Mẫu Hậu quở trách về lối sống phóng đãng và hoang phí phi lý được tường thuật trên báo chí và đặc biệt loại sách nhỏ (pamphlet) chuyên đưa tin ly kỳ, hấp dẫn xảy ra tại Trianon ở mục

“Tin Tức Triều Đình”, Antoinette trình báo Mẫu Hậu đó là toàn chuyện bịa đặt phóng đại.



Mẫu hậu Maria Theresa

Không một bài bình luận nào trên báo chí cùng loại sách nhỏ vu cáo, phỉ báng Antoinette đủ điều lại có thể thiếu trong Bộ Tham Mưu của Mẫu Hậu Theresa. Vào thời đó loại sách nhỏ pamphlet đóng một vai trò truyền

thông rất quan trọng. Đó là phương tiện tuyên truyền rất tinh vi và hữu hiệu của phe đối lập phổ biến rộng rãi từ hang cùng ngõ hẻm đến làng mạc hẻo lánh xa xôi về sự đấu tranh lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế kéo dài một ngàn năm không còn được người dân ủng hộ nữa. Loại sách nhỏ này đáp ứng thị hiếu và sự quan tâm của đại đa số quần chúng thuộc thành phần nông dân, công nhân, tư chức, tiểu thương cùng những người nghèo yếu thế đủ mọi mặt so với giới tu sĩ và giới quyền cao chức trọng được hưởng nhiều đặc ân của triều đình. Vào thời đó chưa có Viện thăm dò ý dân như ngày nay, nhưng nếu muốn biết ý kiến người dân, chính quyền phải sử dụng sách pamphlet, ví dụ như qua cuộc thăm dò vụ xét xử Vua Louis 16 cho thấy tuyệt đại đa số dân chúng không muốn kết án chém đầu Vua Louis 16 mà chỉ nên áp dụng hình phạt lưu đày mà thôi.

Bất hạnh thay, Antoinette nhận địa phận riêng Trianon lại rơi vào chu kỳ kinh tế suy thoái đúng lúc dân quê bị mất mùa liên tiếp mấy năm. Giá sinh hoạt tăng vùn vụt, người dân nghèo không còn khả năng mua bánh mì theo nhu cầu chứ nói chi đến nhu yếu phẩm khác. Xã hội trở nên bất ổn, nạn đói đe dọa và có nơi bị đói. Nhà Vua được hai cố vấn kiệt xuất Turgot và Necker đưa ra nhiều kế hoạch để giải quyết cuộc khủng hoảng tài chính nhưng đều thất bại. Trong khi đó, Antoinette không cần trọng xài phung phí của công lại nói một câu vô ý thức “Nếu không có bánh mì, cho họ ăn bánh ngọt”. Thực ra Antoinette không hề nói câu đó mà là câu nói của một nhân vật nổi tiếng khác đã gán ghép cho Antoinette vì mục đích chính trị. Sau này, các nhà viết sách pamphlet thay đổi chiến thuật không gán ghép nữa mà dựa chút ít sự thật để thêu dệt tai tiếng cho hấp dẫn lôi cuốn người đọc khiến hư thực lẫn lộn dễ gây ra sự ngộ nhận. Vì lý do trên, một số sử gia đọc những sách

pamphlets với những lời tục tĩu và phỉ báng thường dựa vào nghe người này nói, người kia đồn đại, thiếu bằng chứng nên đưa ra sự nhận xét: “Antoinette là nạn nhân của các loại sách đồ”.

Phân tích những sách pamphlets và những biến động chính trị dồn dập xảy ra như bão táp tại Pháp trước cuộc Cách Mạng, Mẫu Hậu Theresa nổi tiếng là người nhìn xa trông rộng, đã sớm đưa ra nhận định: Trianon sẽ làm tiêu tan hy vọng củng cố Liên Minh Pháp-Áo. Trianon sẽ hủy hoại cuộc đời của Antoinette.

Nhưng có một nhà soạn nhạc M. de Boufflers, lừng danh về nhạc kịch trường (Opera buffa hay Opera bouffe), lại nhận xét cá tính của Antoinette nhìn dưới góc độ khác. Vào năm 1779. Hoàng Hậu yêu cầu Boufflers đặt bài hát “kể ra hết mọi lỗi lầm của Hoàng Hậu bị chê trách được phổ biến trong các sách báo phỉ báng”. Hiệp sĩ Boufflers đồng ý và vẽ chân dung của Hoàng Hậu dưới tên bà chúa Thémire qua bài hát mang tựa đề Theo điệu “Phyllis đòi xem chân dung”.

Đây là bài hát duy nhất được chọn đăng trong tác phẩm nổi tiếng “Hoàng Hậu nước Pháp” (Queen of France by André Castelot). Lời ca thật “hóc búa” rất khó dịch mang tính cách hài hước nhẹ nhàng nhưng chứa đựng nội dung hết sức sâu sắc.

Air: “Phyllis asks for her portrait”

Are you concerned to hear

What’s said about Thémire?

At moments, it is said,

You’d think she’d lost her head.

Is that really so?

Yes, but you must know

She can so fashion it

That her strange lack of wit

Would even captivate

A mind of Cato’s weight. .

Too much good sense, it’s said

Has never plagued her head,

But incense, so they say,

Enchants her all the day.

Is that really so?

Yes, but you must know

So full of skill is she

That every deity

Would come down to adore her

And burn incense before her.

If she has promised you

A private rendezvous

*Or business talk, they say,
She soon forgets the day.
Is that really so?
Yes, but you must know
That when you meet once more
Her faults fly through the door,
And time itself will fly
Only too quickly by.
Self-centredness supreme -
That is her guiding theme.
She loves herself, they say,
As dearly as she may.
Is that really so?
Yes, but you must know
She must be left her creed.
Can she be blamed, indeed,
For loving as she does
What everybody loves?*

Theo điệu: “Phyllis đòi xem chân dung”

*Này, bạn có muốn nghe
Câu chuyện bà chúa Tê-mia?
Đôi khi tưởng bả dặt dờ
Nào ngờ bà chỉ giả vờ thế thôi.
Thật thế sao?
A nhưng bạn cũng phải biết
Là bà ấy có thể
Biến chuyện trông tưởng khật khờ
Lại thành cho kẻ thông minh bẽ bẻ
Vẫn bị mê hoặc, hớp hồn luôn.
Thông minh quá, người ta bảo,
Chưa bao giờ là đặc điểm của bà
Nhưng ngải trầm thì ô hô lại khác,
Suốt ngày bả có thể thử, so.
Thật thế sao?
A nhưng bạn cũng phải biết
Bà ta khéo léo nhất đời
Nên thần thánh
Cũng phải bay xuống mà sùng bái
Đốt hương ngải để thờ bà.
Bả thường hứa, người ta kể,
Hẹn gặp riêng với bạn Hay gặp bàn chuyện lớn
Xong quên khuấy đi ngày tháng.
Thật thế sao?*

*A nhưng bạn cũng phải biết
Bạn mà có dịp gặp lại
Thì bao nhiêu lỗi kia biến mất
Trong khi thời gian bay
Bay quá mau đi là khác.
Ta duy ngã độc tôn -
Đó châm ngôn của bà.
Bà yêu bà, người ta nói,
Còn hơn tất cả ai yêu.
Thật thế sao
A nhưng bạn cũng phải biết
Phải để cho bà tin đi.
Làm sao trách được bà cho nổi
Khi bà chỉ biết yêu
Điều mà ai cũng khao?
(Nguyễn Ngọc Bích dịch)*

Nghe xong bản nhạc, Hoàng Hậu Antoinette không tức giận. Với trí thông minh linh lợi khác thường, Hoàng Hậu coi bài hát đó chẳng qua chỉ là truyền thuyết kính tìn (a pious legend) mà thôi.

Mãi về sau này, khi Hoàng Hậu mở mắt ra và thấu hiểu bài hát thì quá muộn, lúc đó đang ở nhà giam và đao phủ trói quặt hai tay ra sau lưng đưa đi hành quyết.

Stefan Zweig, nhà viết tiểu sử lấy trường hợp của Marie Antoinette coi như một ví dụ rất đáng được chú ý trong lịch sử “có lẽ đôi khi định mệnh kéo một người không ai biết đến từ trong bóng tối và, với bàn tay huyền diệu điều khiển buộc người đó, nam giới hay nữ giới, phải vượt ra khỏi ranh giới của sự tầm thường”. Lịch sử Pháp cho thấy hai trường hợp hi hữu: Đó là Napoléon, người Corse sanh tại Ajaccio, hành trình qua Pháp được hoan nghênh nhiệt liệt như một thiên tài quân sự của nhân loại và, không có một người nào lại ám ảnh lịch sử Pháp Quốc như Công Chúa Habsburg.

Tham khảo và trích các tài liệu sau:

- (1) Cẩm nang Nhân Quyền của Luật Sư Nguyễn Hữu Thống
- (2) - Louis and Antoinette by Vincent Cronin
- Life and Death of Louis XVI by Saul K. Padover
- Secrets of Marie Antoinette by Oliver Bernier
- Marie Antoinette by Philippe and Marguerite Jallut, Library of Congress – catalog card number

NGUYỄN VĂN THÀNH 1923

BƯỚM VÀNG ĐANG ĐẬU

“ Bướm vàng đang đậu đọt cau to”

Em đậu hồn tôi thấy sống sờ
Xuôi gió thuận buồm xin bến đậu
Bến nào êm ả đậu dòng thơ

Bướm vàng đang đậu đọt cau non
Chim đậu đất lành hót véo von
Khúc hát tình xuân mùa hạnh ngộ
Nồng nàn nẻo ý buổi giao ngôn

Bướm vàng đang đậu đọt cau xanh
Tôi đậu tim em muốn dỗ dành
Nhớ Huế về em Thôn Vỹ Dạ
Tóc mềm óng ả đậu trắng thanh

Bướm vàng đang đậu đọt cau duyên
Tâm tưởng trao nhau phút diệu huyền
Đã phải lòng nhau về bến đậu
Bến nào hoa bướm của uyên nguyên.

PHAN KHÂM

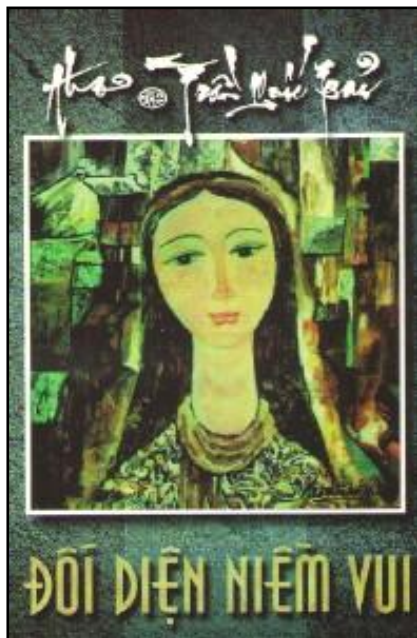


Mời nghe ca sĩ Hạnh Nguyên hát “Bướm Vàng Đang Đậu” do
Nguyễn Tất Vịnh phổ nhạc từ thơ của **Phan Khâm**:

<https://www.youtube.com/watch?v=XkfTizUwRg0>

Độc tập thơ " ĐỐI DIỆN NIỀM VUI " của Trần Quốc Bảo

**** Tâm Minh NGÔ TÀNG GIAO ****



"Đối Diện Niềm Vui" là một tập thơ của Trần Quốc Bảo, ra mắt vào năm 1998 tại Hoa Kỳ. Tập thơ gồm ba phần dày khoảng hơn 200 trang do nhà xuất bản Rạng Đông ở Virginia xuất bản.

Trong phần đầu (phần chính) gồm 68 bài thơ, tác giả đưa người đọc trở lại với cuộc chiến đau thương của dân tộc trước năm 1975, tới cuộc sống khốn cùng của đồng bào trong nước dưới chế độ mới, tới thảm cảnh trên đường tị nạn và tới cuộc sống mới với những suy tư của người Việt lưu vong tại nước ngoài. Tác giả muốn nói lên cái ước mơ quang phục quê hương và tin tưởng ở một ngày mai tươi sáng

của nước nhà.

Trong phần thứ nhì, gồm 32 bài thơ tương đối ngắn, đa số là tứ tuyệt, tác giả đã mượn đến hình ảnh của một số súc vật để nhân đó phê phán các thói hư, tật xấu của con người, châm biếm nhân tình thế thái.

Phần cuối có sự góp mặt của 12 nhà thơ, thân hữu của tác giả. Mỗi người đóng góp một bài.

*

Trước tháng tư năm 1975 nước Việt ta chìm đắm triền miên trong khói lửa chiến tranh, một cuộc nội chiến có lẽ kéo dài nhất trong lịch sử nhân loại. Quê Mẹ Việt Nam ôi đau thương tang tóc, nhà thơ bùi ngùi nhắc lại dĩ vãng:

"Cao điểm 43

Địa thế yết hầu chiến lược

Giữa Quảng Trị, Đông Hà

Trong mùa binh lửa mang tên "Đồi máu"

Một ngọn đồi đất đỏ trắng xương khô
Những mìn chông và mảnh đạn lô nhô
Thảm họa đến từng lá cây ngọn cỏ."
(Xin về quê mẹ, tr.64)

Sau khi miền Nam đổi chủ cả đất nước suốt từ Nam chí Bắc ngập chìm trong một chế độ chính trị mà nhà thơ lên án mãnh liệt:

"Hậu bán thế kỷ hai mươi
Trang sử cận đại
Oan nghiệt thế lương
Là bức thông điệp khản trương
Gửi cho nhân loại
Công bố tội ác cực kỳ man dại
Của tập đoàn cộng sản phi nhân
Bọn phản quốc, vong bản
Cuồng tín bolshevik
Làm băng hoại quê hương..."
(Quê hương khổ nạn, tr. 35)

Cuộc sống người dân Việt được mô tả như là một chuỗi dài những khổ cực. Sau tháng 4 năm 1975 sự cực khổ lại tăng thêm nhiều nữa:

"Nô lệ, tù đầy, chiến tranh, tang tóc
Huyết lệ hoen mầu trên quê hương gấm vóc
Tủi nhục hoen mầu trang sử Rồng Tiên
Cuộc du hành trong thống khổ triền miên..."
(Hoen mầu thời gian, tr. 26)

Khi không có được cái gọi là độc lập, tự do, hạnh phúc thực sự người dân bèn tìm cách bỏ nước ra đi. Thảm cảnh vượt biên với muôn vàn kiếp nạn trên biển cả được nhà thơ ghi lại:

"Biển đen u ám
Đông tố ngập trời
Từng bầy ác thú
Xâu xé tả tơi"
(Mắt biển, tr. 102)

Biết bao nhiêu là cay đắng tủi nhục của kiếp người nổi trôi theo với vận nước điêu linh mà biển Đông từng ghi lại chứng tích:

"Triều lên ngọn gió thổi dài

*Bao nhiêu hoa sóng tan ngoài đại dương
Mệnh trời vận Nước... tang thương
Mẹ ôm cay đắng trên đường phiêu linh..."*
(Nỗi buồn biển cả, tr.97-98)

Nếu may mắn vượt thoát ra khỏi được cảnh ngục tù trong nước người vượt biển tìm tự do nhiều khi tới được đệ tam quốc gia nhưng lại bị rơi vào cảnh tù ngục khác, đó là những trại cấm, giam hãm người tị nạn khiến lòng người tắt lịm cả mùa Xuân:

*"Xuân đã về đây, xuân ngục tù
Gió lượn qua cửa sắt vi vu
Góc tường em gục đầu ôm gối
Sợ nắng soi nghiêng tóc rối bù"*
(Xuân trại cấm, tr. 124)

Khi được may mắn đặt chân tới vùng đất hứa, sau một thời gian sinh sống tại nước ngoài, dù có tạm ổn định với cuộc sống mới chẳng nữa, nói chung tập thể người tị nạn đều có chung tâm trạng buồn bã của số phận kẻ phải sống xa quê hương:

*"Mười mấy năm sau
Chiến cuộc xóa đi, như một bàn cờ tướng
Con, bây giờ ôm thân phận lưu vong
Mang trong tim niềm bi phẫn vô cùng
Vì để mất quê hương yêu dấu"*
(Xin về quê mẹ, tr. 66)

Buồn bã với một số tác phong trong sinh hoạt của cộng đồng người Việt ở hải ngoại mà nhà thơ cho là một khổ nạn:

*"Không thể bàn sông rồi chờ thời đợi thế
Độc lập tự do nào qua cửa chính trị phòng trà"*
(Quê hương khổ nạn, tr. 40)

Đôi lúc nhà thơ phê phán mạnh mẽ thái độ chính trị của một số người dù phải thốt ra những lời thật gay gắt:

*"Nay dăm đứa đón gió trở cờ
Mai vãi tên chồn lùỉ phản phé
Lại lăm tay anh hùng cá nhân
Sáp lại là cãi nhau chí chóc"*
(Lời thật, tr. 93)

Người ta không phủ nhận cái to lớn, vĩ đại, đồ sộ và đẹp đẽ của đất nước người, cái nền kinh tế tạm gọi là trù phú đầy đủ của quê hương mới nhưng hình như đó chẳng phải là ước muốn duy nhất của người tị nạn. Trong lòng người vẫn nặng tình quê cũ:

"Mỗi buổi sáng

Thức dậy ngờ ngàng với sự hiện diện của mình

ở miền đất tạm dung

*Thủ đô xứ người, kiến trúc đồ sộ, ánh sáng chói chang,
âm thanh xa lạ*

Tất cả không quen thuộc, không luyến thương

Chỉ thấy thờ ơ lạnh nhạt"

(Sàigòn ơi!, tr. 13-14)

Nói lên tâm trạng hoài hương chung của đa số người Việt tị nạn nhà thơ đặt bút viết những vần thơ nhớ thương về nước Việt mà biểu tượng là thủ đô Sài Gòn cũ, một địa danh đã khắc sâu vào tâm khảm con người:

"Đêm hằng đêm tương tư lưu luyến

Từng giờ, từng phút ray rứt nhớ thương

Sàigòn chân tình thoải mái

Sàigòn rục rờ yêu đương

Sàigòn bùng bùng sức sống

Sàigòn đầy ắp kỷ niệm của năm tháng xa xưa

mãi mãi sinh động trong tôi"

(Sàigòn ơi!, tr. 12)

Người tị nạn có lẽ đa số nhớ về quê cũ không phải chỉ vì thương tiếc những cái địa vị, danh vọng, tiền tài, những cái vật chất tầm thường của một thời đã qua. Người ta chân thành nhớ đến các thân nhân ruột thịt cùng đồng bào còn bị kẹt lại trong vòng khổ ải, nhớ đến cả những cái tưởng như tầm thường, đơn sơ nhất:

"Chiếc bình bông cuối mộ sứt mẻ, chưa thay mới

Cỏ đầu mộ quá cao chưa cắt xén

*Tôi không mất mát một chút hình ảnh nhỏ bé nào
của Sàigòn*

Chắt chiu cất giữ từng kỷ niệm vàng son."

(Sàigòn ơi!, tr. 15)

Nặng lòng với quê cũ người tị nạn muốn mang theo ra nước ngoài những hình ảnh thân thương xa gần gợi kỷ niệm, đôi khi chỉ là thứ cây trái quen thuộc như trái khế qua:

"Đắng cay tràn ngập bên nhà
Em đem cay đắng trồng qua xứ này
Chiều chiều xách nước tưới cây
Nhớ về quê mẹ những ngày khổ qua"
(Khổ qua, tr. 116)

Với tư cách là một chiến sĩ từng phục vụ 25 năm trong quân ngũ nhà thơ nói lên cái tâm trạng chung của những quân nhân bất đắc dĩ phải ra ngũ, mà có lẽ đó cũng là cái mặc cảm chung của các sĩ phu thời đại:

"Từ buồng súng biệt chiến trường
Thấm đau thấm nhục trên đường phiêu linh
Anh xin nhận hết tội tình
Với quê hương, với chuyện mình trái ngang"
(Mặc cảm, tr. 29)

Vẫn biết Việt Nam chỉ là một con cò trên bàn cờ quốc tế và số phận của người dân Việt bị tùy thuộc vào nhiều yếu tố ngoại lai nhưng trong tận cùng tâm khảm của mình, những người cầm súng vẫn như còn mang nặng cái mặc cảm của kẻ đã không làm tròn nghĩa vụ bảo vệ đất nước. Nhà thơ ngậm ngùi viết những vần thơ như những lời xám hối:

"Cúi đầu tạ với quê hương
Tôi còn một nửa đoạn đường chiến binh
Từng đêm mình điểm danh mình
Nghe sông núi gọi đấng trinh xông xáo"
(Xuân huyền sử, tr. 126-127)

Đôi khi cảm nhận thấy sự bất lực của mình nhà thơ tìm về với tôn giáo như muốn được ơn trên tưới tắm phúc lành, ban phép lạ cho đất nước sớm thoát vòng bị lụy:

"Đến bao giờ thanh bình trên đất Việt
Đến bao giờ Đấng Cứu Thế hiện ra?
Chúng mình
là những kẻ đi tìm Ngôi Sao Lạ
Lạ Chúa
Chúa ở gần hay xa"
(Tìm sao, tr. 25)

Vượt ra ngoài phạm vi bản thân nhà thơ còn muốn niềm tin tôn giáo dạt dào trong lòng người. Nhà thơ khuyên nhủ người con gái

Việt, nạn nhân của thảm cảnh vượt biển tìm tự do, hãy tìm lại sự lắng dịu cho tâm hồn, hàn gắn vết đau trên thân xác, gạt đi những giọt lệ sầu bằng niềm tin tôn giáo:

*"Em gái Việt Nam ơi!
Đêm nay mừng Chúa ra đời
Hãy dâng đau khổ vào lời cầu xin
Trước hang đá Bê lem
Em gục đầu khẩn nguyện
"Vinh danh Thiên Chúa trên trời
Bình an dưới thế cho người Việt Nam"
(Đừng khóc nữa em ơi!, tr. 101)*

Một ngày đẹp trời nào đó nhà thơ chợt thấy tình hình thế giới biến chuyển. Hoa dân chủ rộn nở tại một số quốc gia, hương tự do tỏa ngát, át đi mùi xú uế độc tài, nhà thơ thấy lòng mình phấn khởi:

*"Ta viết bài thơ tuyên dương
Nữ thần Dân chủ
Gửi nụ hôn cảm thương
Đến các em sinh viên Trung Quốc
Những Liệt sĩ phi thường"
(Bài thơ máu lửa, tr. 84)*

Ngọn lửa ái quốc sẵn có trong bầu nhiệt huyết của kẻ lưu vong lại được dịp bùng lên dữ dội. Nhà thơ như nghe văng vẳng bên tai lời sông núi vẫy gọi:

*"Đã đành mất Nước tan nhà
Nhưng hồn Tổ Quốc trong ta vẫn còn
Bàn tay nắm lại sắt son
Một ngày còn sống là còn vùng lên"
(Niềm đau năm ngón, tr. 23)*

Công cuộc quang phục quê hương không chỉ là nghĩa vụ đơn thuần của người công dân Việt tại nước ngoài mà còn cần phải có sự tiếp tay của cả đồng bào trong nước nữa. Nhà thơ tràn trề hy vọng kêu gọi mọi người hãy đáp lời quê hương trong khí thế đấu tranh:

*"Lời sông núi kêu gọi thiết tha
Hãy đứng lên, vì dân tộc, vì Tổ quốc
Đồng bào trong nước
Cùng Việt kiều bốn phương*

*Đồng tâm thành một khối
Vùng dậy cứu quê hương"
(Lời quê hương, tr. 45)*

Nhà thơ viết xuống những ước mơ không phải của riêng mình mà có lẽ của chung cả tập thể cộng đồng người Việt tại hải ngoại muốn viết lại những trang chính sử:

*"Ngày mai sông núi chuyển mình
Lấp bờ oan nghiệt
Bốn phương về thấp lửa Trường Sơn
Dâng đóa hoa vàng
Trên thềm Quốc Tổ
Để người cười hoan hỉ dưới mộ hoang
Ta sẽ ca vang trong lòng Văn Miếu
-Việt Nam ơi! Lịch sử đã bùng trang"
(Bài ca chính sử, tr. 77)*

*

Dàn trải trong 100 bài thơ Trần Quốc Bảo chỉ xử dụng đến một số ít theo thể thất ngôn bát cú Đường luật, một phần ba theo thể lục bát, còn lại đa số là thơ "tự do".

Tác giả tỏ ra điêu luyện với những "niêm luật" của thể Đường luật, xử dụng ngôn ngữ một cách nhẹ nhàng thoải mái ngay cả khi phải "đối":

*"Chiến chinh thuở ấy vừa xanh tóc
Lưu lạc giờ đây đã bạc đầu
Câu chuyện cổ hương nghe thấm hận
Nỗi niềm vong quốc nghĩ mà đau"
(Chiến binh tương ngộ, tr 112)*

Trái ngược với những bài thơ "tự do" rất dài đôi khi nhà thơ lại hạ bút viết những bài rất ngắn. Bài ngắn nhất có 3 câu:

*"Hai anh mũi tẹt da vàng
Gặp nhau chào hỏi giữa đàng: Hello!
Thoáng nghe mà muốn xừng cồ!"
(Mít, tr. 183)*

Tác giả gieo vần đầy nhạc tính trong thể thơ lục bát (thí dụ như bài trên) nhưng rất tiếc chỉ vì tự ái dân tộc có vẻ hơi "quá khích" nên câu chào hỏi quen miệng và vô tâm của người khác đã khiến tác giả "xừng cồ, nóng mặt" lên khiến Nàng Thơ biến mất và suốt thơ lục bát bị "tắc nghẽn" trong có ba câu.

Tuy tâm tư tình cảm hầu như trao trọn vẹn cho những suy tư về đất nước, về quê cũ với những vần thơ nặng tính chiến đấu nhưng không phải vì thế mà người thơ không đôi lúc thả cho hồn thi nhân bay bổng, đượm một chút lãng mạn khi ngắm nhìn thiên nhiên:

*"Có phải mùa thu đã đến rồi
Ở đây trọc lóc những ruộng đồi
Nai vàng với lá vàng không thấy
Chỉ thấy mịt mù khói bụi thôi"*
(Lái xe trên đường số 5, tr. 111)

Thơ Trần Quốc Bảo đã "cảm" được người, đã đi vào tâm tư người đọc. Có lẽ vì thế mà trong cảnh "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu" độc giả lại có dịp được hưởng thêm những vần thơ của các thi hữu khác có cùng một nhịp đập con tim với Trần Quốc Bảo và đóng góp mặt trong phần cuối mang tên "Thi Giao Ngoại Tập".

Chia sẻ cái nỗi buồn lưu vong của tác giả, Vũ Hồi viết:

*"Đêm buồn lạc xứ, dở dang
Xót thân ly khách, ngỡ ngàng đơn côi
Đâu còn mặn một bờ môi
Nỗi đau, tóc bạc như vôi, đất người!"*
(Cuội đá tương tư, tr. 210)

Tình hoài hương lai láng của tác giả cũng đâu vắng kẻ tri âm. Ta hãy nghe Hà Bình Trung góp tiếng thơ:

*"Khi mình nhớ đến quê cha
Là khi mình đã xa nhà từ lâu
Rừng phong như ngẩn ngơ sầu
Hương quan mộng đẹp trong đầu còn nguyên"*
(Ngàn dặm thương yêu, tr. 209)

Cùng chia sẻ với tác giả cái mơ ước thanh bình thật sự về trên quê hương nhà thơ Tuấn Việt viết:

*"Tôi khát vọng thanh bình chân thật
Cho khắp nơi trên đất nước nhà
Quê hương Giáo hội an hòa
Công bình bác ái chói lòa con tim"*
(Quê hương và giáo hội, tr.198)

Hoặc như thơ của Đào Hữu Dương, vừa mang khát vọng thanh bình vừa mang mơ ước hồi hương:

*"Ngày mai quê cũ thanh bình lại
Chim Việt về Nam lướt gió bay"
(Thuật hoài, tr. 201)*

Chẳng phải chỉ có một mình tác giả mới mang nặng mặc cảm của người quân nhân không làm tròn nghĩa vụ bảo vệ đất nước. Hà Huyền Chi cũng là kẻ đồng điệu cùng tâm sự:

*"Thì ra bạn cũng nòi tình
Soi gương còn thẹn với mình, với quê
Nhớ chẳng sông núi nguyện thề"
(Đồng điệu, tr. 203)*

Cùng mang một khát vọng quang phục quê hương với tác giả ta có thơ của Trần Quốc Thái với lời thơ đầy hào khí:

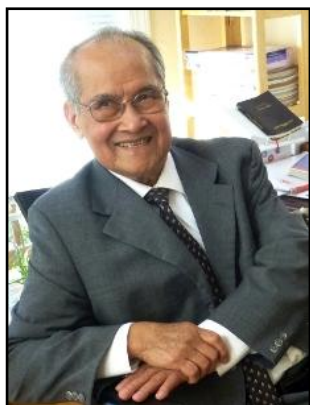
*"Hùng tráng mà ca, ngạo nghệ mà ca!
Ai người buộc được chí hùng ta
Chừ đây bó cánh chim bằng đấy
Mai sẽ tung hoành xa, thật xa!"
(Ngục trung ca khúc, tr. 202)*

Cổ võ những lời thơ "nổi lửa", ái quốc, mang nặng tính chiến đấu trong tập "Đối diện niềm vui" Vĩnh Liêm viết những lời tán dương "văn thể" hùng tráng của thơ thuần túy:

*"Thơ thuần túy không mượn mà yếu điệu
Thoát vô minh, siêu đạt tới vô vi
Ánh diệu huyền trong mỗi khúc kinh thi
Đường khai ngộ của tâm hồn vô ngã"
(Thơ thuần túy, tr. 208)*

Thơ Trần Quốc Bảo đã chuyên chở được ngọn lửa ái quốc tới tâm hồn người. Ta hãy nghe Nghiêu Minh rung cảm tình tự dân tộc cùng tác giả:

*"Đọc thơ anh, tôi tự rèn tôi
Dù lửa tim gan đã lạnh rồi
Thơ anh, như những que diêm nhỏ
Soi rực hồn tôi chực mặt trời!"
(Đọc thơ anh, tr. 212)*



Trần Quốc Bảo 2017

Được biết còn là tác giả của một số bài thơ trữ tình, nhưng riêng trong tập thơ "Đối diện niềm vui" tác giả không đóng vai người trồng hoa trong vườn thơ mà muốn lãnh vai kẻ "nồi lửa", muốn chuyển ngọn lửa ái quốc đến muôn lòng. Tác giả đã đưa ra ý thơ hùng tráng, lời thơ mạnh mẽ để nuôi dưỡng cái hùng tâm của đồng bào, phát huy chính nghĩa dân tộc.

Trong lịch sử văn học Việt Nam từ trước tới nay văn chương đã từng được xử dụng như một vũ khí. Biết bao văn, thơ, phú, hịch v.v... đầy hào khí còn được lưu lại. Người xưa dùng văn chương để làm đẹp tổ quốc, làm tăng thể diện quốc gia. Người ta coi văn chương có sức mạnh bằng cả một đội quân hùng hậu, có thể trận đuổi nghìn quân giặc v.v... Phải chăng Trần Quốc Bảo muốn theo gót người xưa?

Để trả lời câu hỏi trên chúng ta hãy nghe lời cảm nhận của Linh Mục Giuse Phạm Xuân Thắng: *"Qua thi phẩm "Đối Diện Niềm Vui" tác giả chuyên chở tâm tình của mình khéo léo qua các vần thơ mà khi đọc tôi có cảm nghiệm ông không chỉ là một nhà thơ nhưng còn là một chí sĩ, một nhà ái quốc, lúc nào cũng quan tâm đến vận mệnh của Tổ Quốc và Dân Tộc."*

Trần Quốc Bảo từng có thơ và văn xuất bản trước năm 1975 ở trong nước. Năm nay vườn thơ mở rộng cửa đón nhận tác phẩm mới đầu tiên của nhà thơ tại hải ngoại. Với "Đối Diện Niềm Vui" Trần Quốc Bảo đã cùng một lúc hoàn thành ba sứ mạng của mình: một công dân nặng lòng vì nước (muốn cho đất nước được độc lập, tự do, hạnh phúc thực sự), một thành viên trong hội Văn Nghệ Sĩ Tự Do (muốn tất cả các văn nghệ sĩ đều được hít thở một không khí thơm ngát tự do) và một nhà thơ đã đóng góp cho đời thêm một bông hoa đẹp trong vườn hoa văn học nghệ thuật.

Tâm Minh NGÔ TÀNG GIAO

(Bài nói chuyện trong buổi ra mắt sách tại
Thư Viện Trung Ương Arlington, Virginia, Hoa Kỳ, ngày 20-9-1998)





Nửa – thơ: **Vũ Hối** / phóng ảnh: **Kim Oanh**

**Được tin Thưa gia VŨ HỐI vừa mới qua giải phẫu tìm thành công và đang tĩnh dưỡng ở nhà (tháng 8, 2018)
Thân chúc ông sớm bình phục để tiếp tục đem nghệ thuật thư họa đến với đồng hương khắp nơi.**



SẤM RÈN MƯA KHUYA

Mưa khuya, chớp lóe, sấm rền
Nhớ xưa quê ngoại êm đêm xiết bao
Mẹ cha kể chuyện trăng sao
Trí ta bay bổng vút cao xa gần
Vùng Tiên Trượng, phát Đèn Thần
Mẹ răn Sấm nhắc người trần bất nhân
Sét kia sẽ đốt toàn thân
Đêm nay sấm sét nổ gần, rền xa
Người xưa, cảnh cũ hiện ra
Lòng tôi ảm tịa tuổi đã còn thơ.

Hải Bằng.HDB - Maryland - 25/7/2018

ROARING THUNDER in a LATE NIGHT RAIN

** By William Hoang **

*It was raining in a late night
Sparkles of lightning and roars of thunder in the sky
My thoughts flew toward my sweet maternal home
Stories of the moon and stars Mom and Dad told*

*My mind flew aloft near and far
My hand held up Fairy Cane and waved God Light
Mom taught thunder cautioned wicked guys
They would be on fire by lightning soon
Houses would be collapsed, tombs ruined
All happened from the law of cause and effect
Peace would come to those who made lives perfect*

*All the night through, thunder and lightning loudly broke out
Old acquaintances and scenes slowly re-appeared about
Seventy years already lived far from home country
Youth's time coming back made my heart throb
with loves in plenty.*

JEAN MARIE GUSTAVE LE CLÉZIO

Văn Hào Pháp

(1940 -)

Lãnh Giải thưởng Nobel Văn Chương năm 2008

**** Phạm Văn Tuấn ****



J.M.G. Le Clézio vừa là giáo sư, vừa là nhà văn người Pháp gốc Mauritius, đã viết ra hơn 40 tác phẩm, đoạt Giải thưởng Renaudot vào năm 1963 nhờ cuốn tiểu thuyết “Bản Án” và Giải thưởng Nobel Văn Chương năm 2008 nhờ tất cả các sáng tác văn học của ông.

1/ Tiểu Sử.

Bà mẹ của nhà văn Le Clézio sinh tại miền Riviera thuộc thành phố Nice, nước Pháp, còn cha của nhà văn là người Breton, ra đời trên hòn đảo Mauritius, thời trước thuộc về nước Anh. Tổ tiên của cả hai cha và mẹ của nhà văn đều có nguồn gốc từ miền Morbihan, ở bờ biển phía nam của vùng Brittany. Ông tổ thuộc bên nội của nhà văn Le Clézio tên là Francois Alexis Le Clézio đã rời bỏ nước Pháp vào năm 1789 để đi định cư với người vợ và con gái trên hòn đảo Mauritius vào thời đó còn là thuộc địa của nước Pháp, nhưng rồi hòn đảo này lại thuộc quyền cai trị của người Anh. Các người thuộc địa được cho phép duy trì các tập quán và ngôn ngữ Pháp.

Nhà văn Le Clézio đã từng sinh sống trên hòn đảo Mauritius không quá vài tháng, nhưng ông ta đã tự coi mình vừa là người Pháp, vừa là công dân của Mauritius, ông ta đã có song tịch nhưng về sau vào năm 1968, hòn đảo Mauritius đã giành được độc lập và vì vậy nhà văn Le Clézio đã gọi đây là “quê Cha nhỏ bé” của mình (his little fatherland).

Nhà văn Le Clézio chào đời vào ngày 13/4/1940 tại thành phố Nice, đây là nơi sinh trưởng của bà mẹ. 1940 là năm mà

Thế Chiến Thứ Hai còn đang tiếp diễn, khi đó người cha của nhà văn phục vụ trong quân đội Anh đóng tại nước Nigeria.

Vào thuở niên thiếu, Le Clézio sinh sống trong ngôi làng nhỏ Roquebilliere gần thành phố Nice cho tới năm 1948, khi đó bà mẹ, người anh và Le Clézio xuống một con tàu để đến Nigeria cư ngụ với người cha. Sự việc này được nhà văn viết trong cuốn tiểu thuyết Onitsha với một phần tự thuật, còn trong bài luận đề (essay) năm 2004, nhà văn Le Clézio đã hồi tưởng thuở thiếu thời tại Nigeria cùng với cha mẹ.

Sau khi theo học tại Đại Học Bristol nước Anh, từ năm 1958 tới năm 1959, Le Clézio hoàn tất chương trình Cử Nhân tại Viện Văn Học Nice (Nice's Institut d'etudes litteraires). Vào năm 1964, Le Clézio đỗ văn bằng Cao Học (Master's degree) của Đại Học Provence với luận án về Henri Michaux.

Sau nhiều năm sinh sống tại London và Bristol, một hải cảng về phía tây nam của nước Anh, Le Clézio di chuyển qua Hoa Kỳ và làm nghề dạy học. Vào năm 1967, Le Clézio phục vụ tại Thái Lan theo quy luật quân dịch của nước Pháp, nhưng ông ta đã bị trục xuất khỏi xứ sở Thái Lan này bởi vì nhà văn này đã phản đối chế độ mại dâm trẻ em (child prostitution), rồi ông ta chuyển qua nước Mexico để hoàn thành nốt thời gian nghĩa vụ quân dịch.

Từ năm 1970 tới năm 1974, Le Clézio sinh sống với bộ lạc Embera-Wounaan của xứ Panama. Qua năm 1975, Le Clézio kết hôn với cô Jémia người xứ Morocco, đây là vương quốc nhỏ ở, phía tây bắc của bờ biển châu Phi và ông ta có 3 người con gái, một người thuộc về cuộc hôn nhân đầu tiên. Từ năm 1990, gia đình Le Clézio này sinh sống thay đổi giữa các nơi là thành phố Albuquerque, Hoa Kỳ, hòn đảo Mauritius và thành phố Nice, nước Pháp.

Vào năm 1983, Le Clézio soạn luận án Tiến Sĩ nộp cho Đại Học Perpignan, viết về sự chinh phục sắc dân Purépecha, ngày nay sắc dân này sinh sống trong tiểu bang Michoacan của nước Mexico. Đây là khảo cứu lịch sử của một xứ thuộc địa và bài khảo cứu này đã được đăng nhiều kỳ trên một tạp chí Pháp và đã được dịch sang tiếng Tây Ban Nha vào năm 1985.

Nhà văn Le Clézio đã giảng dạy ngôn ngữ và văn chương Pháp tại một số trường Đại Học trên thế giới, ông cũng là

Giáo Sư của Đại Học Ewha Womans tại Hán Thành (Seoul), Nam Hàn, trong niên học 2007.

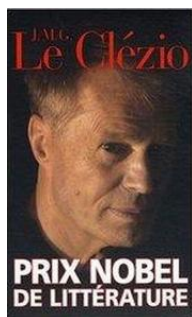
2/ Sự Nghiệp Văn Chương.

Le Clézio đã bắt đầu biết viết văn từ tuổi lên 7 và tác phẩm đầu tiên của ông là về biển khơi. Vào năm 23 tuổi, Le Clézio đã thành công với cuốn tiểu thuyết đầu tiên với tên là “Bản Án” (Le Procès Verbal = The Interrogation), tác phẩm này đã đoạt được Giải thưởng Renaudot và được chọn để dự thi Giải thưởng Goncourt. Kể từ thời gian này, nhà văn Le Clézio đã cho phổ biến hơn 36 tác phẩm, gồm có truyện ngắn, tiểu thuyết, luận đề (essays), 2 bản dịch về đề tài thần thoại của thổ dân Mỹ (Native American mythology), cùng với nhiều sách truyện trẻ em.

Từ năm 1963 tới năm 1975, Le Clézio đã trình bày các đề tài như sự điên rồ (insanity), ngôn ngữ, thiên nhiên và cách viết văn, ông đã thử nghiệm đường lối thực nghiệm văn chương theo chân của các nhà văn đương thời như George Perec và Michel Butor, và ông Le Clézio đã được một số nhà văn khác khen ngợi.

Trong thập niên 1970, nhà văn Le Clézio đã thay đổi mạnh mẽ thể văn của mình và dùng tới các đề tài như thời tuổi trẻ, du lịch... là các thứ hấp dẫn độc giả nhiều hơn.

Qua năm 1980, Le Clézio là người đầu tiên đoạt Giải thưởng Lớn, mới được thành lập: Giải thưởng Paul Morand, do Hàn Lâm Viện Pháp Quốc trao tặng vì cuốn tiểu thuyết “Sa Mạc” (Désert) của ông. Tới năm 1994, một cuộc khảo sát do tạp chí văn chương Pháp tên là Lire (Độc Sách) đã cho biết rằng 13% các độc giả coi Le Clézio là nhà văn hàng đầu dùng Ngôn Ngữ Pháp.



3/ Giải Thưởng Nobel Văn Chương.

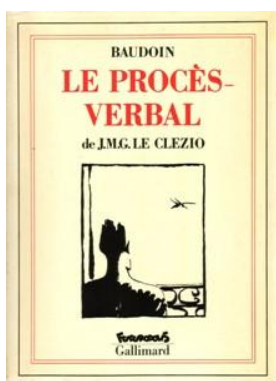
Vào ngày 09 tháng 10 năm 2008, Hàn Lâm Viện Thụy Điển đã công bố rằng Nhà Văn Le Clézio đã được trao tặng Giải thưởng Nobel Văn Chương vì các tác phẩm của ông và Ủy Ban tặng Giải đã ca ngợi ông Le Clézio là “một tác giả của các cuộc khởi hành mới, cuộc

phiêu lưu thơ mộng và trạng thái gọi cảm ngây ngất, một người khám phá ra một thứ nhân bản bên ngoài và bên dưới của nền văn minh đang ngự trị” (an author of new departures, poetic adventure and sensual ecstasy, explorer of a humanity beyond and below the reigning civilization).

Nhân dịp tiếp nhận Giải thưởng Nobel, nhà văn Le Clézio đã đọc bài diễn văn công kích sự nghèo nàn về tin tức (information poverty). Nhan đề của bài diễn văn này là “Trong khu rừng của các nghịch lý” (Dans la forêt des paradoxes = In the forest of paradoxes).

Jean Marie Gustave Le Clézio là nhà văn viết tiếng Pháp đoạt Giải thưởng Nobel Văn Chương sau Văn Hào Claude Simon, Khởi Nguyên năm 1985 và là người Pháp thứ 14 kể từ Nhà Thơ Sully Prudhomme, Khởi Nguyên của Giải thưởng Nobel đầu tiên năm 1901.

4/ Các Phần Thưởng.



1963 Giải thưởng Théophraste Renaudot, do tác phẩm Le Procès Verbal = The Interrogation = Bản Án.

1972 Giải thưởng Văn Chương Valery Larbaud, do toàn bộ tác phẩm.

1980 Giải thưởng Văn Chương Lớn Paul Morand do Hàn Lâm Viện Pháp tặng.

1997 Giải thưởng Jean Giono, do tác phẩm Cá Vàng = Poisson d'or.

1998 Giải thưởng Hoàng Tử Monaco, do toàn bộ tác phẩm và cuốn truyện Cá Vàng.

2008 Giải thưởng Stig Dagermanpriset, do toàn bộ các tác phẩm và công trình dịch thuật từ tiếng Thụy Điển cuốn truyện về du lịch Raga.

2008 Giải thưởng Nobel Văn Chương.

Ngoài ra, vào ngày 25/10/1991, nhà văn Le Clézio được phong Hiệp Sĩ (Chevalier de la Region d'honneur), rồi qua 1996, ông còn được danh dự xếp hạng trong Đẳng Cấp Xứng Đáng Quốc Gia (Officer of the Ordre national du Merite).

5/ Các Tiểu Thuyết.

- 1963 Le Proces Verbal (The Interrogation) = Bản Án.
1964 Le Jour ou Beaumont fit connaissance avec sa douleur (The Day Beaumont Became Acquainted with His Pain) = Ngày mà Beaumont quen với Cơn Đau Đớn.
1966 Le deluge (The Flood) = Trận Lụt.
1967 Terra Amata.
1969 Le Livre des fuites (The Book of Flights) = Cuốn Sách của các Lần Bay.
1970 La Guerre (War) = Chiến Tranh
1973 Les Géants (The Giants) = các Người Khổng Lồ.
1975 Voyages de l'autre côté (Journeys to the Other Side) = Các chuyến du lịch qua Phía Kia.
1980 Désert (Desert) = Sa Mạc.
1985 Le Chercheur d'or (The Prospector) = Kẻ Tìm Vàng.
1991 Onitsha.
1992 Étoile errante (Wandering Star) = Vì Sao Lạc.
1995 La Quarantaine (The Quarantine) = Thời kỳ cách ly.
1997 Poisson d'Or (Fish of Gold) = Cá Vàng.
1999 Harsard suivi de Angoli Mala = Mối nguy theo sau Angoli Mala.
2000 Fantômes dans la rue (Ghosts in the Street) = Các con Ma trong đường phố.
2003 Révolutions = Các cuộc Cách Mạng.
2006 Ourania.
2008 Ritournelle de la faim (The Refrain of Hunger) = Chũu Đụng Cơn Đói.

Ngoài ra, nhà văn Le Clézio còn viết rất nhiều truyện ngắn, luận đề (Essays), nhật ký du lịch (travel diaries), dịch các tác phẩm khác sang tiếng Pháp và các sách truyện của trẻ em./.

Phạm Văn Tuấn



THU NHỚ QUÊ

Nắng đã hanh vàng, gợn sắc thu
Tầng không mây xám đã giăng mù
Rừng phong đã chớm thay màu lá
Từng cánh chao mình, quện gió ru

Tôi thấy hồn tôi cũng vỡ vàng
Mỗi lần thu đến, chở buồn sang
Hai mươi năm lẻ lìa quê cũ
Như chiếc thuyền trôi giạt biển hoang

Thôi nói làm chi đợi với chờ
Chỉ đem nhung nhớ gửi vào thơ
Bao giờ trở lại, bao giờ nhỉ?
Ngày ấy xum vầy, thỏa ước mơ

Tôi vẫn ngồi đây đếm lá thu
Vẫn chưa ngừng nghỉ bước giang hồ
Thâm thì trong gió thu, lời nhắn:
- Người ở bên trời, lệ có khô?

Nguyễn Kinh Bắc





Bên đây hoàng hôn

Suy tư ...

Trưởng - Sa



Người đứng bên kia nơi chân trời xa . Ta ngóng bên đây hoàng



hôn nơi đâu không cùng . Biển hát miên man như than như



van . Sao biết ta mong đợi gì . Ôi đường dài xú người . Hối



gió nơi đâu bao con thuyền trôi, sóng nước bao la biển khơi , Buồn vui ai



biết . Bài hát thiên thu như đang âm vang Biển nhắc cho ta một



ngày , ngày tháng cũ xa xăm .

Ôi ngày nào biển xanh một ngày của

giấc mơ yên bình khi mặt trời còn lên tinh yêu thôi thúc giữa bình minh

Mơ về một giòng sông người tìm về với nhau mong chờ. Nhưng chỉ còn là mơ, biển đời sao

biết đâu là bờ chiều xuống mệnh mông nơi chân trời xa, ta ngóng theo mây hoàng

hôn, bay đi không cùng. Biển dưới chân ta như đang ngân

nga, hãy nói cho ta điều gì, hay một lời ước hẹn. Một

sớm mai đây ta xây lầu mơ trên bãi hoang vu triều dâng, lầu tan theo

sóng. chỉ thấy bờ vợ trong đêm chơi vơi, ta hát ru ta bụi

ngủi, sầu viễn xứ khôn nguôi.

Canada tháng 2, 2018

Mời nghe **Quốc Duy** hát “Bên Đây Hoàng Hôn”,
nhạc & lời: **Trương Sa**

https://www.youtube.com/watch?v=7k6NB52IB_4



HƯƠNG THU MÂY ĐỘ



(tặng Linda D.)

Thu về, chiều tím lối đi
Lá xanh chợt úa, làn mi khép hờ
Phượng tàn phai sắc hồng mơ
Nửa buồn chợt đến, nửa mờ hồn tan...

Thu vừa sang, lá nhuộm vàng
Tóc em xõa lấp, nắng tàn chân mây
Dấu tình réo gọi ngàn cây
Lá vàng giã giữa, cuộn đầy sân em.

Làm sao tỏ được nỗi niềm
Làm sao em hiểu niềm riêng lạnh lùng?
Nhớ em, ôi, nhớ tận cùng!
Hương thu yên ắng, ngập ngừng gót chân.

Ngại ngừng vàng rụng băng khuâng
Thu về mây độ, hanh hanh dịu dàng
Đêm thu khơi mối thương tràn
Đợt mưa thu cũng vội vàng... cuốn qua.

VA, 30 tháng 10, 2011

Bùi Thanh Tiên

NGÀY VỀ

**** Ngọc Cường ****

Trích từ tập truyện HẸ LỤY phát hành năm 2014

*“...Này em ơi, giòng sông bao giờ cạn?
Mối tình ta có phai lạt không em?”*

Khuong Lam

(Văn Hóa Ngày Nay, số 5, 1958)

Đầu năm 1980.

Chuyến xe lửa "Thống Nhất" đang lăn bánh chạy đều bỗng tiếng nổ xình xịch thưa ra. Như một phản xạ, Lộc cảm nhận con tàu đi chậm lại. Chàng ló đầu nhìn ra ngoài: dọc bên đường, nhà cửa san sát nhau, không còn cảnh đồng quê bất tận lướt qua từ sáng. “Có lẽ lại sắp vào một thành phố nào,” chàng đang nghĩ thầm thì tấm bảng ghi hai chữ “Biên Hòa” chợt hiện ra. Đột nhiên, như bừng tỉnh dậy qua một giấc mơ, lần đầu tiên sau năm ngày đường, chàng ý thức rõ rệt mình đã được tha khỏi tù và lạ hơn nữa, lại sắp về đến nhà. Nghĩa là chỉ còn vài tiếng nữa, mình sẽ gặp lại Thủy, người vợ đã gần năm năm xa cách...

Đáng lẽ phải mừng khi được tha về, nhưng khi nghĩ đến người vợ trẻ, nỗi lo âu và hoang mang thốt nhiên đè nặng lên ngực khiến Lộc vừa hồi hộp vừa chán nản như vừa mất đi một vật gì quý giá...

Buổi sáng hôm đó bắt đầu một ngày ngỡ như bình thường ở trại tù Vĩnh Quang: đều đặn, tẻ nhạt, chỉ lặp lại ngày hôm trước. Từ tỉnh mơ, tiếng keng báo thức leng keng kéo dài liên hồi, vang dội dưới bầu trời chưa sáng hẳn. Trong phòng giam, mọi người bừng tỉnh, lật đật ngồi dậy thu gịon nhanh màn chiếu. Xong xuôi, cả Đội ngồi yên tại chỗ, chờ đợi cán bộ trại đi cùng một tay hình sự đến trước cửa nhà giam để điểm danh. Khi họ đến, anh Xuân, Đội Trưởng Đội 8, đứng bên trong báo cáo số người trong Đội: ai bệnh ai khỏe. Sau khi cửa được mở khóa, tất cả xếp hàng một đi ra ngoài sân cho cán bộ đếm. Ai ốm thì nằm lại tuy vẫn phải hô “có mặt” khi được kêu

tên. Ra đến ngoài, anh em đổ xô tới chỗ bể nước làm vệ sinh cá nhân.

Trong Trại, mỗi Đội ở riêng một khu có tường cao vây quanh tuy bên này vẫn nghe được tiếng ồn ào của Đội 7 ở bên cạnh, lâu lâu lọt qua tiếng cãi cọ và tiếng chửi thề.

Gần đây, có đợt được nhận quà của gia đình gửi qua Bưu Điện, được cả thân nhân đến thăm nuôi. Qua người nhà, nhiều tin tức từ Sài Gòn ồ ạt đến. Nào là phong trào vượt biển vượt biên, nào là chuyện bắt đầu cho đi xuất cảnh chính thức sang các nước có bang giao với chính phủ Cộng Sản như Pháp, Thụy Sĩ hay Canada. Nhưng đối với bọn tù, quan trọng nhất vẫn là có được quà cáp, chính yếu là thức ăn; nhờ đó nhiều anh đã lên cân chút ít và khỏe ra. Riêng Lộc, từ ngày bị chuyển trại ra Bắc, chỉ nhận được thư của Thủy mà chưa có một gói quà nào.

Thường thì việc đánh răng rửa mặt chỉ độ mười phút là xong nhưng vì Xuân - viên Đội Trưởng được coi là ác ôn - muốn Đội mình làm gì cũng phải "tốt" và dứt điểm sớm hơn các Đội khác. Anh ta luôn đốc thúc anh em lao động nhiều và để ra *lắm chuyện* để Đội mình được là gương mẫu của Trại, trong đó, nhiều trò lấy điểm quá gở mà có lẽ chính bọn Cán bộ cũng không ngờ đến. Chẳng hạn, xếp hàng bước đi phải đều và mạnh bạo như ở quân trường nhưng bao tù thì lép kẹp, thân hình gầy ốm tong teo như đoàn ma đói, muốn cất bước cũng thật khó nhọc. Đến giờ nghỉ giải lao giữa ngày, để lập công là "học tập tốt, lao động tốt," Đội Trưởng đề nghị anh em cứ tiếp tục làm, nếu không thì tới về, hẩn bắt tự kiểm rồi đề nghị Quản Giáo hạ mức ăn của trại viên dưới quyền. Đúng là trong cảnh đoạn trường mới biết ai dễ dàng bị biến chất, khuất phục bạo lực và đầu hàng đối khổ.

Đến giờ đi lao động, tù nhân xếp hàng sẵn sàng trước cổng mỗi Đội, thấp đứng trước, cao đứng sau, chờ Quản giáo tới hướng dẫn ra hiện trường. Lộc đứng gần cuối, cạnh anh tù gánh đôi thùng nước uống cho Đội và bị che khuất bởi hàng người đứng trước nên Lộc không thấy được xa. Bỗng nhiên thật bất ngờ, tiếng viên Đội trưởng ở trên vọng xuống: "Cho anh Lộc ở nhà, có gia đình thăm nuôi." Nghe gọi tên bất thần, Lộc luống cuống, vừa mừng rỡ vừa hồi hộp. Đội trưởng

Xuân đứng phía trước, tươi cười ra ý chia vui với Lộc rồi ngoắc tay ra đầu cho chàng tách hàng, đứng qua một bên để được đưa ra khu nhà thăm viếng.

Niềm vui chưa kịp ngấm thì nhanh như chớp, Lộc chợt nghe tiếng quát tháo của tên Quân giáo đứng đầu đó dội xuống: “Anh Lộc vẫn phải đi lao động, không thăm nuôi gì cả!” Tên Xuân lập tức quay về phía sau, ngoắc tay ra lệnh cho Lộc trở lại hàng ngũ. Choáng váng, ngơ ngác, đầu óc trống rỗng lạ thường, Lộc đành lê bước chân theo các bạn tù khi tiếng hô đếm nhịp của Đội Trưởng vang lớn lên.

Khi cả đội đã đi qua cổng Trại, cán bộ trực ban kiểm điểm thấy Đội 8 dư một người xuất trại lao động, liền bắt cả Đội đứng lại và hấn quát Đội Trưởng: “Đã nói cho anh Lộc ở nhà làm việc, sao lại đi lao động?” Xuân vội chạy như con lật đật về phía cuối hàng, kéo Lộc đứng ra ngoài rồi hùng hổ chữa thẹn: “Vào sân, chờ cán bộ xuống làm việc!”

Lộc lững thững trở vào Trại. Chưa biết phải đi đâu, làm gì, chàng bèn đến bên cạnh cột cờ giữa sân, ngồi đợi. Từ sáng đến giờ, sự việc xoay chuyển bất ngờ, khiến đầu óc Lộc quay cuồng. Chàng mơ hồ hình dung Thủy đang chờ mình ở khu thăm nuôi, cách Trại không xa, thế mà sao tưởng chừng như vẫn nghìn trùng xa cách! Chàng không biết vợ đang nghĩ gì, làm gì, có nôn nóng, hồi hộp như chính mình đây không? Lòng chàng chùng xuống, xót xa, khi nghĩ đến vợ đã phải gian nan lặn lội trên hành trình xa thăm từ Sài Gòn ra đến Vĩnh Yên đèo heo hút gió này để thăm chồng. Tuy nhiên, mới chỉ là hy vọng thôi. Ý nghĩ có thể sẽ không được gặp Thủy làm Lộc ghen thờ. Chỉ còn chút niềm tin mong manh vào lòng nhân bản sinh của con người bất chấp mọi dị biệt từng đặt mỗi cá nhân vào những vị thế đối nghịch khác nhau. Thêm nữa, hai chữ “làm việc” hàm chứa nhiều ý nghĩa khó hiểu đối với Lộc giây phút này. Đầu óc mông lung, Lộc lan man cảm thấy ân hận đã không cố gắng lao động, “nín thở qua sông” như đa số anh em trong Đội để tránh được hậu quả không gặp mặt Thủy hôm nay. Lộc chợt nhớ đến lời khuyên của một anh cùng Tổ: “...Cậu cố mà sống đề còn về với vợ với con...”

Ngồi yên một chập với vô vàn suy nghĩ rối rắm, Lộc định thần chờ đợi, nhủ lòng phó mặc cho định mệnh. Sự thể ra sao cũng đành, chẳng đã từng như thế suốt năm năm qua hay sao? Chợt có tiếng bước chân ai đến gần. Một tên cán bộ lạ mặt, đứng tuổi, dừng lại nhìn Lộc, lên tiếng nhỏ nhẹ: “Thôi, lo thu xếp hành trang đi. Anh được tha rồi.” Nói xong, hắn bỏ đi về phía trong trại.

Liên sau đó, xuất hiện một tên cán bộ nữa, rất trẻ, chỉ độ hai mươi, như từ Trời rớt xuống. Hắn bảo Lộc đi theo rồi dẫn chàng ra khỏi trại, vào một căn nhà lá ngay bên kia cổng vốn được dùng làm văn phòng của bọn công an. Hắn chỉ tay cho Lộc ngồi xuống cái ghế trước bàn làm việc, yên lặng rót trà, mời chàng điều thuốc lá rồi chìa một tờ giấy để trên bàn và nói: “Đây là giấy ra trại của anh, đọc đi.” Bàng hoàng, tê điếng, chàng ngồi như phỗng. Một lúc, cảm giác hoang mang ủa đến, làm nháng lên trong đầu chàng sự ngờ vực đây là trò lừa bịp, không phải sự thật mà chỉ là màn kịch gì đây. Hay là chàng bị chuyển trại và chúng giả vờ bày trò để dò la tâm trạng của chàng? Đâu có lý nào chàng được tha về sớm như vậy? Lộc mới bị cắt khẩu phần cơm vì lao động lười cơ mà? Thế nhưng hắn đã lại nói tiếp: “Đáng lẽ anh chưa được tha đâu. Nghe nói một tổ chức nước ngoài can thiệp, xin cứu xét nên Nhà Nước khoan hồng cho anh về với gia đình và địa phương sẽ tiếp tục giáo dục anh. Bây giờ hỏi chơi thôi, tại sao anh không chịu học tập, lao động tốt?” Không cần suy nghĩ, Lộc trả lời: “Chúng tôi đói quá, sức đâu có mà lao động?” Có lẽ nhận ra câu chuyện nhạt tẻch, sẽ chẳng khai thác được gì thêm nên sau vài câu hỏi vớt vát về tác phong của đám quân giáo và những câu trả lời âm ừ của Lộc, hắn thu lại tờ giấy ra trại rồi bảo chàng về chuẩn bị đồ đạc để “*ngày mai anh đi Hà Nội.*” Như vậy, đúng là mình được tha thật rồi và đến đây Lộc mới bắt đầu mừng thầm.

Lòng nhẹ hẫng, Lộc đi những bước hân hoan về Đội. Khi đi qua sân trại trông trải không một bóng người, chàng ý thức sự vắng lặng khác thường lần đầu tiên được thấy, cảm giác êm ả như lạc vào một thế giới xa lạ nào khác. Chợt nghĩ đến Huy, người bạn tù đang nằm dưỡng bệnh, Lộc muốn báo tin vui và hỏi xem anh có cần nhắn tin về nhà không? Lộc đi men theo bờ tường để vào trạm xá ở trong

cùng. Huy là bạn đồng ngũ với Lộc, cùng đi tù và ở gần Lộc suốt từ trong Nam ra Bắc. Dù bệnh nhưng Huy may mắn có vợ tiếp tế thuốc men nên tình trạng không đến nổi tệ. Huy hy vọng sớm được tha vì lý do sức khỏe, biết đâu ở đời, chữ ngờ thường đến không báo trước nên Lộc khỏe mạnh mà lại được tháo cũi sổ lồng sớm hơn.

Trước kia tuy cùng đơn vị, Lộc và Huy biết nhau nhưng không thân. Lúc cả hai cùng đi tù và ở chung một Tổ ở Long Giao thì hai bà vợ mới liên lạc qua lại để trao đổi tin tức buồn vui rồi trở nên gần gũi, thân thiết. Trong tù, hai người đàn ông cũng nhờ vậy mà gần bó nhau hơn.

Vừa đi, Lộc vừa hỏi hộp: Thăm tù bệnh là vi phạm nội quy. Nếu bị bắt gặp, chàng có thể bị kỷ luật và đương nhiên sẽ trở ngại cho lệnh tha vừa được báo tin.

Lộc bước vào phòng khi Huy đang lúi húi nấu bữa cơm chiều. Khác với ở Đội, chỉ Trại xá mới có đặc ân cho tù tự cải thiện nấu nướng như vậy. Thấy Lộc, Huy trở mắt, kinh ngạc thốt lên: "Kìa, sao cậu dám mò xuống đây vậy?" Lộc cười: "Tớ được tha rồi, cậu có tin không? Ngày mai sẽ đi Hà Nội. Cậu cần gửi thư thì viết nhanh, tớ mang về cho."

Huy buông tay ngồi xuống chõng tre, vẻ mặt chột đảm chiều, hình như đang nghĩ đến số phận hẩm hiu của mình và có chút ganh tị với tin vui của bạn. Huy có gương mặt bầu bĩnh, nhờ ăn ngủ và quà cáp trông mới khác hẳn anh em ở các Đội thân hình chỉ da bọc xương. Cùng lúc ấy, mấy bệnh nhân xung quanh kéo đến hỏi thăm Lộc và ai cũng tỏ ra ngạc nhiên: Sao lại đột ngột được tha mà Trại không thông báo rồi làm lễ rùm beng như thường lệ? Lộc cười nói đùa: "Tại tôi học tập tốt mà!"

Đến đây, tiếng ồn ào hô đếm nhịp của các Đội đi lao động về vang vang trên sân trại, Lộc vội vã từ giã Huy để trở lại khuôn viên của Đội 8 nằm ngay gần cổng Trại. Tiễn bạn ra cửa, Huy nói: "Lát nữa tớ sẽ mò xuống đưa thư. Tớ ở bệnh xá, đi lại không sao." Lộc từ giã bạn rồi đi lên dọc theo bờ tường về, vừa đi vừa hỏi hộp sợ công an gác nào trông thấy, may mà không bị ai bắt gặp.

Bước vào sân nhà giam nhằm đúng giờ nhận cơm chiều, mọi người đang lu bu tấp nập chia chác thức ăn, Lộc kiếm Khánh, bạn thân cùng chia sẻ thức ăn với nhau và cùng lười biếng lao động như nhau nhưng Khánh khôn ngoan và lớn tuổi hơn nên coi chàng như đứa em. Lộc báo tin vui song Khánh không tin ngay: "Nghe mày bị kêu làm việc, tao nghĩ ắt là chuyện buồn chứ không thể vui được. Vậy mà hóa ra thiệt!" Chưa bao giờ Lộc cảm thấy vui và lòng thanh thản, nhẹ nhàng như lúc đó: Thế là chàng sắp gặp lại Thủy, không chỉ vài phút như lần đầu được gọi ra thăm nuôi mà còn được tha về đoàn tụ bên nhau, ở Sài Gòn nữa...

Gọi là bữa cơm chiều nhưng chỉ có một cục bột luộc với bát canh muối loãng bồng vài cọng rau muống, Lộc ăn vội vàng cho xong rồi thu gọn quần áo, ít đồ dùng thì để lại cho Khánh. Quay lại vừa lúc Huy lên vào, vội vã dúm lá thư cho Lộc rồi ghé tai bạn nói nhỏ: "Kỳ thăm nuôi vừa qua, vợ tớ cho biết *vợ cậu đã có người khác rồi...* Nói ít cậu hiểu nhiều...Thôi tớ phải về, bệnh xá sắp khóa cửa." Lộc nghe bạn tiết lộ mà tiếng nói như từ đâu rót tới, mông lung, chẳng ăn nhập gì tới chàng. Tuy vậy, chỉ một lúc sau, lòng chàng trùng xuống, như sợi dây điều đang căng bỗng rụng rời rã. Niềm vui được trả tự do vừa le lói đã nhường chỗ cho nỗi buồn nặng như đá chẹn lên ngực. Không muốn tin đó là sự thật, chàng đâm hoang mang, băn khoăn tự hỏi chẳng biết vì sao Huy chọn đúng lúc này để báo cái tin bất ngờ ấy? Tất cả quay cuồng trong cái đầu rối beng của chàng. Một mặt chàng tin chắc vào lòng chung thủy của vợ nhưng mặt khác chàng vẫn biết trong cảnh ngộ khó khăn, người ta dễ đầu hàng nghịch cảnh. Rồi Lộc thấy mình lẩn thẩn nghĩ ngợi loanh quanh. Có thể vợ mình sa ngã vì tình dục, thể xác yếu đuối chứ vẫn còn nhớ đến chồng. Giữa xác và hồn, thứ nào quan trọng hơn? Phần nào thường quyết định sự chọn lựa trong đời sống con người? Nếu chỉ được một trong hai thì chắc chắn mình sẽ chọn gì? Liệu chàng có dễ dàng tha thứ và bỏ qua lỗi lầm của vợ không?

Từ trong đáy tâm tư, bao giờ Lộc cũng cảm thấy thích tính nét dễ chiều, xuề xòa và dễ thương của Thủy. Và chẳng, cả nhân gian tầm tầm trong đó có Thủy và mình, đâu có ai hoàn hảo trên cõi đời này

đâu? Chính mình đã chẳng từng nhiều lúc xiêu lòng trước nhan sắc đàn bà đầy sao, có gì đòi hỏi sự toàn hảo ở người vợ trẻ? Bao nhiêu chuyện xảy ra dồn dập từ sáng làm Lộc mệt mỏi rã rời. Chàng ngồi bất động, thả mình chìm rơi vào ác mộng. Đội Trưởng Xuân đến gần bên lúc nào không hay, lên tiếng hỏi nhỏ: “Tớ nhờ cậu đưa giùm thư này về cho bà xã tớ. Tớ không để tên gì cả, để nếu có bị xét cũng chẳng sao.” Theo phản xạ tự nhiên, Lộc nhận phong thư bỏ vào túi, nghĩ thầm: “Tôi đâu có sợ Quân giáo quá đáng như cậu đâu? Đến lúc về là về thôi, Quân giáo đâu ngăn cản được? Hy vọng tôi được thả thể này sẽ giúp cậu sáng mắt ra!”

Suốt đêm hôm đó, Lộc trần trọc không ngủ được, cứ miên man suy nghĩ về thân phận trớ trêu của mình. Ngày được tha về nhà cũng là ngày được báo tin vợ có người khác. Trong hoang mang tột cùng, không biết sẽ phải xử trí thế nào khi gặp lại Thủy nhưng Lộc tự biết trong thâm tâm, chàng vẫn muốn níu kéo và quyết tin vào sự chung thủy của vợ dù một câu hỏi chưa xốt khác ám ảnh tâm trí chàng: “Em còn thương yêu anh không?” Mãi tới khi trời bên ngoài rưng rưng sáng, chàng mới thiếp vào giấc ngủ đầy mộng mị.

Sớm hôm sau, một tên công an đến Đội đưa Lộc qua văn phòng Trại để nhận lại các vật dụng cá nhân và chút tiền bị giữ từ khi ra Bắc. Nhìn thấy lại chiếc nhẫn cưới mỏng tang, Lộc xúc động, hai bàn tay và toàn thân run rẩy, khó khăn lắm mới đeo được nó vào ngón tay. Chàng xốt xa nhớ Thủy và cả quá khứ xa vời với mối tình ngây ngô những ngày thiếu trước hụt sau, lương lính tính liền nhưng đầm ấm của hai vợ chồng.

Quãng đường từ Vĩnh Yên đi Hà Nội không xa, chỉ khoảng sáu mươi cây số nhưng tên công an hộ tống còn ghé qua nhà người quen nên khi đến Hà Nội thì đã quá trưa. Hấn đề nghị thả Lộc ở ga Hàng Cỏ để chờ chuyến tàu sẽ khởi hành tám giờ tối. Tiễn đường qua nhà Bưu Điện, Lộc xin ghé đánh điện tín cho Thủy. Để đỡ tốn tiền, bức điện tín của Lộc chỉ vồn vện có mấy chữ: “Về bằng xe hỏa ngày...Lộc.”

"Sắp tới Bình Triệu rồi, mình sửa soạn đồ đạc nhe! Tụi nó xét kỹ lắm đó..." Tiếng người đàn bà đứng tuổi nói giọng Nam với người

bạn đường đang ngồi ở giường trên. Họ đi cùng toa với Lộc từ Hà Nội, ánh chùng vừa thăm nuôi chồng tù về nhưng xem ra họ ác cảm, tránh không nói chuyện với chàng, có lẽ đoán Lộc có thân nhân "cách mạng" nên được thả về sớm. Lộc không biết là bây giờ tàu phải ngừng ở ga Bình Triệu mà không vào ga ở đường Lê Lai như trước kia, lại còn thêm cái màn kiểm tra hành lý khi ra đến cổng ga, chắc để bắt đồ lậu từ ngoài Bắc vô Nam. Lộc bứt rứt, không biết phải lấy xe gì để về nhà? Xa thành phố đã năm năm, đất nước đã đổi chủ, mọi thứ đều đảo lộn, chàng thực sự là người ở rừng mới ra...

Con tàu giảm tốc độ, chạy chậm dần và sắp sửa vào ga. Nóng lòng, Lộc đứng lên, phóng tầm mắt nhìn ra ngoài và chỉ một giây, chàng nhận ra đường như bóng dáng vợ mình đang đứng xa xa ở bến tàu. Đến gần hơn, chàng vui mừng, bàng hoàng, ngây ngất, biết đúng là Thủy. Trông nàng gầy hơn trước tí chút nhưng vẫn nhỏ nhắn và thon thả như xưa. Khi chỉ còn cách nhau vài chục thước, Lộc sung sướng thấy vợ cũng đã nhận ra mình và đang chạy lại. Lộc nhoài hẳn người ra ngoài cửa sổ toa tàu, tưởng như có thể nắm lấy tay vợ. Thủy cười tươi tắn, trên môi và trong đôi mắt đen láy... Vẫn nụ cười đó, đôi mắt đó... Đột nhiên Lộc thấy đôi chân như có cánh và lòng mình ran lên một cảm giác ấm áp. Niềm vui chan chứa từ đâu ủa đến, òa vỡ, tràn ngập tâm hồn chàng, gọi sạch mọi âu lo, ngờ vực do miệng đời thù dệt.

Chưa bao giờ chàng thấy thương và tin ở vợ như lúc này.

Ngọc Cường



Muốn mua sách xin liên lạc tác giả: nguyentuongcuong@yahoo.com

QUẢNG TRỊ THA PHƯƠNG KHÚC

"Chim xa rừng thương cây
nhớ cội

Người xa người tội lắm
người ơi!"

Lời ru từ thuở trong nôi
Ý sâu man mác cảnh đời
tha phương

Đâu Quảng Trị quê hương
ngày cũ
Đất thơ hiền ấp ủ người thơ
Bên dòng Thạch Hãn lặng lẽ
Non Mai chung thủy đón chờ
hiền nhân

Đâu vật nằng ngoài sân
tuổi nhỏ
Chiều tan trong hoa cỏ
xạc xào
Nhà ai khói trắng xôn xao
Mùi hương đồng nội quện
vào hồn ai

Đâu quê ngoại trường dài
cát trắng
Những con đường ngập nắng
xuân xưa
Xuân về nao nức tuổi thơ
Nghe câu hát Tết mà
ngơ ngẩn lòng!

Thời ly loạn non sông
nghiêng ngửa
Đây quê hương dậy lửa
tham tàn

Xương rơi máu đỏ lệ chan
Chia ly tang tóc ngút ngàn
trời cao

Lũ ngựa quỷ vẫn gào vẫn thét
Vác đinh ba vơ vét đêm ngày
Trần gian địa ngục là đây
Oán hờn như đã lấp đầy
biển đông

Ôi Quảng Trị ruộng đồng
khô cháy
Dấu tàn hoang còn mãi
đất này
Vì dòng lệ thấm muôn cây
Nên quê mẹ vẫn hao gầy
xác xơ

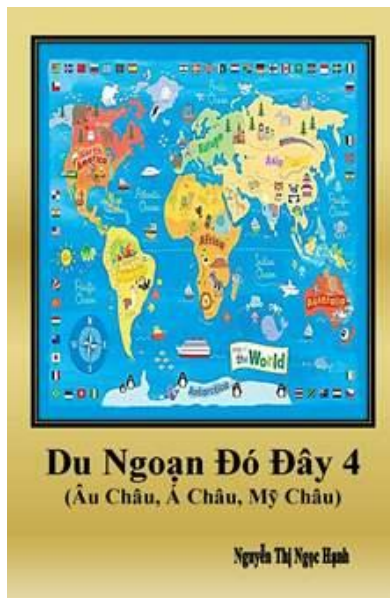
Bước lưu lạc vật vờ
năm tháng
Vẫn mơ về một sáng quê xưa
Hôn lên đất mẹ đang chờ
Quê nhà sáng giữa màu cờ
Tự Do.

nguyên vô cùng



CÙNG “DU NGOẠN ĐÓ ĐÂY” VỚI NGỌC HẠNH

**** Trịnh Bình An ****



"Of all the books in the world, the best stories are found between the pages of a passport"

Tạm dịch là:

"Trong tất cả sách trên đời, những câu chuyện hay nhất được tìm thấy giữa những trang cuốn sổ thông hành"

Câu nói trên có lẽ đúng cho trường hợp **Ngọc Hạnh**, tác giả rất nhiều bài viết về du ngoạn. Bài viết của Ngọc Hạnh đã xuất hiện đều đặn trên nhiều trang báo giấy và báo điện tử trong một thời gian dài. Rồi thể theo lời năn nỉ của bạn bè gần xa, tác giả đã gom in thành tập, tất

cả được 4 tập sách, tổng cộng gần 100 chuyện du ngoạn khắp thế giới! "Những câu chuyện trong sổ thông hành" của Ngọc Hạnh mang cái tên một nơi nào đó trên trái đất: Barcelona, Peru, Chile... để kể về đất nước và con người. Đất nước gồm có thiên nhiên, kiến trúc, khí hậu... Con người gồm có sinh hoạt, lễ hội, sản vật, ẩm thực... Tất cả được tác giả mô tả một cách tỉ mỉ nhưng gọn gàng.

Có thể nhận ra tác giả không là người viết chuyên nghiệp về du lịch, chuyện đang kể ngon trớn có khi bị ngắt ngang như thể người kể đang ngắm nhìn cảnh vật thì bị ai đó níu tay lôi ra nơi khác. Nhưng nhờ vậy tạo ra cảm giác gần gũi với bạn đọc, vì đó mới thật là "cái nhìn" của người du ngoạn bình thường, la cà đây đó, ngắm nơi này chút, nơi kia chút; không chủ đích, lung tung nhưng mà ... vui!

Nói là lung tung nhưng nhiều nhận xét rất tinh tế. Ví dụ câu sau:
Via hè 6-7 mét rộng, bằng phẳng, sạch sẽ. Xe cảnh sát đậu trên via hè vẫn còn lối đi cho khách bộ hành.

6,7 mét là rộng cỡ nào? Thật khó hình dung. Nhưng khi nói xe hơi đậu ngay trên vỉa hè mà vẫn đi bộ bên cạnh thoải mái thì đúng là...

rộng thật. Tác giả đã khéo léo "vẽ" ra một bức tranh đường phố thật rõ ràng, sinh động.

Và đây là một câu thắc mắc, cho thấy tác giả là người thích đề ý tới những điều thực tiễn và cũng khá... lý sự:

Các lạch nước lộ thiên, khoảng hơn một tấc bề ngang, nước trong veo dù chung quanh có cây to nhiều lá. Tôi nghĩ lá vàng khô sẽ rơi xuống lạch và làm bẩn nước mới phải. Tôi cũng chẳng thấy người làm vườn hay công nhân dọn dẹp nhưng các lạch dài, lối đi sạch sẽ, các vườn hoa tươm tất gọn gàng, không biết họ quét dọn, chăm sóc cây cảnh lúc nào?



Đa số người xem hẳn chỉ tấm tắc khen "Ui, nước sạch ghê hen!" ít ai bận tâm tới việc cây nhiều nhưng không thấy lá rớt trên mặt nước, cũng không thấy người quét dọn. Qua nhận xét trên, tác giả ngầm cho thấy một cách tổ chức du lịch vô cùng khéo léo, đó là giữ cho quang cảnh tuyệt đối sạch sẽ trước mắt du khách, không chỉ sạch ở chỗ nước trong leo lẻo, mà còn sạch luôn bóng dáng cái chổi, cái vớt, cái gắp, sạch cả bóng người mặc đồng phục qua lại.

Tới câu này, không khỏi phì cười. Tác giả tỏ ra thích thú với những điều nhỏ nhặt, âm ập xảy ra chung quanh:

Một chị mua được khăn quàng bằng tơ dệt tay thích lắm tuy hơi đắt và mỗi thứ chỉ có một cái. Người chồng ga-lăng bảo đắt cũng được miễn em vui là tốt rồi.

Du ngoạn – ra là thế, không chỉ ngắm nghía phong cảnh đẹp, xuýt xoa món ăn ngon, trầm trồ người lạ mắt, mà còn vui vẻ tùm tùm cười thầm với những mảnh tình đời thường vô tình chụp bắt được. Nó có vị chua chua, ngọt ngọt như món me ngào, xoài ngâm, cóc dầm bán lề đường, rất rẻ tiền nhưng khiến ta nhớ hoài không quên.

"Travel far enough, you meet yourself "

Tạm dịch: *"Đi du lịch nhiều đi, rồi bạn sẽ tìm thấy chính mình"*

Cảnh lạ, người mới, trong túi lại... rừng rinh, tâm trạng chắc chắn thoải mái nhẹ nhàng, nhưng không vì thế, tác giả có thể quên một mảnh đất nhỏ bé, nghèo nàn có tên... Việt Nam:

Trời chiều, nắng nhạt, gió mát tôi băng khuông nhớ quê nhà, nhớ bãi biển Vũng Tàu, Nha Trang,...



Dù đi đâu, ở đâu, nhưng bóng dáng quê cha đất mẹ vẫn phảng phất trong trí óc như nhắc nhở "Tôi là người Việt Nam".

Thế nhưng, "cái tôi" ở Ngọc Hạnh không chỉ dừng lại ở màu da, tiếng nói, mà đó là cái tôi của con người - con người biết rung động trước những

điều vi tế nhất:

Biển xanh, mây trắng ánh tà dương nhuộm hồng đám mây phương Tây. Nhiều người thu hình chiều tà trên biển vào máy ảnh từ lúc tàu kéo neo rồi bến đến lúc ra khơi. Một chút buồn ngùi khi thấy những người làm việc tại bến cảng đưa tay vẫy vẫy chào con tàu...

Bà Huyện Thanh Quan khi bước tới Đèo Ngang phải chăng cũng đã buồn ngùi như thế?

Tục ngữ Việt Nam: "*Đi một ngày đàng, học một sàng khôn*".

Câu tiếng Anh tương đương: "*The world is a book and those who do not travel read only one page*".

Du ngoạn là thú vui hấp dẫn nhưng không phải ai cũng có điều kiện thực hiện. Do đó, người được du ngoạn qua những trang sách coi như lượm được chiếc vé "an ủi". Người được dịp du ngoạn đó đây là người may mắn. Ngọc Hạnh viết, kể lại những câu chuyện thú vị cho người khác nghe, đó là chia sẻ sự may mắn với những người khác. Và nhờ có những "câu chuyện qua cuốn sổ thông hành" của tác giả Ngọc Hạnh nên nhiều người, dù không đi ra khỏi nhà, vẫn có dịp biết được những điều kỳ thú của nhiều nơi chốn trên thế giới.

Trịnh Bình An



Thăm Viếng Zagreb, Croatia

**** Ngọc Hạnh ****

Vào cuối tháng 8, chúng tôi 7 người cư ngụ Virginia ghi tên thăm viếng Croatia, Bosnia, Lovenia và Venice 15 ngày với hãng du lịch Gate 1. Còn 9 người Việt Nam nữa từ California sẽ gặp nhau ở phi trường Croatia. Chúng tôi đến Dulles Airport, Washington DC đáp phi cơ đi Amsterdam. Chuyến bay dài 7g 35 phút. Sau đó chuyển phi cơ bay đến Croatia mất thêm 1g 45 phút nữa. Nhân viên viên Gate 1 sẽ đón chúng tôi từ phi trường đưa về khách sạn Westin.



Máy bay KLM cất cánh buổi chiều lúc 17g 45 nhưng 14 giờ chúng đã rời nhà đi đến Dulles airport, Washington, DC. Hôm ấy thứ 6 đường bị kẹt xe, mãi 15 giờ chúng tôi mới đến phi cảng. Nếu cuối tuần chỉ mất 30 hay 40 phút thôi. Tuy còn sớm nhưng anh chị Dương đã đến trước chúng tôi. Từ cổng phi cảng vào đến nơi check in cũng mất 20 phút gồm đi xuống, đi lên, đi bộ khoảng ngắn, đi xe train ... Tôi thích đi phi cảng Reagan, không mất nhiều thì giờ, từ cổng phi cảng đến phi đạo gần hơn. Ngoài ra sắp hàng rồng rắn chờ đến lượt kiểm soát an ninh mất gần cả tiếng. Hôm nay thiên hạ du lịch quá sức là đông, có lẽ vì vào mùa học sinh nghỉ hè chẳng.

Chúng tôi đi phi cơ hãng KLM, chỗ ngồi tương đối rộng rãi, ai muốn ngồi chỗ tốt hơn như gần cửa sổ hay gần hạng sang chỉ cách một vách ngăn để duỗi chân cho thoải mái phải trả thêm tiền từ 30\$ đến 180\$. Các nữ tiếp viên nói năng nhẹ nhàng, ân cần và lịch sự, đồng phục màu xanh nhạt. Cô nào cũng to, cao khác với tiếp viên Á châu người nhỏ nhắn, thanh thanh nhưng tất cả đều tươi cười nhã nhặn. Máy bay cất cánh đúng giờ. Họ cho ăn tối, ăn khuya (nhẹ) và ăn sáng. Rạng đông hôm sau chúng tôi có mặt ở phi trường

Amsterdam. Nơi này xinh đẹp rộng rãi, phòng đợi ghế nệm êm ái nhiều màu sắc giống như phòng khách tư gia. Các cửa tiệm hàng hóa xinh đẹp trình bày bắt mắt hấp dẫn. Có đủ các cửa hiệu đắt tiền: Hermes, Burberry, Chanel, Gucci... Tiệm bách hóa bày hoa Tulip (uất kim hương) bằng nhựa thật to lá xanh hoa vàng rất đẹp. Thiên hạ xuôi ngược đông đúc. Nhiều cửa hàng bán thức ăn và tiệm nào cũng đông khách dù mới sáng sớm. Nhóm chúng tôi cùng nhau đi bộ đến cổng (gate) phi cơ đi Croatia, khá xa. Cô bạn và tôi bỗng nhìn thấy đồng hồ treo trên tường giờ khác với giờ Virginia. Cả hai bèn đứng lại sửa đồng hồ theo giờ địa phương xong nhìn lại các bạn đi hết, chẳng biết họ đi về phía nào vì trước mặt con đường rẽ làm hai lối. Hỏi nhân viên phi cảng họ chỉ sai nên đi vòng vo mất thì giờ, chậm trễ thêm. Báo hại anh chị Dương đi tìm và cả nhóm lo lắng. Tôi nói để quý độc giả hình dung sự đông đúc ở phi trường Amsterdam.

Zagreb, Croatia



Zagreb là thủ đô Croatia. Phi trường quốc tế Zagreb rộng rãi, sạch sẽ. Nơi phòng đợi hành khách đi và đến có tiệm bán café, bánh ngọt, nước giải khát rộng rãi, bày biện vui mắt nhưng kiến trúc phi trường rất lạ. Nóc phi cảng dài uốn lượn như con cá biển to lớn hay lượn sóng

không lồ...

Chờ đủ du khách của Gate 1 lên xe, bác tài cho xe lăn bánh đưa mọi người về khách sạn Westin khá đẹp, cũng mát cả tiếng. Chiều hôm ấy cô Tina, tour guide mời tất cả du khách da vàng da trắng đến phòng họp nhỏ khách sạn, ân cần dặn dò những điều cần thiết như trước khi đi ngủ hay điểm tâm nên ghé xem thông cáo Gate 1 nơi phòng tiếp tân, cho biết giờ ăn sáng, lúc lên đường, thời tiết hay phải mang loại giày nào để đi bộ cho thoải mái... Lúc chúng tôi đến khách sạn Westin thấy khách vào ra khách sạn mặc rất đẹp tôi nghĩ dân địa phương ăn mặc sang trọng, hóa ra họ có tiệc cưới. Chúng tôi ăn tối tại khách sạn hôm ấy với thực đơn đám cưới rất ngon. Cũng có

thể vì thức ăn trên máy bay không hợp với khẩu vị chúng tôi ngày hôm trước!

Zagreb có khoảng 70 khách sạn từ 3 sao đến 5 sao. Là thành phố xinh đẹp, Zagreb có khoảng 1 triệu dân cư, hai nơi du khách thường thăm viếng là quảng trường Kaptol ở Phố Trên (upper town) và Phố Dưới (Lower Town). Theo cô Tina, tháng 8 thành phố vắng vẻ hơn các tháng khác trong năm. Thiên hạ thường đi nghỉ hè ở các bãi biển hưởng gió mát, ngâm người dưới nước biển xanh, tránh ánh nắng nóng nực và người đông đúc trong đô thị.

Xe đưa chúng tôi gần đến quảng trường thả xuống, hẹn giờ trở lại đón. Ngồi trên xe bus nhìn lên sườn núi (hay đồi) thấy nhà lầu tường vôi trắng, mái đỏ san sát nhau trông thịnh vượng, trù phú, xinh đẹp. Xe chạy ngang qua viện bảo tàng nghệ thuật rộng lớn, tráng lệ, phía trước sân có bồn hoa to rực rỡ màu sắc trông hấp dẫn và vui mắt.

Chúng tôi đi thăm quảng trường Kaptol, nơi có **Thánh Đường Zagreb** (Zagreb Cathedral) to nhất Croatia với 2 ngọn tháp giống nhau vươn cao khỏi nóc thánh đường. Nhà thờ xây từ 1093, đến thế kỷ 13 tu bổ lại và đại tu bổ chỉnh trang vào thế kỷ 20 và 21. Du khách có thể viếng thánh đường bất cứ lúc nào trong ngày và cũng có nhiều thánh lễ dành cho tín hữu theo giờ giấc ấn định trong lịch trình. Cả đoàn đi bộ đến quảng trường, không xa lắm. Đường phố Zagreb nhỏ nhưng sạch sẽ và đẹp. Hai bên đường các cửa hiệu bán quần áo thời trang, đồ điện tử, tiệm mỹ phẩm, tiệm nữ trang... nằm san sát nhau. Có tiệm bán cà vạt bày cái cà vạt to tướng trước cửa còn quảng cáo là Zagreb là nơi sản xuất cà vạt đầu tiên trên thế giới. Toàn cà vạt bằng tơ kiểu nọ, kiểu kia rất đẹp.



Chúng tôi cũng viếng **nhà thờ cổ St. Mark** đặc biệt với mái ngói nhiều màu làm thành hoa văn xinh đẹp. Thánh đường xây từ thế kỷ 13 nhưng mái ngói hoa văn xanh đỏ mới hơn nhưng không biết rõ năm nào. Bên trong trang trí xinh đẹp do các nghệ sĩ tài danh thời



bảy giờ. Thành thạo có buổi hòa nhạc đàn Organ tổ chức trong nhà thờ.

Về ẩm thực cô hướng dẫn địa phương cho biết thức ăn vừa ngon vừa rẻ nhưng theo cô Tina là tùy khẩu vị mỗi người. Người địa phương thường hỏi "ăn ở đâu"

(where to eat) khi họ rủ nhau đi ăn. Nơi chọn cho biết người mời có sành ăn hay không. Tôm hùm đồ biển đều có cả và giá cũng không đắt. Về rượu vang: người Zagreb tự hào rượu vang của họ ngon không kém chỉ các nước khác, có thể còn ngon hơn. Khi mua bán họ dùng Kuna, tiền Croatia hay Euro. Ít cửa hàng nhận Mỹ kim nhưng họ nhận credit card nếu mua nhiều. Các văn phòng đổi tiền và khách sạn đổi được giá cao hơn ngân hàng, mở cửa từ thứ hai đến thứ bảy, chủ nhật nghỉ, nghỉ trưa từ 12 giờ đến 14 giờ.



Chúng tôi cũng đến Lower Town thấy nhà cửa phố phường đông đúc người qua lại. Đi thăm chợ rau nhưng thấy họ bán nhiều hoa tươi đẹp quá, có thể gọi chợ hoa cũng được. Ngoài các loại rau cải xanh xanh, củ dền màu tím còn cà chua đỏ tươi rực rỡ như bức tranh

đẹp của người họa sĩ tài hoa. Bên trong chợ cũng bán các loại pho mát, xúc xích, thịt nguội pate, jambon, bơ... Những cây dù che nắng rất to màu xanh, tím, vàng, đỏ trông thật vui mắt. Cà chua (Sweet, juicy tomatoes) của Zagreb có tiếng ngon hơn các nơi khác. Chúng tôi có đi ngang qua nhà Quốc Hội rộng lớn ở Zagreb. Theo hướng dẫn viên, du khách có thể mua thẻ Zagreb card để đi xe công cộng, viếng sở thú, viện bảo tàng miễn phí, được giảm giá nhiều nơi giải trí khác, giá 78 kuna cho 24 giờ và 135 kuna cho 72 giờ. (1 US dollar = khoảng 6 kuna)

Kumrovec

Sau khi ăn trưa tụi chúng tôi lên xe đi Kumrovec, thăm quê hương Thống chế Tito, nằm phía Bắc Croatia, nơi ông sinh trưởng và cư ngụ thời thơ ấu. Nhà ông là nhà gạch đầu tiên trong làng xây năm 1860. Ông Tito sinh ngày 7-5 1892 mất 4-5-1980. Đến nơi vào làng hình ảnh đầu tiên là tượng ông Tito bằng đồng mặc áo khoác thật khéo, cao hơn người da trắng bình thường, đứng trên bục, đầu hơi cúi xuống như tư lự điều gì. Xéo xéo ở sân phía trước bức tượng có cây nho nhỏ đang nở đầy hoa trắng xóa. Sau lưng phía trái bức tượng ngôi nhà sàn gỗ cũ nhưng thơm tất gọn gàng, treo một hàng trái bắp khô buộc lại thành chùm trước hàng hiên giống như những nhà nông phơi bắp cho khô làm hạt giống cho mùa năm tới. Làng này làm thành khu bảo tàng, mở cửa từ 1953, bán vé cho du khách vào xem. Làng có nhiều ngôi nhà trệt nhỏ nhỏ tường quét vôi trắng nằm gần nhau. Mỗi nhà một đề tài. Có nhà bày bàn ăn, nhà bếp, lò nướng bánh mì... Các thức ăn bày trên bàn ăn phủ khăn trắng sạch sẽ như các nhà trưng lưu thời xưa: muông, nĩa, khăn ăn... Bánh mì, bơ, pho mát, trái cây... giống như thật. Trong nhà có nồi em bé, lò sưởi than. Cái bếp, giường ngủ đều nhỏ so với ngày nay. Có nhà trình bày đám cưới, cô dâu chú rể, ban nhạc... Nhà khác bày dụng cụ nhà nông, xe đẩy tay chở cỏ khô... Nhiều nơi quá tôi không đi hết. Tôi trở vào gian nhà bán quà lưu niệm, nơi du khách mua quà đứng xếp hàng chờ đến lượt mình trả tiền. Có nhà bán kem, nước giải khát cũng đông khách.

Cô hướng dẫn nói một tràng dài về tiểu sử công trạng ông Tito nhưng tôi không nhớ hết chỉ còn nhớ ông sống thọ, được đồng hương quý mến, bố người Croatia, mẹ người Slovenia. Con trai ông còn sống và không nổi tiếng như ông.

Veliki Tabor Castle



Rời Kumrovec xe đưa mọi người lên núi xem lâu đài cổ Veliki Castle và ăn tối. Lâu đài trên núi cao hơn mặt biển 334 mét. Xe đậu nơi bãi đậu dưới chân núi. Mọi người đi bộ lên núi, đường trải nhựa nhưng hơi dốc. Thấy lâu đài

phía trước nhưng đi mãi chưa đến. Có lan can bằng gỗ dọc dài hai bên lề đường. Hướng dẫn viên luôn miệng nhắc nhở xin vịn vào lan can cho khỏi ngã, nếu ai không đi được thì chờ ở chân núi, xe nhà hàng xuống đón. Các ông da trắng đi ngon lành, có ông 1 tay vịn lan can, 1 tay dắt vợ vừa đi vừa thở. Chị bạn và tôi tuy chậm nhưng vẫn đến nơi.

Tóm lại mọi người trong đoàn đều lên đến nhà hàng. Lâu đài, cảnh núi rừng, cây, lá sao mà đẹp. Tuy trên núi cao nhưng người ta cũng trồng được hoa kiểng. Hồng đang ra hoa đỏ thắm rực rỡ. Một số du khách vào nhà hàng uống nước. Ai ngồi nghỉ chân trước sân thì họ mang rượu hay nước trái cây ra mời. Chúng tôi đi loanh quanh bên ngoài lâu đài chụp ảnh, không biết có vị nào vào bên trong không.

Lúc trở lại mọi người đã vào nhà hàng kiến trúc đặc biệt theo tôi, bốn bề trống trải, chỉ có mái che. Có thể nhìn thấy cảnh vật bên ngoài, chim thú, cây lá.... Hình như mấy bàn phía trong có vách bằng gỗ. Thức ăn địa phương mang ra ê hề cho 1 bàn 4 người. Tôi nghĩ 8 người mới tiêu thụ hết và bùi ngùi nhớ đến trẻ em vùng núi thiếu ăn nơi quê nhà. Ngoài ra được thưởng rượu vang địa phương có tiếng là ngon, được mời thưởng thức thoải mái. Du khách phần lớn trên 60 tuổi. Người ngồi chung bàn với tôi đến từ California cho biết sau chuyến đi này ông sẽ đi Thái Lan, Campuchia và Việt Nam. Ông bảo hưu trí rồi nên đi cho biết đó đây vì đâu có ai khỏe mạnh mãi để ngồi trên phi cơ hàng chục tiếng thăm viếng những đất nước xa xôi...

Tôi nghĩ thăm thành phố Zagreb tuy nhỏ nhưng đẹp, có nhiều di tích lịch sử. Có thể tôi sẽ ghi lại để những người trong nước, những ai không có cơ hội đi xa xem qua hầu có một chút khái niệm. Biết bao giờ trẻ em miền núi hay chị em nông thôn Việt Nam được xem các lâu đài cổ hay các kiến trúc xinh đẹp nước ngoài? Ngày mai xe buýt sẽ đưa cả đoàn đến viếng nơi khác: Sarajevo, thủ đô Bosnia. Đêm nay mọi người phải thu dọn hành lý sẵn sàng để sáng mai trả phòng khách sạn, lên đường sau buổi điểm tâm.

Virginia, mùa hè 2017

Ngọc Hạnh



EM LÀ AI?

Ngoài song muôn hoa đang nở rộ
Ta gục đầu trong cơn nín u buồn
Nắng đẹp – sao lòng chỉ thấy mưa tuôn
Bão mùa đông quện hồn trong xuân thắm.

Bao ao ước những giấc mơ đêm ấm
Sao không về? Ta khắc khoải âu lo
Ta chờ Em trong mắt lệ dâng mờ
Nhưng vĩnh viễn... Em không còn quay lại.

Em là ai mà lòng ta hoài bái?
Em là ai ta mơ ước yêu thương?
Em là **Nguồn Cảm Hứng** vô thường
Em là Cứu Cánh cho đời ta đó
Em, Lẽ Sống... đã bay theo chiều gió
Em, Ước Mơ viễn vọng... chỉ thể thôi
Từ đây cho đến hết cuộc đời
Chỉ gặp lại Em trong ảo mộng.



NGUYỄN LÂN

LÀNG TÔI



Làng tôi Đông Ngạc Hà Đông,
Cũng gần Hà Nội Thăng Long đó mà.
Làng tôi văn học tài hoa,
Có nghề đan mũ cùng là nữ công.
Giò dòn, chả ngọt, sảy ngon,
Bánh khoai phồng trắng, tương hơn Cự Đà.
Con đê ngăn nước Nhị Hà,
Đền thờ bà Tiết thật là hiển linh.
Này đây trường học, đây đình,
Và bao nhiêu cảnh hữu tình nên thơ!
Nào khi dạo chợ trâu bò,
Nào khi Chèm bến đợi chờ người quen.
Nhớ cô em gái xóm trên,
Người sao xinh đẹp, có duyên mặn mà!
Vẳng nghe tiếng hát đàng xa,
Hát ví, quan họ hay là ru em.
Bao nhiêu kỷ niệm êm đềm,
Xa làng tôi vẫn một niềm mến yêu!
(Sài Gòn 1958)



Đông Thanh Nguyễn Quang Chất

XIN THƯỞNG ĐỂ BAN PHÉP LÀNH

**** Nguyễn Thị Ngọc Dung ****

Buổi sáng hôm ấy, 9/11/2001, một buổi sáng kinh hoàng. Tôi đang rửa bầu sữa cho cháu nội ở trong bếp, có tiếng điện thoại reo. Tôi ra hiệu cho Robert, đang ngồi trong phòng khách, bắt điện thoại ngay không con bé thức dậy. Ông nội vội cầm điện thoại trước chuông reo thứ hai. Sau khi “hello” và “Ok, Ok” hấp tấp, Robert hạ ống nghe xuống ngay. Chàng vừa bấm nút mở TV vừa réo tôi như cháy nhà:

“Ra đây, ra đây, mau!”

Tôi không ngừng lau bàn, gắt khề lại:

“Cái gì vậy? Anh nói nhỏ chứ, vặn TV nhỏ chứ, không con bé thức dậy bây giờ! Nó vừa mới ngủ.”

Robert la lớn hơn, giọng hốt hoảng đến lúu cả lưỡi:

“World Trade... World Trade Tower cháy.”

Biết có sự chẳng lành, tôi vừa lau tay vào quần vừa đi nhanh như chạy ra phòng khách và ngồi xuống bên chồng, trở mắt nhìn lên màn ảnh TV. Một đám khói đen khổng lồ bốc lên từ một trong hai cái tháp cao chọc trời của Trung Tâm Mậu Dịch Thế Giới, World Trade Center tại New York.

“Cái gì vậy?” Tôi hỏi Robert.

“Không biết.” Chàng trả lời và ra hiệu cho tôi giữ im lặng nghe TV.

Người xướng ngôn viên TV cũng chưa biết chắc chuyện gì, chỉ nói rằng có nổ lớn trong tòa nhà Trung Tâm Mậu Dịch Thế Giới. Chúng tôi đang hồi hộp nín thở nhìn khói lửa bốc ra từ những tầng lầu một thời cao nhất thế giới ấy và lo sợ cho hàng chục ngàn người đang làm việc trên đó thì một máy bay phản lực nhào thẳng xuống tòa nhà chọc trời thứ hai của World Trade Center. Khói lửa tung ra. Máy bay biến mất trong tòa nhà đó!

“Oh God! Oh God!” Chúng tôi la thất thanh cùng với những tiếng thất thanh khác trên màn ảnh truyền hình.

Kinh ngạc không tin ở mắt mình đã nhìn thấy những gì, tôi hỏi Robert:

“Cái máy bay ấy vừa đâm vào tòa nhà thứ hai của World Trade Center hả?”

Mắt đỏ hoe, Robert gật đầu, giọng trầm thấp, tắc nghẹn: “Terrorist!”

Thực vậy, đến giờ phút này, TV đã xác nhận có hai máy bay do bọn khủng bố đâm vào cặp tháp Trung Tâm Mậu Dịch Thế Giới.

Tiếng ồn ào của vô tuyến truyền hình, của ông bà đang hoảng hốt nhìn tận mắt cuộc khủng bố sát nhân khủng khiếp, đã đánh thức đứa cháu nội vừa sáu tháng rưỡi. Con bé oe oe khóc trong phòng ngủ. Tôi ôm cháu ra phòng khách và lại ngồi xuống trước cái TV. Cũng may, cháu tôi còn quá nhỏ không thể biết chuyện gì vừa xảy ra vào năm nó sinh ra đời? Lòng tôi xót xa, quần quai nghĩ tới những người đã tan biến trong hai tiếng nổ vừa rồi, bao nhiêu người đang hải hùng trước ngọn lửa bốc cao như hoả diệm sơn kia. Có vài người chơi với cầu cứu trên cửa sổ cheo leo mờ mịt khói. Máy truyền hình cũng đang chiếu một thành khói đen lớn che lấp bầu trời trên tòa nhà Ngũ Giác Đài Pentagon tại Virginia với vòi nước, còi xe chữa lửa kêu hú liên hồi. Nhưng họ chưa biết chuyện gì xảy ra.

Sự hỗn loạn, nhốn nháo đang diễn ra tại World Trade Center. Người làm việc hốt hoảng chạy ủa ra. Những người lính chữa lửa đội mũ sắt xăm xăm chạy vào, ngược chiều lên thang nhà chọc trời với mục đích cứu người kẹt trong đám cháy, đám nổ.

Thế rồi, trong một lúc không ngờ, tòa nhà World Trade Center bị cái máy bay thứ hai đâm giữa chừng, sụp đổ tan tành như động đất cho đến khi sụm hết 110 tầng lầu. Hai chục phút sau, toà nhà thứ nhất bị đâm ở tầng cao hơn, cùng chung số phận, sụp đổ tới tận tầng cuối cùng dưới đất. Ngọn núi tro bụi đổ xuống, gầm rú, thét rít, và cuộn cuộn như ngọn sóng thần đuổi theo hàng ngàn người kinh hoàng chạy trốn tai ương, tử thần. Một lớp cát bụi dày cả chục “inches” phủ lên đường phố, xe cộ dưới chân hai toà nhà vừa sụp đổ. Hình hài những người vừa chạy thoát ra khỏi làn sóng bụi đỏ trông không khác những hình nộm bằng bó bằng rẻ rách màu xám tro chỉ còn hờ hai con mắt thất thần.

Đến giờ này mọi người đã được biết tòa nhà Pentagon Ngũ Giác Đài, Tổng Tham Mưu Quân Lực Hoa Kỳ, cũng bị quân khủng bố cướp máy bay dân sự và đâm nhào xuống cùng tự vận.

Nếu không có cháu ngồi trên lòng, tôi có cảm tưởng mình bị tê liệt và cảm khẫu. Nụ cười hồn nhiên xinh đẹp của cháu thường ngày làm lòng tôi ngọt ngào và thời gian, không gian của tôi như nở hoa tươi thắm. Giờ phút này, nụ cười vô tội ấy làm tôi thêm lo lắng những nguy hiểm bất chắc có thể ập tới bất cứ lúc nào. Còn nói được gì, nghĩ gì hơn nữa trước cảnh tàn phá, giết người tàn bạo này.

Lòng tôi rung rung, xót xa cho đất nước mà tôi và gần triệu người Việt di cư đã nhận nơi này là quê hương thứ hai.

Cô con dâu chúng tôi gọi tới hỏi thăm con gái nhỏ và tinh thần ông bà nội nó, dù sở con trai và con dâu tôi chỉ cách nhà chúng tôi 5 phút xe hơi. Giọng cô con dâu đầy xúc động. Cái máy bay đâm nhào xuống Ngũ Giác Đài, xuất phát từ phi trường Dulles chỉ cách nhà chúng tôi 1 hay 2 phút bay và chỉ cách những mục tiêu Washington, D.C. của bọn khủng bố khoảng 30 phút xe hơi hay 2, 3 phút bay là nhiều.

Nửa giờ sau, cô con dâu bỏ sở đến nhà chúng tôi và ôm con, nước mắt vòng quanh. Mẹ nào yên ổn được phải xa con sơ sinh trong khung cảnh khủng bố gần kề này.

Một lát sau con trai tôi cũng gọi tới cho biết nhân viên trong sở hoang mang không làm việc được, sở được lệnh đóng cửa. Một vài người ở D.C., đường về kẹt, sẽ đến nhà vợ chồng con trai tôi ngồi tạm vài giờ. Con dâu tôi thu xếp giỏ baby và mang con về nhà. Chồng dâu vợ đó, con dâu mẹ đó, sống chết có nhau.

Sau đó, TV lại loan tin với hình ảnh một máy bay dân sự khác được báo cáo là bị không tặc cướp và rớt xuống một vùng rừng cây Pennsylvania.

Các phi cơ vừa cất cánh, được lệnh quay trở lại phi trường ngay. Các phi cơ đang bay trên không phải đáp xuống phi trường gần nhất. Các phi trường trên toàn quốc đóng cửa. Các phi cơ từ nước ngoài vào phải đáp xuống phi trường nước bạn, không được vào lãnh thổ Hoa Kỳ. Các tòa nhà tượng trưng cho sức mạnh Hoa Kỳ đóng cửa và được phong tỏa cẩn mật như White House, Washington Monument...

Qua một ngày, người ta đã ước chừng 5000 người kẹt dưới đồng xi-măng cốt sắt sụp đổ của cặp tháp Trung Tâm Mậu Dịch Thế Giới, 800 người kẹt dưới mấy tầng lầu đổ nát và vẫn còn cháy của Ngũ Giác Đài. Những lời cầu nguyện, những câu thánh ca vang lên cầu cứu Thượng Đế, nhưng hy vọng cứu sống cả ngàn nạn nhân thật nhỏ nhoi. Cảnh đổ nát của khu World Trade Center, New York được ví như thành phố Pompei, nước Ý ngày xưa sau cơn động đất. Tôi đã đi thăm di tích thành phố này nên thấy điều so sánh đó không ngoa. Sự tổn thất của thành phố Nữ Ước trong vụ khủng bố này nặng gấp mấy lần vụ Pearl Harbour (Trần Châu Cảng) năm 1941. Chỉ khác, hồi đó chính phủ Nhật công nhận việc làm của họ và bọn khủng bố bây giờ hèn nhất không ra mặt. Nhưng Trung Tâm tình Báo CIA và Sở Liên Bang Điều Tra FBI đã tiết lộ bọn không tặc là những tên Ả

Rập mà đứng đầu là tên tí phú Osama bin Laden, lãnh tụ của bọn khủng bố quốc tế đang lẩn trốn trong vùng hang hốc, núi non hiểm trở Afghanistan, A Phú Hãn.

Tổng Thống Bush tuyên chiến với bọn khủng bố và kêu gọi sự ủng hộ của các nước bạn trên thế giới. Các đảng phái Cộng Hòa, Dân Chủ trong nước lên tiếng ủng hộ Tổng Thống 100%. Trước nguy nan quốc sự, hình như nước Mỹ là nước đoàn kết nhất thể giới, dân chúng nghĩ tới tổ quốc trên hết.

Tôi nhớ tới lời của một vị niên trưởng tôi gặp ở Brussels cách đây khoảng 20 năm: “Theo tiên tri thì thế chiến thứ ba sẽ xảy ra giữa Trung Đông và Tây Phương.” Tôi nghĩ thầm: “Có lẽ nào mình sinh vào năm bắt đầu thế chiến thứ hai. Cháu mình lại sinh vào năm bắt đầu thế chiến thứ ba hay sao? Không có chiến tranh ở Mỹ, Hoa Kỳ cũng có chiến tranh với bọn khủng bố ở nơi nào đó trên thế giới.”

Trong hai ngày đầu tôi ngồi gián mắt vào màn ảnh TV. Ăn cơm trong bếp chúng tôi cũng coi TV. Ngồi phòng khách chúng tôi cũng coi TV cho tới 2, 3 giờ sáng. Thân thể tôi bải hoải như người nhuộm bệnh.

Nhưng mê man rồi cũng có lúc tỉnh. Tôi chợt nhớ Thứ bảy này, Cơ Sở Cỏ Thơm sẽ giới thiệu, tại nhà tôi, tập thơ *Tình Anh Như Thế Đây* của tác giả Kim Vũ. Tôi đã sẵn sàng nhà cửa đầu vào đó. Vợ chồng Kim Vũ - Kim Đài sẽ đến Virginia vào ngày thứ sáu, hôm nay là thứ tư rồi. Tình hình này làm sao họ có chuyến bay để tới đây. Ai có lòng dạ nào ngồi nghe thơ tình, ngâm thơ tình, hát nhạc tình? Dịp ra mắt sách này cũng là để họp mặt văn thi thân hữu hàn huyên vui vẻ nữa. Nhưng ai vui được đây?

Tôi đã email và điện thoại cho Kim Vũ vào ngày Thứ năm 13 tháng 9, 2001 và bàn với đương sự rời buổi giới thiệu thơ đến một thời gian vô hạn định. Kim Vũ và Kim Đài không đồng ý vào ngày 14 tháng 9, thì ít nhất cũng phải ba tháng nữa mới sang Virginia được. Thế rồi, tôi vừa gọi các văn thi thân hữu Tạp Chí Cỏ Thơm vừa nhờ mỗi người liên lạc thêm với độc giả và quan khách về việc bãi bỏ buổi giới thiệu thơ Kim Vũ vào ngày 15-09-2001. Ai cũng mau mắn đồng ý. Vì cho đến hôm ấy, các phi trường quanh thủ đô vẫn chưa mở.

Quốc hội Hoa Kỳ trao toàn quyền quân sự cho Tổng Thống Bush. Vị lãnh tụ quốc gia Hoa Kỳ sẽ có 40 tỷ và hơn nữa để lo chiến tranh với bọn khủng bố cuồng sát. An ninh khắp nơi được củng cố tới đa. Thủy, Lục, Không Quân sẵn sàng sang Trung Đông.

Quân trừ bị được gọi ra thay thế làm công việc trong nước. Tổng thống tuyên bố: “Tên tử phú Ả Rập, Osama bin Laden trốn lẩn trong rừng núi Afghanistan là tên tình nghi khủng bố sát nhân đầu tiên. Những kẻ chứa chấp chúng đều bị trừng phạt; các nước trên thế giới, một là đứng với Hoa Kỳ, hai là đứng với bọn khủng bố; chiến tranh sẽ lâu dài và tận diệt đến tên khủng bố cuối cùng.”

Bọn khủng bố định dùng danh từ thánh chiến để tuyên truyền. Nhưng sự cuồng sát 5000 thường dân vô tội của một nước nhân từ nhất thế giới, đã lột mặt nạ bọn cuồng tín, giết người. Cả thế giới, không nước nào ra mặt bênh vực Osama bin Laden cùng thủ hạ, ngoại trừ lãnh tụ Taliban và một số dân hiếu chiến Afghanistan.

Tổng Thống Bush lên tiếng quyết liệt rằng nước Mỹ không tuyên chiến với các nước Hồi Giáo và người Hồi Giáo mà chỉ tuyên chiến với bọn khủng bố thù ghét dân Mỹ và các dân tộc có nền văn minh, tự do. Bọn khủng bố hiếu chiến man rợ cầm đàn bà con gái đi học, đi làm, bỏ tù, đánh đập hay bắn giết công khai những phụ nữ đọc sách, xem báo, coi TV và lộ diện trước công chúng. Dưới chế độ Taliban được Osama bin Laden tiếp tay, phụ nữ luôn luôn phải trùm chăn vải rộng từ đầu tới chân. Đôi mắt được nhìn qua khung vải thưa trên mặt. Số phụ nữ từ 15 đến 25 tuổi tự tử rất cao. Tự tử cũng là điều phạm pháp, bị tù tội và bị hành hạ.

Tổng Thống Bush cũng tuyên bố “chiến tranh chống khủng bố là chiến tranh đầu tiên của Hoa Kỳ ở thế kỷ 21 để bảo vệ cuộc sống văn minh, tự do cho thế hệ con cháu chúng ta sau này sẽ không bị bọn người man rợ đe dọa và khủng bố.”

Vài ngày sau người ta được biết nhiều truyện thật cảm động và thương tâm xảy ra trong các chuyến bị không tặc ấy.

Có một bà vợ trên máy bay đã gọi điện thoại cho ông chồng biết rằng, máy bay chở bà đang bị không tặc điều khiển. Bọn chúng hăm dọa hành khách cùng phi đoàn bằng dao cắt thùng giấy, và dồn mọi người vào cuối máy bay. Bà ta không hề biết máy bay của bà sẽ đâm vào World Trade Center sau đó.

Trong một chiếc máy bay khác, một người đàn ông đã gọi điện thoại viên 911 và cho biết máy bay của ông cất cánh từ phi trường Newark đang bị không tặc hăm dọa nổ bom. Ông nhờ người nữ điện thoại viên nhắn cho vợ ông biết rằng ông yêu vợ và các con. Ông và vài người nữa đồng ý phải ra tay với bọn không tặc trước khi chúng đi xa hơn. Sau đó, đường dây bị cắt. Và, máy bay của những người hành khách can đảm đó đã đâm xuống một khu rừng Pennsylvania thay vì bị không tặc điều khiển nhào xuống một địa

điểm quan trọng đông đúc dân cư nào của Washington, D.C., thủ đô Hoa Kỳ.

Địa điểm đổ nát World Trade Center và Pentagon được lực lượng chữa lửa, cảnh sát, quân đội và thường dân tình nguyện làm việc ngày đêm không ngừng. Lá cờ 50 sao trắng trên nền xanh với sáu xọc đỏ trên nền trắng được treo lên cột cờ đã rớt xuống từ trên đỉnh của tòa nhà hơn 110 tầng và được dựng trên đồng xi-măng, cốt sắt đổ nát. Các cửa tiệm không đủ cờ để bán. Chưa bao giờ người dân Hoa Kỳ treo cờ nhiều đến như vậy.

Các cuộc lạc quyền giúp gia đình nạn nhân của những vụ khủng bố trong ngày 11 tháng 9 tổ chức khắp mọi nơi. Các công ty Hoa Kỳ cho cả trăm triệu. Thường dân ký ngân phiếu này, ngân phiếu nợ gửi đến các cơ quan cứu trợ. Tổng Thống Hoa Kỳ hiệu triệu toàn dân với một bài diễn văn trầm tĩnh quyết liệt được sự ủng hộ của toàn thể quốc hội, đại diện các nước đồng minh. Người dân có cảm tưởng được trả lời đầy đủ các thắc mắc và yên lòng sẽ được bảo vệ.



Twin Towers at World Trade Center before 911
(Photo: Library of Congress)

Tòa Ngũ Giác Đài bị thiệt hại nặng chỉ làm cho khí thế quân đội một cường quốc bùng hơn lên, sẽ quyết chiến đấu đến cùng. Hai tòa nhà Trung Tâm Mậu Dịch Thế Giới đã sụp đổ, nhưng tinh thần tự do dân chủ của một nước giàu mạnh, nhân đạo ngùn ngụt trời cao với linh hồn gần 5000 nạn nhân đủ các chủng tộc đã hy sinh cho chính nghĩa ấy.

Hàng triệu tiếng đồng ca God Bless America thống thiết, oai hùng vang lên khắp mọi nơi, từ trên những bậc thềm quốc hội cho

đến các trường học, các buổi hội họp trình diễn thường dân, các trận đá banh. Cộng đồng Việt Nam cũng đứng trong tinh thần chia sẻ, đoàn kết và biết ơn xứ sở đã cứu mang mình.

*God Bless America,
My home sweet home.
God Bless America,
My home sweet home.*

Gần 10 năm sau, ngày 2 tháng 5, 2011, Osama bin Laden, kẻ cầm đầu quân khủng bố Hồi giáo Al-Qaeda đã bị US Navy Seal Team đột kích bằng trực thăng vào sào huyệt của hắn ở Pakistan. Bin Laden trở tay không kịp và bắn chết tại chỗ. CIA và FBI đã tìm kiếm Osama trong suốt 10 năm và điều khiển cuộc hành quân chớp nhoáng và chính xác đó. Xác Osama bin Laden được chôn ngoài biển theo tục lệ Hồi giáo trong vòng 24 giờ sau.



The Freedom Tower World Trade Center Memorial, NYC.
(Photo: U.S.C.B.P.)

Và đúng 10 năm sau, ngày 9/11/2011, Freedom Tower được khánh thành thay thế Twin Towers at World Trade Center, Cặp Tháp Trung Tâm Mậu Dịch Thế Giới cũ. Freedom Tower ngạo nghễ cao 1368 ft. Nền đất của đôi tháp cũ được xây thành hai bể nước lớn. Xung quanh tường bể ghi khắc tên 2606 nạn nhân tử thương trong vụ khủng bố 911.

Nguyễn Thị Ngọc Dung
(Viết 13/09/2001. Nhuận sắc 08/05/2018)



VÀNG TRẮNG THIẾU PHỤ

Loài mây trắng lang thang về núi cũ
Một vàng trắng che khuất tuổi thơ ngây
Anh đứng đó nghe màu chiều đã vỡ
Nghe đìu hiu gió rét ở trong cây.

Thu tóc liễu đôi vai gầy trĩu nặng
Đồi hoang vu dăm cánh lá vàng phai
Anh còn anh với đêm sâu mộng trắng
Em nhạt nhòa lãng đãng cuối chân mây.

Trắng hạ huyền, nửa vàng trắng thiếu phụ
Gối chần nào ru ngủ ngọn đông phong?
Chim mỏi cánh, chim bay ngoài viễn xứ
Tuổi xa người biết có gặp nhau không?

Ồi tóc rồi trái đời xanh đã rụng
Thần tượng hoang tay bế với tay bông
Anh đứng đó, bên bờ kia đá dựng
Nghe dạt dào, tình vỗ sóng muôn phương.

Trắng thiếu phụ phiêu du hồn lãng tử
Mây lang thang về ử núi xanh xưa
Gió trăm miền về đây làm bão tố
Anh cùng Em ngồi đợi chuyến mưa thưa.

Hoàng Song Liêm



Trần Thảo Lư phổ nhạc từ bài thơ của Hoàng Song Liêm:
<http://cothommagazine.com/NhacThanHuuCoThom/TrangThieuPhu-HSL-TTL.pdf>

SÀI GÒN thời @ a-còng

**** Ý Nguyễn ****

Trong lần về thăm Việt Nam mới đây, nhân những lúc đi dạo phố phường “thăm dân cho biết sự tình”, mà danh từ mới ở Việt Nam người ta nói là đi “thực tế”, chúng tôi thường bắt gặp những sự kiện hay lạ nên muốn ghi lại trên trang giấy này như một món quà nho nhỏ để chia sẻ cùng bạn đọc.

Cô gái Bình Định

Theo chân cô Điệp, người giúp việc, tôi đem ít quần áo ra một tiệm giặt ủi gần nhà để hấp khô. Bốn ngày đầu ở chơi với anh chị bạn trong căn nhà lầu 4 tầng, rộng rãi thênh thang tại vùng Thủ Đức, chúng tôi cảm thấy thật thoải mái không khác gì ở trong một khách sạn 4 sao. Những ngày này trời âm u không nắng và nhà anh bạn không có máy sấy nên phải tính chuyện gấp rút mấy bộ quần áo vừa mới giặt sáng nay, vì sáng mốt chúng tôi phải bay ra Hà Nội.

Vừa gặp cô chủ tiệm tôi đã có cảm tình ngay khi thấy cô vui cười đơn đả tiếp đón. Được biết tuổi cô chưa quá 30, người thon nhỏ nhưng vững vàng, nhanh nhẹn. Vừa nói chuyện cô vừa làm việc luôn tay, nhanh thoăn thoắt, khách hàng đem quần áo đến giặt sấy khá đông, người này đi khỏi, người khác ập tới, do đó cô chẳng thể ngồi yên một chỗ để ăn hết tô bún. Mỗi lần cô định đưa cái tô gần lên miệng thì lại có điện thoại, hoặc khách đem quần áo tới, cô lại đặt tô bún xuống để tiếp khách, cứ liên tục như thế đấy. Tiệm cô có nhiều khách quen nên mỗi sáng trên đường tới sở họ ghé bỏ quần áo ở đây, chiều về ghé lấy.

Trong lúc ngồi đợi quần áo sấy, cũng vì tính tò mò, tôi bắt chuyện hỏi han cô. Cô ta có vẻ cũng thích có người biết đến tình cảnh của mình nên cô đã không ngần ngại tiếp chuyện tôi.

- Thế ông xã đâu mà cháu phải làm công việc này một mình? Không có ai phụ giúp cháu sao?
- Cháu đánh và đuổi nó đi rồi cô ạ. Chỉ nhậu nhẹt, xay xín, lại còn mèø chuột, trai gái nữa chứ!
- Mướn người phụ không có lời cô ạ, nên cháu phải làm lấy hết, vất vả lắm nhưng có tiền để trả công cho bà già giữ hai xấp nhỏ và com nước. Bà giúp việc là người cùng quê với cháu, bà giỏi lắm, không có bà không biết cháu sẽ xoay sở ra sao.

Nghe giọng nói tôi đoán cô là người miệt ngoài.

- Cháu người Bình Định phải không?
- Dạ.
- Gái Bình Định có khác. Nghe nói gái Bình Định giỏi võ lắm, nên mới dám đánh chồng như thế chứ?
- Cô gái nhìn tôi cười hóm hỉnh: Dạ vâng, thưa cô.

Nghe cô nói vậy, tôi chợt nhớ lại những đêm văn hóa tại phố đi bộ Nguyễn Huệ trong đó có nhiều màn biểu diễn võ thuật của hội võ thuật Bình Định rất đặc sắc. Thực sự tôi rất khâm phục các nữ võ sinh đã trình diễn những cú đâm đá hoặc sử dụng dao pha hay quyền cước rất tinh xảo lôi cuốn sự thần phục của khán giả bao quanh khán đài. Cho nên bây giờ nói chuyện với cô gái này cũng là một thích thú đối với tôi. Tôi vội đọc cho cô nghe hai câu ca dao mà tôi nghe được ở đâu đó: “Ai về Bình Định mà coi, Con gái Bình Định cười voi, đánh quyền?”.

- Cô gái phá lên cười có vẻ đắc chí ...!

Cô kể tiếp... “Cuộc đời cháu gian truân lắm cô ạ. Mới tám tuổi cháu bỏ quê theo một gia đình vào Saigon làm con nuôi giúp việc nhà cho họ và được đi học đến nơi đến chốn. Nhờ đó cháu cũng có một số vốn kiến thức. Ông bà nuôi cháu mở tiệm giặt ủi, rất đông khách, do đó cháu học được nghề sau những năm phụ giúp ông bà. Họ rất tử tế với cháu cô ạ. Dần dà cháu được trả công. Cháu dành dụm được một số vốn và có một người bạn rủ ra hùn hạp với họ mở tiệm giặt ủi. Được một thời gian ngắn họ không chịu cực nên nhường lại cho cháu trông coi hết. Mới đầu cháu dùng những máy giặt máy sấy cũ nên phải sửa chữa hoài, thực rắc rối. Khi máy cũ làm reo, cháu không có đủ máy để đáp ứng dịch vụ cho khách hàng đúng hẹn, làm họ buồn, cháu không muốn. Lâu dần và cho đến nay mới đổi được một loạt máy mới, cháu thấy khoẻ khoắn, đỡ vất vả. Khách rất hài lòng cô ạ.”

Tôi đảo mắt thấy hai dãy máy giặt và máy sấy đặt dọc hai bên chân tường, còn mới nguyên. Cô ta luôn tay xếp quần áo từ máy hấp rồi lại bỏ quần áo vào máy giặt. Phía trên trần nhà hàng loạt dây sào hay giầy phơi quần áo được máng phơi lên trước khi sấy cho đỡ tốn điện. Cô ta quả là thông minh.

Tôi chợt nghĩ đến biết bao nhiêu cô gái cỡ tuổi cô, hiện đang sống trong một xã hội phức tạp như bây giờ ở Saigon. Họ cũng phải tìm mọi cách để mưu sinh mà trường hợp của cô chủ tiệm này cũng

không ngoại lệ. Thực đáng khen và đáng khâm phục. Họ dùng sức lao động của mình để đổi lấy miếng cơm manh áo bằng một cái nghề chân chính, trong khi đó nhiều cô gái khác có nhan sắc mặn mà, có kiến thức nhưng đã chối bỏ công việc tay chân nặng nhọc để làm một nghề “không cần vốn”. Thực tội nghiệp!

Nói cho đúng, có nhiều trường hợp không phải vì lớp trẻ lười biếng hay thất học, nhưng vì thời buổi mật ít ruồi nhiều, dân số Saigon lúc xưa khoảng 3 triệu giờ tăng vọt lên tới hơn 10 triệu, thử hỏi cuộc sống không trở lên khó khăn sao được? Lúc này ở Saigon người ta nói như thế này: “Nhất là liên hệ, Nhì là tiền tệ, Ba mới tới trí tuệ”, quả không sai.

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn

Sau gần một tháng thăm viếng Hà Nội, Vịnh Hạ Long, Hải Phòng, Cát Bà, Chùa Bái Đính v.v... chúng tôi lại bay trở vào Saigon để gặp phái đoàn thiện nguyện của một nhóm Bác Sĩ từ California về. Chúng tôi có ý định sẽ tháp tùng họ trong chương trình uỷ lạo các trường mù, trường mồ côi hầu có thể đóng góp được phần nào công sức cũng như tài chính của mình.

... Vừa bước chân vào cửa khách sạn, cô tiếp viên trẻ đẹp quen thuộc đã tươi tắn chào đón chúng tôi.

- Lâu ghê mới thấy cô chú về lại
- Trông cô chú vẫn khoẻ và trẻ ra ...

Nghe cô tiếp viên khen, tôi chợt nghĩ tới thời gian vừa mới đây ở Hanoi. Bất cứ nơi nào cung cấp dịch vụ cho tôi, chẳng hạn như tiệm làm móng tay, foot massage, làm tóc, cửa tiệm buôn v.v... gặp tôi là họ đã khen tôi trẻ dù rằng chưa biết tuổi tác của tôi ra sao. Từ đó tôi hiểu ra rằng lối xã giao của người dân miền Bắc có hơi khác sáo không giống như người miền Nam, chân thật hơn.

Tôi vui vẻ chào lại cô gái: “Hi Diễm. Cháu vẫn còn làm ở đây hả. Mới đây mà đã 3 năm rồi nhỉ. Ba năm rồi mà cô thấy cháu chẳng thay đổi gì, vẫn đẹp nồn nà...”

Mọi người cười rộ lên thực vui vẻ. Cháu khen cô, cô khen cháu, hòa cả làng. Chúng tôi ký giấy lấy chìa khóa và cậu bảo vệ đưa hành lý của chúng tôi lên phòng.

Cũng như mọi lần trước, chúng tôi chọn khách sạn mini thôi cho vừa túi tiền vì ngân khoản chúng tôi đem theo đã có mục đích vào công tác từ thiện nên không thể phí phạm được. Chúng tôi chỉ cần một

căn phòng vừa phải, thoáng đãng, có cửa sổ, có máy điều hoà không khí, nước nóng nước lạnh, ở ngay trung tâm thành phố, an ninh tối đa, vậy là quá chu toàn cho cuộc du lịch lâu dài của chúng tôi. Rất may mắn là lần này căn phòng số XXX ở lầu 3 vẫn còn trống, để dành cho chúng tôi, có thể mùa này vắng khách du lịch.

Hàng ngày theo dõi công việc mà cô tiếp viên giao tiếp với khách hàng, tôi thấy mến phục cô nhiều. Cô bé Diễm này rất dễ thương, xinh xắn mà lại có duyên. Ăn nói dịu dàng và thông thạo công việc theo chức vụ cô đảm nhiệm. Cô xử dụng máy vi tính cũng như Iphone rất rành rẽ. Có nhiều việc chúng tôi phải nhờ cô giúp. Chẳng hạn book vé máy bay đi Phú Quốc, đi Đà Nẵng v.v... hoặc đặt xe taxi qua các hãng Vinasun, Mai Linh (taxi truyền thống), hãng Uber hay Grab. Đôi khi muốn làm móng tay tôi không phải đi ra tiệm, cô biết dịch vụ tư này rất sành sỏi và giúp tôi liền. Họ tới tận khách sạn để phục vụ mình. Giá cả rất nhẹ so với giá ở tiệm, nên đương nhiên tiền tip chắc chắn là phải hậu hĩnh rồi. Cũng thế khi chúng tôi muốn mua vài thứ đặc sản của VN để đem về Mỹ, chẳng hạn như cá khô hoặc măng khô v.v... chúng tôi chẳng ngần ngại nhờ cô là đầu vào đây hết, thay vì phải ra chợ Bến Thành. Thực ra tôi rất ngại mua bán ở chợ Bến Thành vì mình không rành giá cả cũng như hàng tốt hàng xấu hoặc hàng thật hàng giả. Sợ nhất là không dám trả giá nhờ không đúng họ la chết. Bà hàng nào cũng nói: “Mua giúp đi cô, sáng ra chưa bán mở hàng”, mặc dù lúc đó đã là 3, 4 giờ chiều. Vậy nên tôi đều hỏi ý kiến và nhờ cháu Diễm giới thiệu cho yên tâm. Chính vì thế khi phải cho tip cho các nhân viên của khách sạn, tôi luôn luôn ưu đãi Diễm hơn những người kia. Cô làm việc theo ca, có khi ca sáng từ 7:30 tới 3 giờ chiều, có khi ca chiều từ 3 giờ chiều tới 10 giờ đêm. Lương của Diễm thâm niên nhất mà cũng chỉ có 4 triệu 5. Với số lương này khó có ai có thể xoay sở cho cuộc sống đắt đỏ hiện nay nên hầu như họ đều phải kiếm thêm một job thứ hai. Do đó Diễm phải làm thêm cho một công ty sản xuất khác, ngoài ra vào giờ rảnh rỗi ở nhà cô còn làm kim-chi Đại Hàn để bỏ mồi. Cuộc sống thực khó khăn với đồng lương quá khiêm tốn như Diễm là tình trạng chung hiện nay ở Saigon. Một điều ngang trái là hàng ngày Diễm phải chứng kiến cảnh du khách người ngoại quốc đem gái Việt về phòng để giải trí. Các cô gái này kiếm tiền một cách dễ dàng đâu có vất vả như Diễm.

Bằng chứng là ngay tại khách sạn này, tôi đã bắt gặp nhiều lần những cô gái Việt quá trẻ và xinh xắn, ăn mặc đơn sơ mộc mạc, không son phấn, thoáng nhìn họ giống như mấy cô sinh viên đại

học. Nếu họ không cập kè với một người nước ngoài từ khách sạn bước ra thì mình làm sao biết được back ground của họ. Thấy cảnh tượng những người đàn ông lớn tuổi, to lớn như đồ vật, da dẻ đen đúa, tay chân lông lá, mồ hôi nhễ nhại, hơi thở sặc mùi rượu bước từ trong thang máy ra với cô gái Vietnam trông ngây thơ như con nai vàng mà lòng tôi chùng xuống. Xã hội hiện nay đã làm băng hoại không biết bao nhiêu thanh thiếu niên trí thức cũng như biết bao thiếu nữ xuân thì. Đồng tiền đã thắng mọi thứ trên đời, chi phối bản lĩnh của con người và chà đạp lên đức hạnh vốn sẵn có của họ. Sự thực nó là như vậy. Dù các em có tốt nghiệp đại học để rồi cũng chẳng kiếm được việc làm, trong khi biết bao đòi hỏi vật chất cá nhân thôi thúc. Tôi tự hỏi tại sao có người kiếm được đồng tiền quá khó nhọc, nhưng lại có người kiếm được đồng tiền quá dễ dàng như thế. Cùng trong một khung cảnh mà hai hình ảnh khác biệt đã diễn ra trước mắt khiến tôi cảm thấy xót xa thương cảm cho lớp trẻ sinh ra làm thời. Tôi đem so sánh giữa những cô gái hư hỏng với những cô gái nét na như Diễm mà thấy nể nang cháu vô cùng. Tôi ví cháu như một bông Hoa Sen trong bùn... gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Đói cho sạch, rách cho thơm. Cháu đã thể hiện được đức tính thuần thực của người phụ nữ Việt Nam mặc dầu chung quanh cháu đầy đầy những cám dỗ.

Cho nên, khi nói đến Việt Nam chúng ta chớ vội kết án và khinh bỉ bất cứ ai, đừng nên vơ đũa cả nắm. Ở trong bất kỳ một xã hội nào, cũng có những thành phần nọ thành phần kia mà hậu quả của những bất hạnh này chúng ta đều hiểu rõ là do hoàn cảnh xã hội đã tạo nên cũng như do lớp người lãnh đạo quốc gia đã không nhìn xuống khiến người dân nghèo khó phải hứng chịu những điều bất công như thế.

Kinh nghiệm bản thân

Chẳng cái đại nào giống cái đại nào. Đúng thế, chúng tôi đã về Việt Nam nhiều lần nhưng vẫn không tránh khỏi những vụ lừa bịp dù không phải là điều to tát lắm, nhưng cũng xin được chia sẻ với những ai dễ tin người như tôi.

Sau những buổi dung dăng dung dẻ với ông xã đi khắp đường phố Saigon để tìm lại chút dư hương ngày tháng cũ. Tôi cảm thấy hai đôi chân cần được chăm sóc, thư giãn, hầu còn tiếp tục cho những chuyến đi tour sắp tới. Thế là tôi ghé vào một tiệm tắm quất hiện đại - Spa-Foot Massage, nằm trên đường Hàm Nghi và Pasteur. Giá

cả đám bóp nửa giờ là 160,000 đồng, so ra mắc hơn ở Hà Nội. Tôi nghĩ nửa giờ đồng hồ như thế là đủ, vả lại sức khoẻ của tôi coi ra còn rất ổn. Thực sự tính tò mò của tôi là muốn tìm hiểu hiện tình cuộc sống thật sự của từng lớp, từng khía cạnh khác nhau của người dân Việt Nam ra sao.

... Bước vào phòng, cô tiếp viên đưa tôi một cái quần rộng thùng thình để thay. Tôi từ chối vì không muốn mặc quần áo chung của khách hàng. Tôi được mời vào một căn phòng ở phía trong, có máy lạnh tươm tất, hai giường nằm được kê sát cạnh nhau, có khăn lông phủ sẵn ở trên sẵn sàng cho khách vào thư giãn.

Vài phút sau đó, một nam nhân viên được gửi vào, tôi hơi ngạc nhiên nhưng bình tĩnh nói với em là tôi muốn người nữ phục vụ cho tôi. Khi cậu ta bước ra khỏi phòng, trong đầu óc tôi hiện lên một ý tưởng không hay mà tôi đã thường được nghe thiên hạ nói về những “khu đầm bóp, tắm hơi” trá hình ở Việt Nam. Tôi nghĩ chả lẽ vậy sao...?

Nhưng rồi một cô gái trẻ vén màn bước vào thay thế. Cô ta đưa cho tôi một chiếc khăn lông lớn mới toanh thay cho chiếc quần mà tôi từ chối khi bước vào tiệm.

Cô ta bắt đầu công việc của cô trong khi tôi chuyện trò thân mật với cô như tôi thường làm.

Cô còn rất trẻ. Cô cho biết cô người gốc Thanh Hoá. Được giới thiệu vào đây làm việc này khoảng hơn một năm. Cô không được trả lương hàng tháng mà lĩnh lương cuối năm? Tôi không hỏi lương lậu ra sao, nhưng nghe cô nói lĩnh lương vào cuối năm, tôi cảm thấy có vấn đề nghi vấn trong đầu.

- Như vậy hàng ngày cháu lấy tiền đâu mà tiêu dùng cũng như gửi về giúp gia đình, tôi hỏi cô thế.
- Cháu sống bằng tiền tip của khách hàng cô ạ. Cháu không được ăn chia như những người làm móng tay 60%, 40%. Số tiền 160,000 cô trả cho chủ tiệm cháu không được chia một đồng nào? Họ giữ hết. Cô ta tỏ ra buồn buồn nói với tôi như vậy.
- Tiền tip được chỉ định là 200,000 đồng cho mỗi dịch vụ ngắn hạn, có khi còn cao hơn nếu dịch vụ lâu hơn một giờ hoặc khách muốn làm massage the whole body, cô ta khẳng định với tôi như thế.

Tới đoạn này, tôi chợt nghĩ cô gái này có vấn đề lớn đây. Lúc ở Hà Nội mới đây tôi cũng đã thường được “thoa bóp” chân ngay tại khách sạn nơi tôi ở. Người chủ tính tôi 100,000. Tôi cho cô thợ tip

cỡ 30-50,000 là tối đa. Bây giờ nghe cô bé này khoác lác như vậy khiến tôi phải suy nghĩ.

Tôi nói với cô ta:

- Cô nghĩ, tiền tip của khách hàng là tùy theo dịch vụ tốt xấu do cháu cung cấp, và tiền tip không thể nào lại quá số tiền phải trả cho dịch vụ.
- Vâng, đúng như vậy ở đây khách họ trả như thế cô ạ. Thường là như vậy mà cô.

Qua kinh nghiệm, tôi thấy cô gái này chưa có đủ khả năng chuyên môn trong dịch vụ massage này và cái lối bắt bí khách hàng trả tiền tip của cô đã làm tôi thất vọng và đánh giá cô rất thấp cũng như có ý nghĩ nghi ngờ về công việc làm ăn không đứng đắn và minh bạch của cơ sở thương mại này.

Tôi cảm ơn cô gái và tip cô 150,000 thay vì 200,000 như cô đòi hỏi. Trước khi ra khỏi căn phòng tôi nói với cô ta:

- Những lời cháu nói với cô nghe không hợp lý và không đúng với luật lao động dù rằng chủ tiệm cho cháu ở trọ không lấy tiền. Cô chưa trả tiền tip cho ai cao như thế này, chẳng qua cô thông cảm hoàn cảnh của cháu mà thôi. Cháu sẽ phải chịu trách nhiệm về lời nói của cháu một khi khách hàng tìm ra sự thực. Xã hội này sẽ phức tạp hơn nếu mỗi cá nhân hành xử đối trá không đứng đắn cháu hiểu không?

Thưa vâng, những mẩu chuyện còn con trên đây mới chỉ là một trong nhiều khía cạnh của cuộc sống hiện tại ở Sài Gòn hay Hà Nội nói riêng và trên tất cả các miền đất nước Việt Nam nói chung. Tác giả chỉ muốn chia sẻ câu truyện này cùng bạn đọc để chúng ta có khái niệm và hiểu biết về cuộc sống khó khăn tại Việt Nam và đồng thời để đối phó cũng như thông cảm cảnh ngộ của người dân mình vì nghèo túng họ có thể tìm đủ mọi cách để qua mặt những ai đã đặt niềm tin vào họ. Thời đại a-công là thế!

Ỗ Nguyễn - *Maryland, December 2017*



HẸN HÒ

nhớ hồi đó mỗi lần mình hẹn gặp
em luôn thích anh hò cho em nghe
bởi giọng anh đặc chất người Nam bộ
gợi tình vui như sóng vỗ long lanh

hẹn ngày ấy dấu câu hò chưa trọn
vẫn luân lưu điệu nhớ gợn trong hồn
như mạch nước dòng sông Tiền, sông Hậu
luôn rì rào bên gốc mạ tươi xanh

dưng không chiều nay nhớ thời hò hẹn
chắc tại mình vượt mất một vòng tay
vì xa quá một quê hương thương nhớ
đẹp như thời sách vở quyện trời mây

chờ em nhé nếu còn mong cuộc hẹn
nghe câu hò làm e thẹn nụ hôn
thuở đời vui với tấm lòng mở rộng
như cánh đồng lồng lộng gió phương Nam.

Cao Nguyên



CỎ VƯỜN HÀNG XÓM CHƯA CHẮC ĐÃ XANH HƠN!

**** Đoàn Xuân Thu ****

Melbourne, ngày...tháng...năm.

Tèo con,

Tối nay ba đi làm về đã mười hai giờ rưỡi đêm. Ba mệt, mệt vì phải làm việc suốt tám tiếng đồng hồ, cộng thêm bốn tiếng nữa để đáp xe lửa, leo xe tram, ngồi xe bus mới về được tới nhà. Nhà mình dẫu mướn nhưng luôn luôn là nơi ba muốn về nhất để gặp má con, anh Tí và con. Đó là nơi ba thấy đáng yêu nhất. Gia đình chính là nguyên nhân của tất cả mọi nguyên nhân mà ba, má con phải làm việc vất vả. Tất cả chỉ vì con.

Vậy mà khi về tới nơi, dẫu khuya, đèn vẫn còn chong, hắt ra khung cửa kiếng là một bóng cô đơn. Má con lặng lẽ ngồi, cặm cùi may từng chiếc áo một, kiếm từng mười xu lẻ để sống sót nơi đất lạ quê người. Ba hỏi con đâu? Má con buồn bã trả lời: Thằng Tèo vẫn chưa về. Con đã đi chơi suốt từ chiều thứ sáu cho đến nay là tối thứ hai rồi. Hơn ba ngày đêm con không có mặt ở nhà. Vắng ngắt nhà. Mênh mông nhà. Không tiếng chân bước vào ra. Ngoài cửa, gió mùa đông Melbourne rét căm căm.

Bao nhiêu buồn bã nhất là má con đang chịu, con có biết không? Ba nghĩ là con biết. Nhưng ba không hiểu tại sao con lại nỡ dừng đứng trước nỗi đau khổ của ba và má. Ba tin rằng trong lòng con, con vẫn còn thương ba má lắm phải không?

Có lần đi chơi khuya về, tình cờ con gặp ba trên chiếc xe tram đầy mọi mệt. Rồi cha con mình may mắn chung một đoạn đường về. Ba nói may mắn vì hiếm hoi lắm cha con mình mới có dịp đi bộ cùng nhau. Đột nhiên mình bắt gặp một cánh chim cô đơn, đậu trên nhánh bạch đàn, đong đưa theo mưa gió. Có phải là chim Việt nhớ cành Nam? Nhà mình đâu? Quê mình đâu? Sao biết được ngày bay về tổ cũ!

Ba còn nhớ mùa nước lụt năm 1978, ba năm sau ngày miền Nam sụp đổ. Nước tràn mênh mông vườn của ngoại. Rắn bò cả vào nhà. Gạo không có mà ăn, phải dọn khoai lang, khoai mì. Nước cơm pha chút đường dành cho con thay sữa. Ba phải đi hái lá tàu bay, đem luộc làm canh. Nước pha muối để thay nước mắm. Có con gà nuôi dành giỗ nội thì hàng xóm bắt trộm, ăn mất rồi. Ba buồn nhưng không giận. Vì không phải riêng nhà mình chịu đói. Cả dân tộc lắm than! Mình có nước mà mình không biết giữ để đến nông nổi này!

Cuối cùng bị dồn đến chân tường, không lẽ ở lại chịu chết, má con đành phải bán tư trang ngày cưới để có tiền, làm lộ phí cho ba bé con đi. Nhà mình xẻ hai. Xẻ đàn tan nát. Ba với con ra đi; má và anh Tí ở lại để lỡ có bị bắt còn có kẻ thăm nuôi. Vả lại mình cũng không có đủ tiền, vàng chung cho bốn chỗ.



Ngày cha con mình đi, Cần Thơ chìm trong tối. Lúc bé con xuống ghe nhỏ chờ ra tàu lớn, con khóc. Ai bị buộc rời xa quê cha đất tổ, chỗ chôn nhau cắt rốn trong một hoàn cảnh bi thương như thế, làm sao mà không khóc.

Ba phải cho con uống sirop Phenergan để con ngủ. Rồi lên đênh trên biển, trong mịt mùng giông bão, đói, khát, cướp biển Thái Lan. Cuối cùng tàu cũng đến được Pulau Bidong. Con là người trên tay ba. Ba bế con, bước đi xiêu vẹo vì vẫn còn say sóng. “Xin hãy cứu con tôi!” Đó là lần đầu tiên trong đời ba đã phải van xin.

Vậy mà mấy năm sau khi má và anh Tí con được lãnh qua, ngày gặp lại má con ở phi trường Melbourne, con chỉ nói được ‘Hi! mum’ rồi thôi. Má con nói với ba rằng mới xa thằng Tèo có mấy năm mà nó đổi thay nhiều quá. Vỏ nó vàng nhưng ruột đã trắng rồi! Hồi ở bên nhà, sợ con mình lớn lên, họ bắt đi nghĩa vụ, chết ở bên Miên. Còn qua bên này, xa hoa, phù phiếm đã bắt mất nó rồi.

Ở đâu mình cũng không giữ được con mình. Hồi nhỏ cho nó một cục kẹo, nó cũng mừng; bây giờ mình cho nó cả cuộc đời nó cũng không nhận.

Mười năm, hai chục năm nữa khi ba má đã già, cát bụi sẽ trở về cát bụi. Cha còn gót đỏ như son. Đến khi cha mất gót con lấm bùn. Ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Mười hai tiếng làm việc và di chuyển. Tám tiếng ngủ để hồi sức lao động. Chỉ còn bốn tiếng vào, ra để gặp mặt hai con. Ba đã bán năm phần sáu đời mình cho vòng đời tư bản khốc liệt cạnh tranh để đổi lại vốn vẹn một phần sáu vô cùng cho cõi thương yêu. Vậy mà cũng không được!

Ba cũng có má giống hệt như con có. Đó là bà nội của con. Chẳng may má ba mất sớm, rất sớm. Vì sức tàn lực kiệt, đèn khô dầu lụi tắt, qua những ngày, tháng, năm mưa dầm nắng dãi, sớm tàn hôm tảo nuôi đàn con nheo nhóc ăn học.

“Mẹ già như chuối chín cây. Gió đưa mẹ rụng con rày mồ côi.”

Câu hát ru đó đã theo ba suốt thời quân xanh áo trắng, qua đầu lửa binh, xuống tàu vượt Thái Bình Dương; rồi đất lạ quê người. Ba chắc rằng câu hát ru đó sẽ còn theo ba mãi, cho đến khi ba về với nội.

Bây giờ nghĩ lại ngày ba còn thơ dại như con, đôi khi đứng đưng, vô tình làm má buồn, ba khổ giống như những gì con đã và đang làm đối với ba má bây giờ. Ba đã hối hận biết bao khi má mình không còn nữa. Có nụ cười nào rạng rỡ hơn khi má mình thấy mình lấm đẫm tập đi, bập bẹ tập nói. Có tiếng khóc nào chua xót hơn, đèn đêm đôi bóng khi má mình biết mình trốn học, rong chơi.



Làm được gì bây giờ nữa hử con? Có chăng chỉ là một đóa hoa màu trắng trắng, cài lên ngực áo, trong mùa lễ Vu Lan, như thầm nói với đời rằng: mất má rồi đời chỉ là một dải khăn tang.

Ai cũng thích đi chơi hết. Đi chơi vui lắm. Người ta thường bảo sân nhà hàng xóm cỏ chắc xanh hơn. Nhưng Tèo con ơi! luống hoa hồng vườn Botany sao đẹp bằng luống rau má con trồng bên hè nhà mình ở. Con Bulldog nhà hàng xóm sao bằng con Mực nhà ta. Mac Donald sao ngon bằng đĩa cơm tấm tỉnh quê. Lẩu nhà hàng Tàu sao ngon bằng nồi canh chua má nấu. Con trách sao con tên Tèo. Cái tên gọi nhớ quê nghèo đã xa. Cái tên Tony sao bằng cái tên Tèo yêu dấu của đồng chua nước mặn; của những dải bần xanh.

Có thể con cho ba là lạc hậu, là bảo thủ, là xưa rồi. Nhưng ba tin rằng có những điều chưa sáng tỏ bây giờ sẽ hoàn toàn đúng trong mười năm nữa khi con ngồi nghĩ lại.

Ngày mình đi Cần Thơ chìm trong tối. Ngày con về chốn cũ chắc bình minh. Má là quê hương. Quê hương là má. Quê hương con còn có thể tìm lại được; chứ mất ba má rồi thì thôi đã hết trông mong.

“Má ơi chim vịt chết chìm. Thò tay vớt nó con cá lìm kìm cắn tay.” Mười năm, hai mươi năm nữa biết con còn có má để mà kêu mà réo nữa hay không?

Thư bắt tận ngôn.

Ba Tèo.

Đoàn xuân Thu (Melbourne)



TRẦM MỘT NÉT HOA

Gió ngào ngạt gió phù vân
Em lung linh bước thi thần
dáng hoa
Từ hồn lục bát bước ra
Từng câu thơ cổ âm nhòa
lời riêng

Đêm hồng ngọc bóng trăng im
Ngày là lụa nắng lờ
chiêm bao người
Ngập ngừng chút ngập ngừng vui
Đường này lối nọ bồi hồi có không

Qua non dẫu cát bụi hồng
Đã ân cùng nghĩa chút lòng
hương bay
Rượu tình nào để môi cay
Chén hoàng hôn với mơ này
mộng kia

Trăm năm bao lẽ loi về
Ngàn năm đâu biết chia lìa
tiền thân
Trót yêu mê lộ nửa phần
Cõi riêng còn một nét trầm hoa thơ.

Hoa Vãn



CHIỀU NẮNG BAY

*Kéo giấc đời lê thê
Thức dậy lạc dấu về
Thấy cỏ cây đất đá
Giữa vùng trời hoang mê*

*Nhìn hoa dại bên đường
Không người chăm kẻ bón
Nhờ sương trời hôm sớm
Vẫn nở đoá vô thường*

*Cuộc sống cần yêu thương
Bước chân đời vội vã
Về đâu tình trăm ngã
Vui nào chốn vãn chương*

*Biết em cùng thi phú
Yêu đời câu chuyện vãn
Anh là người phạm tục
Quý nhau ý thơ thần*

*Đi trên đường nhân ái
Có muôn vạn đoá hoa
Ngát hương tình nhân thế
Năm tháng chẳng phai nhòa*

*Đã lòng tha thiết lạ
Từ lối cũ phương này
Tình thơ là tất cả
Yêu em chiều nắng bay.*

Hoa Vãn

VÀI CẢNH ĐẸP PHƯƠNG XA

Le Văn Khoa 

Nhiều người hỏi tôi chụp loại ảnh nào khó nhất?

Câu trả lời của tôi là chụp loại ảnh nào cũng khó cả. Có người không chấp nhận câu trả lời của tôi, hỏi vặn lại:

- Ông trả lời ba phải quá. Tôi muốn ông phân định chụp ảnh chân dung có khó hơn ảnh phóng sự hay ảnh phong cảnh, hay ảnh tĩnh vật v.v. . . ?

Tôi giải thích:

- Thưa ông, trước hết ta không phân định được thể nào là khó thể nào là dễ. Nếu nói chụp ảnh chân dung dễ vì hằng ngày có cả triệu ảnh loại này được thu vào ống kính, nhưng có mấy ảnh tồn tại vì được công nhận là hay, là đẹp, là xuất sắc. Chân dung phải có thần, làm sao bắt được cái thần ấy, nếu không có, nó chỉ là ảnh bán thân hay ảnh đầu người mà thôi. Còn ảnh phóng sự thì làm sao có mặt tại hiện trường trong lúc sự việc nào nó xảy ra mà ta chụp ảnh được. Nếu dàn cảnh để chụp ảnh thì ảnh đó đâu phải là ảnh phóng sự. Trong cuộc chiến tranh I-Rắc, có một nhiếp ảnh gia thân bại danh liệt vì dùng photoshop chêm thêm khối bom cho có vẻ dữ dội hơn. Trong những cuộc chiến tranh lớn nhỏ đã có nhiều phóng viên nhiếp ảnh “tử trận” vì họ phải ra tận vùng giao tranh để ghi nhận hình ảnh thực sự xảy ra lúc đó. Bạn nói chụp ảnh phong cảnh dễ? Dễ xem thì có chứ chụp ảnh không dễ đâu. Bạn phải đến tận nơi có cảnh đẹp, nhiều khi phải đi rất xa, phải đứng chỗ cheo leo, nguy hiểm mới có góc cạnh đẹp để chụp hình, phải chờ đúng ngày, giờ, năm tháng mới có ánh sáng đẹp để chụp ảnh. Bạn thực hiện được điều này chưa? Còn ảnh tĩnh động vật. Nó có lãnh vực riêng biệt của nó, không phải ai cũng thực hiện được, có nghĩa là . . . không dễ. Ngoài ra bạn cần phải có dụng cụ thích nghi cho mỗi loại ảnh, nếu không, khó lòng chụp được ảnh của loại bạn muốn chụp.

Thôi, hãy dẹp chuyện khó—dễ qua một bên, mời bạn xem vài ảnh của loại ảnh phong cảnh, loại ảnh theo lối thông thường cho là dễ chụp hơn hết. Thế nhưng trong cả cuộc đời chụp ảnh, ta có chụp được ảnh nào tương tự chưa?

Trước mời bạn xem một ảnh biển. Bạn có ở gần biển không? Có bao giờ bạn đi chơi nơi bờ biển không? Có thể bạn thường tắm biển, chơi sóng, hay ngồi yên quan sát từng đợt sóng kéo ập vào bờ, nhưng có chụp được ảnh như tác phẩm “Gebalite Kraft” của nhiếp ảnh gia người Áo tên **Manfred Pillik** này không? Nhìn vào bọt nước trắng tôi thấy nhiều mặt người, mặt thú hung tợn lẫn thê thảm. Sóng biển ở đây nổi bật trên nền trời tối đen, càng thêm ghê rợn, khác với mặt biển êm đềm, hiền hòa thường thấy. Ảnh trắng đen ở đây hữu hiệu hơn ảnh màu.



“Gebalite Kraft”

Manfred Pillik (Áo)

Tạm rời mặt biển cuồng nộ, ta thử lên núi cao xem có gì lạ không? Lên vùng cao nguyên thì thường có thung lũng, mà thung lũng có tên Thung Lũng Đen chắc là hắc ám lắm. Nếu là ảnh đen trắng có thể ta nghĩ đúng, nhưng đây là ảnh màu, ta không gì là hắc ám mà còn có vẻ đẹp của lúc giao mùa, giữa sống và chết. Ở đây chết nhiều hơn sống. Cỏ vàng khô, hai cây to trụi lá, ngôi nhà hoang từ lâu không còn người ở, mái nhà thủng nát. Nhưng hãy còn một cây nhỏ tươi lá ở bên mặt, con đường rất sạch, còn cỏ xanh và có dấu vết của người thường qua lại. Bạn có để ý ngôi nhà được đặt vào chính tâm của ảnh? Luật căn bản của bố cục không được tuân giữ,

tác giả cố tình vi phạm để nói lên điều mình muốn nói và hội đồng giám khảo đã chấp nhận điều này. Bằng chứng là ảnh đã được chọn và in trong quyển tổng mục cuộc thi ảnh quốc tế rất lớn năm 2010. Ảnh cho ta thấy trời có nắng nhưng mây đen rất thấp đầy đe dọa đang kéo đến. Trong ảnh lúc nào cũng có sự giằng co giữa hai thái cực làm ta xem ảnh nhưng cảm thấy bùi ngùi và một cảm giác không an trong lòng dâng cao. “Black Valley” của **Leo Palmer** rất đơn giản nhưng hữu hiệu đó chứ?



Tôi thấy bạn bĩu môi: Chụp ảnh như thế này đâu có gì là khó. Nếu tôi có ở đó, tôi cũng chụp được vậy. Vâng, nếu bạn có ở đó chắc chắn bạn chụp được ảnh còn đẹp hơn nữa kìa. Nhưng trên thực tế, bạn không có ở đó, thôi cứ nhìn nhận người ta chụp được ảnh đẹp cho mình xem là đủ vui rồi!

Bây giờ hãy lia nơi chết chóc, khô cằn để về nơi thanh tịnh, tươi mát hơn. “Lake in Spring” của tác giả **Wu Quo Qun** cho ta thấy một hình ảnh rất quen thuộc của các người ảnh Trung Hoa. Ở đây không phải hồ Thu mà là hồ Xuân. Nhưng Xuân hay Thu, theo tôi,

đều không đúng. Trong ảnh có nhiều cái nghịch lý. Trước hết, thử xem hai người này du thuyền hay đi bắt cá? Cả hai đều không có đáng điệu này. Hai người đàn ông mà không đi câu cá, hay họ đi chợ về vì có nhiều giỏ và bao trên thuyền? Không có lý vì giỏ trống không. Lối dùng vật dụng màu đỏ và bày trí với chủ đích chụp hình thì không thể giống những sinh hoạt thường ngày. Thuyền đang đi ra khỏi ảnh chứ không phải đi vào ảnh, để lại bóng cây phản chiếu trên mặt nước dọn sóng nhẹ rất ảo ảo, rất đẹp. Bạn đồng ý chứ?



Xin thư thả, Có vài điểm ta cần xét lại. Ảnh có tên là Lake in Spring. nhưng bạn có thấy chút hơi Xuân nào không? Cuối Đông thì cây đã ra lá, hoa đã ló nụ để nở rộ vào đầu Xuân.

Nhưng ở đây bóng cây không cho thấy một chiếc lá thì ảnh chụp vào mùa nào? Bóng in trên nước rất đẹp, gợi ý mặt hồ có gợn sóng lớn vì những đợt sóng cách nhau rất xa và tạo bóng cây uốn éo rất mạnh. Bạn thử đối chiếu với bóng người trên thuyền in trên mặt nước, loại sóng gợn ăn tăn của mặt nước yên lặng. Thế là thế nào? Hai loại sóng hiện ra cùng một lúc tại một địa điểm. Thế thì phải có một cái không thật. Tôi nghĩ tác giả chụp ảnh ngọn cây vào mùa

Đông trụi lá, dùng xảo thuật photoshop liquify để tạo hình thể như gợn sóng, đảo lộn trên xuống dưới như bóng cây phản chiếu trên mặt hồ, ghép vào một ảnh chụp thuyền bơi nhẹ trên mặt hồ. Nhìn thoáng ta thấy đây là một ảnh đẹp, nhưng xét kỹ thì... made in China.

Dựa trên ý ấy, tôi dùng ảnh Lake in Spring để biến thành hồ ảo mộng dưới đây. Mời bạn xem.

Xin lỗi tác giả. Đùa chút cho vui và để rộng đường học hỏi và sáng tạo cho người yêu ảnh đẹp!



Lê Văn Khoa 

CHỜ ĐÓN VÀNG THU

Tảng sáng sương nhiều
Xế trưa nắng quái.
Trời chiều mưa mau
Thời gian nhiệm mầu
Sắp qua hồng Hạ, bước vào vàng Thu

Gió vờn tóc liễu vi vu
Ngàn thông phủ áo sa mù mênh mang
Chờ Thu, mắt cúc hoen vàng
Đón Thu, đàn bướm rộn ràng bên hoa

Trầm tư cánh mimosa
Hồng nhung thao thức, đậm đà lưu li
Hẹn hò rạo rực tường vi
Thoáng hương đài các trà mi mơ hồ

Nắng mượt như tơ
Hiu hiu ngọn gió
Lững lờ mây trôi
Con nai ngơ ngác ven đồi
Em ơi! ... Thu đã đến rồi, phải không?

Trần Quốc Bảo

Richmond, Virginia



HÒN THU

*Bởi có Mùa Thu lá mới vàng
Heo may về gọi nhớ miên man
Vòng tay em nói vòng tay mẹ
Ôm cả quê hương tiếng dịu dàng.*

*Nên Thu vẫn thắm tình nguyên vẹn
Sông núi dù xa mấy dặm ngàn
Anh vẫn còn em bên cánh cửa
Dù đời chia biệt chẳng ly tan.*

*Đất Mỹ xa xuôi lòng chẳng Mỹ
Mang mang hồn lạc cõi trời Nam
Bốn mùa nhưng chẳng mùa riêng biệt
Màu nhớ y nguyên chẳng lụn tàn.*

*Gửi em chiếc lá vàng Thu cũ
Ép mãi trong tim thuở bể bàng
Duyên kiếp còn không thì cứ đợi
Thiên thu còn mãi những thên thang.*

Thu 2018

Đăng Nguyên



TƯỜNG CHỈ LÀ KÝ ỨC

**** Yên Sơn ****

(Truyện ngắn viết bằng thơ...)

Thuở không có quân nên đầu thường ngày đội trời chân vẫn đạp mây bay, sớm đi mưa chiều về gió. Ở ngày xa xưa đó, rất khó để nhớ thuở nào; hẳn theo anh Châu về nhà chơi một buổi. Ý trời dung ruỗi, gặp cô bé gọi "chú ơi chú" ngon ơ!

Thấy cô bé có cái mặt ngây thơ với đôi mắt to tròn đen lay láy; phía trước trán có một cái xoáy nên tính tình nghịch ngợm khỏi chê.

Vậy mà hẳn mê nên ngày một ngày hai lại tới! Nghịch vẫn nghịch nhưng hay hờn hay dỗi; lần nào không có quà là ngồi khóc tỉnh bơ!

Đôi khi hẳn giả bộ làm ngơ, cô bé lại dậm chân thỉnh thoảng. Dậm một lúc không thấy ai nói năng chỉ lại chạy đi đùa nghịch; đứng là một "tom boy" hẳn chỉ biết cười trừ.

Có một lần chú dẫn ra phố chơi, đi mỗi cặp lại mè nheo đòi ẵm. Chú nói bé đã lớn rồi, nặng lắm; phụng phịu hờn đứng một chỗ không chịu bước đi. Đâu có mưa mà nước đã hoen mi, chú luống cuống đỡ dành cả buổi.

Lại có một lần chiều tối, cùng đi với ông anh ăn sò ở Nguyễn Tri Phương. Thấy cô nhỏ ăn sì sụp dễ thương, chú ngồi ngó với nụ cười thích thú. Cô bé liệng vỏ sò vào chân chú, nói cho chừa cái tật chọc quê. Bị ông anh rầy lại những nhẽo đòi về khiến cho chú theo đồ dành gần chết. Chú coi vậy mà cái gan nhất hất, bị trẻ nít ăn hiếp dài dài...

Thời gian trôi qua ngày một ngày hai, cô nhỏ càng lúc càng lớn lên trong nuông chiều, thương mến. Vẫn chú cháu mỗi lần hẳn đến nhưng đứng xa dần theo khoảng cách thời gian...

Rồi một ngày Xuân sang... vì nhà xa hẳn không thể về ăn Tết. Khi trại độc thân bạn bè đi hết, hẳn lủi thủi một mình với chiếc Vespa... Chạy loanh quanh, chạy tà tà. Chạy nửa buổi lại về nhà anh Châu nhậu nhẹt. Thấy cô bé khép na khép nép, đứng trước cửa nhà thơ

thần thần thơ. Chú bước vào cô nhỏ giả bộ làm ngờ, lại len lén liếc nhìn cười chum chim. Bỗng bất chợt giật chiếc khăn quàng tím, hắt vừa cởi cầm trên tay, trong một thoáng mơ màng...

Nhưng rồi binh lửa tràn lan, hắt ít dịp qua nhà thăm cô bé. Khi cuộc chiến kết thúc trong bi thương, quân và dân tan đàn sảy nghé, hắt đốn đau rời bỏ quê nhà! Năm tháng lặng lẽ trôi qua, đôi khi cũng chợt nghĩ về cô nhỏ và những kỷ niệm thuở thiếu thời!

Rồi hôm nay... ở một góc trời, khi hơi lạnh kéo về làm run cây cỏ. Hắt khoác chiếc áo da ra sân sau, điều thuốc cầm tay, ngồi nhớ về cô nhỏ. Lòng chợt bồi hồi nghĩ lại chuyện ngày xưa. Chuyện ngày xưa vẫn như gió như mưa, đến bất chợt và đi không cần báo. Nhớ dáng dấp vui tươi với đôi chân sáo. Nhớ nụ cười con trẻ hồn nhiên. Nhớ cái môi trẻ, nhớ cái miệng nói huyền thuyên; thích bắt nạt người ta bằng đôi mi ướn. Hắt mỗi thêm điều thuốc, cười vu vơ nhìn tàn lá hoe vàng. Hạ sắp qua rồi, thu chớm về ngang, nghe tiếng gió thì thầm trên hàng cây đứng lặng. Ở cuối trời tây còn vài tia nắng, rực sáng chân mây, soi cánh nhạn lẻ loi tìm.

Chiều lặng lờ đi nhẹ vào đêm, châm điếu nữa để tìm hơi ấm. Hắt đứng dậy vươn vai bước chậm, dọc con đường bên dòng suối cạn gần bên. Tiếng côn trùng rả rích gọi đêm, nghe quạnh vắng và như có điều gì thôi thúc. Ừ nhỉ, sao không dùng Face Book, thử lục tìm tên cô nhỏ, anh Châu.

Lục tìm mãi khá lâu, vẫn không thấy nên đành bỏ cuộc. Lại ra sân đốt thêm điếu thuốc, kẹo kẹt vông đưa, nằm ngắm sao trời. Tự hỏi thầm, “mình có bao giờ gặp lại nhỏ ơi”, khi bóng thời gian vù vù như ngựa phi qua vòng cửa sổ. Hắt tin kiếp con người cái gì cũng có phần có số nên cũng hy vọng biết đâu mình gặp lại sau này.

Và cứ thế ngày lại qua ngày, hắt vẫn không ngưng lục tìm Face Book. Vì vẫn như có cái gì thôi thúc, cứ ngân nga “nếu có một lần nào”. Đôi khi hắt tự cười mình “sao quá tào lao”, cứ hy vọng vào những điều ảo tưởng. Nhưng đôi khi đầu óc cứ vất va vất vương, cứ trông mong gặp lại cô nhỏ dù chỉ một lần.

Khi lá vàng rụng rớt đầy sân, cũng là lúc được tin anh Châu còn sống. Nhận được tin qua Hội Quán Phi Dũng (nơi sinh hoạt của

những cựu Không Quân Miền Nam năm xưa). Lòng mừng vui nói mấy cho vừa. Ôi mầu nhiệm trong thời internet. Bạn bè năm xưa... nay kẻ còn người mất, biết được tin nhau càng lúc càng nhiều.

Anh Châu nói chuyện của nhỏ... buồn thiú; “dù đã có chồng con nhưng bây giờ mỗi người một ngả. Chồng đã ra đi với một người đàn bà xa lạ, vì sắc hay vì tình trong khi hạnh phúc chưa kịp đơm hoa!” Thương số phận của nhỏ quá xót xa, dù tập quán nước ngoài có lạ gì nửa chừng gãy gánh. Anh Châu cho số phone “nếu có khi nào cần đến, hoặc... một lúc nào đó có thể gọi ỉ an cho nhỏ bớt bơ vơ. Cũng may, con của nhỏ không phải còn thơ, lại rất mực thương yêu, nghe lời mẹ dạy.” Hấn ậm ừ nghe anh Châu nói vậy, dù trong lòng có lăm nổi xót thương. Cũng may (?)... nhỏ ở cách đại dương, mà thăm hỏi có giúp gì đâu nhỉ. Chuyện ngày xưa chỉ còn là những ký ức dễ thương, đáng quý; nhớ lại cho xanh đoạn đường đang có nhiều lá thu rơi. Nhưng trong thâm tâm vẫn thầm gọi nhỏ ời!!!

Yên Sơn

tháng 8/2018



HOMELAND

It's freezing rain.
Cold! Cold! Cold!
Thinking of the homeless,
the unfortunates,
Motherland, war, peace, oppression,
prison, asylum, typhoon.

Thanks God for what we are having
today
Life is shortening.
Motherland is too far,
fading, and becoming memory,
a treasure to keep.

Would I ever return to her again
or I have adapted to where
I have been living 2/3 of my life?
Homeland is here at last.
I accept and live the rest.

Phạm Xuân Thái



QUÊ NHÀ

*Trời mưa lạnh buốt tuôn rơi
Quả là thâm lạnh! Lạnh người! Buốt da!
Nghĩ thương những kẻ không nhà,
Những người bất hạnh xót xa thật tình,
Nghĩ về quê mẹ, chiến chinh,
Hòa bình, áp bức, điều linh từ đây,
Nương thân nơi chốn nào đây,
Lại thêm giông bão bủa vây quanh mình.*

*Tạ ơn Trời Đất tâm thành
Những gì ta có tốt lành hôm nay
Cuộc đời ngắn ngủi lắm thay
Xa vời cổ quận bóng phai nhạt nhòa
Đã thành kỷ ức xưa xa,
Kho tàng trân quý chúng ta ghi lòng.*

*Tôi suy nghĩ rất mừng lung
Bao giờ quay lại thăm vùng quê tôi
Hay là nhận chốn này thôi
Hai phần ba đã sống đời lưu vong?
Nhận nơi đây quê cuối cùng
Sống cho trọn kiếp xoay vòng tử sinh.*

Tâm Minh Ngô Tăng Giao

(chuyên ngữ)



Phạm Xuân Thái & Tâm Minh

TẢN ĐÀ NGUYỄN KHẮC HIẾU (1889-1915)

MỘT VÌ SAO LẠC

**** Hải Bằng.HDB ****

Sơ lược tiểu sử:



Tản Đà sinh ngày 19/5/1889, Sơn Tây, xuất thân con nhà khoa cử.

Cha ông là Nguyễn Danh Kế đậu Cử Nhân, làm quan dưới Triều Nguyễn với chức Ngự Sử coi về án lý. Cha mất lúc ông mới 3 tuổi và ông phải nương nhờ sống với người anh ruột là ông Nguyễn Tái Tích đậu Phó Bảng và ra làm quan.

Mẹ là Lưu Thị Hiền có nhan sắc vốn làm nghề ca kỹ. Một năm sau khi chồng mất, bà đã trở lại

nghề ca kỹ. Chị ruột ông cũng theo mẹ làm nghề đó lúc ông được 13 tuổi; ông sống nhờ sự bảo dưỡng của người anh cùng cha, khác mẹ.

*

Tản Đà được học chữ Nho và chữ Nôm và có tiếng là học giỏi (thần đồng). Nhưng ông lại lặn lội trong khoa cử: trượt trong nhiều kỳ thi.

Ông có trí tưởng tượng rất dồi dào (xem Giác Mộng Con I và II) và viết lách rất khỏe trong nhiều lãnh vực kể cả các bài viết đề cao tình yêu nước, những cảnh lầm than trong xã hội, và đả kích thẳng vào bọn quan lại tay sai của Pháp.

Nhờ có văn chương chữ nghĩa, ông kết giao du với nhiều người giàu có như Bạng Thái Bưởi.

Ông có tật thích ăn ngon và uống rượu. Ông thường nói phải có rượu ông mới viết lách hay làm thơ được.

Ông mang nhiều cá tính khó hòa đồng như: **tự phụ, nông, thủ cựu, cố chấp, và thiếu chữ tín.**

Ông cũng bị nhiều hội chứng do mồ côi cha khi mới lên 3, thì rớt, tình phụ, và mẹ và chị mê nghề ca kỹ bỏ ông cho người anh cùng cha khác mẹ là Nguyễn Tái Tích nuôi.

Năm 19 tuổi ông đã yêu và có tới 4 mối tình tạo cho ông nhiều xúc cảm.

Đầu tiên là mối tình tuyệt vọng với cô gái họ Đỗ ở phố hàng Bò. Mối tình này đã làm ông đau khổ và tạo nên nhiều thi hứng, để làm nên những câu thơ đặc sắc:

*Vì ai cho tớ phải lênh đênh
Nặng lắm ai ơi, một gánh tình!*

Trong cuốn *Giấc Mộng Con*, ông viết một bài văn để tả mối tình này. Ông mô tả: *"Ở phố Hàng Bò số nhà hơn hai mươi về dãy bên lẻ có một người con gái ngồi bán hàng tạp hoá, không biết có phải là tuyệt sắc hay không mà tự con mắt mình khi bấy giờ thì như ngoài người ấy không có ai là con gái ..."*

Tuy nhiên, do không có tiền cưới hỏi mà chuyện thi cử lại bất thành, Tản Đà đành chấm dứt cuộc tình thơ mộng. Cô gái xuất giá, Tản Đà viết: *"thời đời đáng chán hay không đáng chán cũng chẳng đợi cất chén quỳnh mà hỏi bạn tri âm"*.

Theo các nhà nghiên cứu thì đây là chuyện tình đã gây ảnh hưởng nhiều nhất tới Tản Đà. Sau khi chia tay với mối duyên đầu, ông trở nên chán nản, buồn bã. Để tìm khuây khoả, ông đi nhiều nơi: Việt Trì, Hòa Bình... Những câu thơ làm trong giai đoạn đau khổ này của Tản Đà đã vô tình mở đầu cho một trào lưu văn học lãng mạn ở Việt Nam. Trước đó, ít ai bộc bạch những cảm xúc lãng mạn như:

*Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!
Trần thế em nay chán nửa rồi...*

*Trận gió thu phong rụng lá vàng
Lá rơi hàng xóm, lá bay sang
Vàng bay mấy lá năm già nửa
Hờ hững ai xui thiếp phụ chàng?*

Nhưng ngoài cô gái hàng Bò, theo Nguyễn Khắc Xương, còn có ít nhất ba mối tình thực nữa mà Tản Đà đã ghi lại trong thơ. Đó là mối tình với cô con gái út ông tri phủ Vĩnh Tường, cô nữ sinh 13 tuổi ở Nam Định, và cả cô đào Liên, người sắm vai Tây Thi trong vở kịch *Cô Tô Tàn Phá* do ông soạn và đạo diễn. Những người tình này đều được ghi lại trong tập văn xuôi *Giấc Mộng Con*.

Trên là tình trong cõi thực, còn tình trong cõi mộng thì Tản Đà có rất nhiều. Đó là những mối tình với *Tây Thi*, với *Chiêu Quân*, với *Ngọc Nữ*... mà người ta thường thấy trong "Khối Tình Con".

Đặc biệt, còn có những cuộc tình nửa thực, nửa mộng, với những "tình nhân không quen biết".

Khoảng năm Nhâm Tuất (1922), vào Hội Chùa Hương, Tản Đà do không có chi phí để đi hội, ông nhớ hội chùa, nhớ rau sống, làm ra mấy câu thơ:

*Muốn ăn rau sống chùa Hương
Tiền đồ ngại tốn, con đường ngại xa
Mình đi, ta ở lại nhà
Cái dưa thì khú, cái cà thì thâm*

Bài thơ phổ biến trên báo. Đến cuối tháng, ông nhận một bưu kiện là một bó rau sống và một bài thơ, nhưng không ghi địa chỉ người gửi. Ông cảm kích, gọi người gửi ấy là "Tình nhân không quen biết" và làm thơ gửi tặng bằng cách đăng báo. Trước đó, ông đã viết nhiều bài thơ gửi "Tình nhân không quen biết", với ý muốn tìm kiếm một bạn tri âm tri kỷ trên khắp nước Việt Nam.

Con người thật của Tản Đà là gì?

Tản Đà là một trong những Nhà Nho cuối cùng của Thời Thơ Cũ tức là Thơ Hán Nôm.

Ông viết rất khỏe và đã cho ra đời nhiều thi tập, truyện, tuồng, dịch sách, và làm báo. Ông cũng là một con người lãng tử, thích ăn ngon và uống rượu.

Ông là một nhà thơ có tài nhưng nghèo và số phận long đong: đường tình hẩm hiu và công danh trắc trở. Ông đã sống với một tâm trạng của một người bất đắc chí nên có tính **ngông cuồng và ngạo mạn**.

Ông tự nói về ông:

*Vùng đất Sơn Tây có một ông
Tuổi chưa bao nhiêu vẫn rất hùng
Sông Đà, Núi Tản ai hun đúc
Bút thánh, câu thần sớm vãi vung
Bởi ông hay quá nên không đỡ
Không đỡ, ông càng tốt bộ ngông*

*Ta con ông Cống, cháu ông Nghè
Ta nói trên trời, dưới đất nghe
Sức khỏe Hạng Vương coi một búng
Cờ cao Đế Thích chấp đôi xe
Nhảy òm xuống biển co tàu lại
Vượt tót lên non bắt hổ về
Dạo nọ đi vào chơi Phủ Chúa
Ba ngàn cung nữ phải lòng mê*

Ông cố gắng trong tuyệt vọng bênh vực thơ cũ và chống lại phong trào cải cách theo trào lưu lãng mạn của Tây Phương trong đó có phong trào Thơ Mới đang rầm rộ nở hoa làm say mê nhiều thanh niên nam nữ đang muốn tự giải phóng mình khỏi những sự ràng buộc khắt khe của Khổng Giáo nhất là trong địa hạt tình yêu.

Nếu tinh thần hoài cổ này đã khiến cho một thi sĩ (Vũ Hoàng Chương?) phải thốt lên:

*Than ôi, gỗ đá còn trơ gỗ đá thôi
Ta nay trong cuộc sống ao tù
Đốt điều thuốc để chiêu hồn quá khứ
Thời mà chim phượng xuống trần chơi
Hoa cúc nở có người chờ đợi trước*

Thì thi sĩ Tản Đà cũng mơ về thời vàng son của các Nho Sĩ: “Võng anh đi trước, võng nàng đi sau” (coi *Lều Chõng Đi Thi*, Ngô Tất Tố). Thời huy hoàng đó nay chỉ còn là *Vang Bóng Một Thời* (Nguyễn Tuân).

Nuôi tiếc quá khiến ông sinh ra mơ mộng, tiêu cực, thiếu thực tế, và trở thành một con người mang mặc cảm tự cao, ngông nghênh tự phụ mình giỏi chữ Hán, Nôm, và thường lớn tiếng chê bai lớp người tân học làm thơ Đường sai niêm luật.

Ông sống buông thả, không giữ lời hứa, lại thích lãng du, chè chén say sưa nên có bạn mà rồi cũng mất bạn.

Cuộc đời văn nghiệp của Tản Đà thế nào?

Trước nhu cầu của thời đại, Tản Đà làm thơ, viết văn, dịch sách (Hán), và làm báo.

Về Thơ, Tản Đà vừa sáng tác vừa dịch thơ Đường khá xuất sắc.

Ông được coi là nhà thơ mở đầu cho trường phái thơ lãng mạn: *Trong cuốn Thi Nhân Việt Nam*, Hoài Chân và Hoài Thanh ca ngợi và tôn vinh **Tản Đà làm Chủ Sứ của Làng Thơ**, viết:

Tản Đà là người thi sĩ đầu tiên mở đầu cho Thơ Việt Nam hiện đại. Tản Đà là người thứ nhất có công làm thi sĩ, đã làm thi sĩ một cách đường hoàng, bạo dạn, dám giữ một bản ngã, dám giữ một cái tôi.

Các nhà văn, nhà thơ, nhà báo như Khái Hưng, Xuân Diệu, Lâm Tuyền Khách, Lưu Trọng Lư, Phan Khôi, và Nguyễn Tuân đều trở lại tôn vinh những công trình văn học của ông.

Các tác phẩm của ông gồm có:

Khởi Tình Con (thơ, 1915)
Giấc Mơ Con (thơ, 1917)
Còn Chơi (thơ)
Người Cá (tuồng)
Tây Thi (tuồng)

Tổng Biệt (tuồng)
Dương Quý Phi (tuồng)
Thiên Thai (tuồng)
Thần Tiên (truyện)
Đàn Bà Tà (truyện)
Đài Gương (sách giáo khoa)
Lên Sáu (sách giáo khoa)
Lên Tám (sách giáo khoa)
Nhàn Tường (bút ký)
Giấc Mộng Lớn (tự thuật)
Liêu Trai Chí Dị (dịch)
Vương Thúy Kiều chú giải (biên soạn)
Thành lập Tản Đà Thư Cục (xuất bản)
Xuất bản Báo An Nam Tạp Chí (1938)

Tại sao có hiện tượng tôn vinh như vậy?

Đơn giản là bởi vì thơ của ông ***thu hút được sự yêu chuộng của nhiều độc giả với những vần thơ trữ tình: lời thơ nhẹ nhàng, ý thơ man mác tình tự quê hương và đất nước; tiếng thơ như tiếng chuông chiều gọi về quá khứ xa xăm.***

Có những bài thơ đi vào lòng người bình dân và trở thành những điệu ru như bài “Thề Non Nước”:

*Nước non nặng một lời thề
Nước đi, đi mãi không về cùng non
Nhớ lời nguyện ước thề non
Nước đi chưa lại, non còn đứng không
Non cao những ngóng cùng trông
Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày*

...

Hoặc có những bài thơ dịch rất thoát ý như bài “Hoàng Hạc Lâu” của Thôi Hiệu.

*Hạc vàng ai cưỡi đi đâu?
Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu con trơ
Hạc vàng bay mất từ xưa
Ngàn năm mây trắng bây giờ còn bay*

...

Trong cuộc bút chiến giữa phái thơ cũ và thơ mới, ông hăng say lao vào làm một chiến sĩ hàng đầu.

Đại biểu cho nhóm cổ võ cho phong trào Thơ Mới là nhà thơ/nhà văn Phan Khôi (1887-1959). Phan Khôi đã cho ra đời bài thơ mới cấu trúc khá tự do theo lối thơ của Pháp như bài “Tình Già” đăng trong *Phụ Nữ Tân Văn*, số 122, ngày 10/3/1932 như sau:

Hai mươi bốn năm xưa
Một đêm vừa gió lại vừa mưa
Hai mái đầu xanh kề nhau than thở
Ôi tình đôi ta thương nhau thì vẫn nặng
Mà lấy hăn là không nặng
Để đến nỗi tình trước, phụ sau
Chi cho bằng sớm liệm mà buông nhau
...

Và Phan Khôi đã cổ động cho Thơ Mới như sau:

Lâu nay mỗi khi có hứng, tôi toan mở ngâm vịnh thì cái hồn thơ của tôi lúng túng. Thơ chữ Hán ư? Thì lại ông Lý (Bạch), ông Đỗ (Phủ), ông Tô (Đông Pha) choán trong đầu tôi rồi. Thơ Nôm thì cụ Tiên Điền Nguyễn Du, bà Huyện Thanh Quan, đề ngang ngực làm tôi thở không ra. Cái ý nào mình muốn nói ra, lại nói không được, rồi đọc đi đọc lại, nghe như họ đã nói rồi. Cái ý nào mình muốn nói ra lại bị những niêm luật bó buộc mà nói ra không được. Té ra mình cứ loanh quanh, luẩn quẩn trong lòng bàn tay của họ, thật là dễ ức.”

Rồi ông hô hào: Duy tân đi! Cải lương đi!”

Đả kích Phan Khôi, Tản Đà lên tiếng: “Thơ mới không tao nhã.”

Phụ họa với ông có nhà thơ Tân Việt chê: “Thơ mới không biết cân nhắc chữ dùng.” Nhà thơ Tường Vân và Phi vân cũng lên tiếng: “Thơ mới là những bông hoa trái mùa.” Cụ Huỳnh Thúc Kháng cho rằng: “Thơ mới đến ngày mặt vắn.”

Thời kỳ làm báo

Năm 38 tuổi (1926), Tản Đà ra báo *An Nam Tạp Chí*. Nhưng ông đã không biết quản lý và hết lòng nuôi dưỡng tờ báo mà chỉ lo đi du lịch, nên cuối cùng (1933) tờ báo đó phải đình bản sau 3 lần tái bản, vì thiếu tài chính và ít bạn đọc.

Sự kiện này làm cho ông lại bị nhiều các bài báo châm biếm. Và vì cạnh tranh, tờ *Phong Hóa* của nhóm Tự Lực Văn Đoàn lại cho đăng nhiều bài châm biếm về tật nghiện rượu của ông. Tên tuổi của ông vì vậy bị lui vào bóng tối, ông càng trở nên túng quẫn và phải nhận làm đủ thứ việc để có tiền độ nhật kể cả việc mở phòng đoán số Hà Lạc coi bói (1938)!

Rồi bỗng nhiên ngôi sao lạ Tản Đà lại bùng sáng trở lại khi nhóm thơ mới chấm dứt đả kích ông vì nhận chân ra rằng ông chính là người đã đặt nền móng cho loại thơ tình cảm mới của thời đại, tôn vinh ông là Thánh của Làng Thơ qua các bài thơ Đường hay bài trước tác. Họ mời ông cộng tác và ông dành hết thời giờ vào dịch thuật và biên soạn.

Ông dịch *Liêu Trai Chí Di* của Bồ Tùng Linh (1937), *Vương Thúy Kiều Dẫn Giải* (1940, in sau khi ông mất), *Thời Hiền Thi Tập*, và *Khổng Tử Lược Truyện* (thất lạc). Nhưng lúc này, sức ông đã kiệt.

Ông qua đời vào ngày 7 tháng 6 năm 1939 vì bệnh gan.

Nghe tin Tản Đà mất, làng văn nghệ trong nước vừa yên ắng sau vụ "thơ mới – thơ cũ" lại trở nên xôn xao. Một loạt các bài báo tưởng niệm Tản Đà được ra mắt ngay sau đó:

Khái Hưng có "Cái duyên của Tản Đà", "Vài chuyện vui về thi sĩ Tản Đà".

Xuân Diệu có "Công của thi sĩ Tản Đà".

Lâm Tuyền Khách có "Một tháng với Tản Đà: đời làm báo của Tản Đà".

Lưu Trọng Lự có "Bây giờ, khi nắp quan tài đã đập lại".

Phan Khôi có "Tôi với Tản Đà thi sỹ".

Nguyễn Tuân có "Tản Đà, một kiếm khách"..v..v.

Những bài viết này thể hiện sự kính trọng, quý mến đối với con người Tản Đà, người mà cách đây vài năm còn bị họ đã kích, chế giễu.

Năm 1941, Hoài Thanh và Hoài Chân cho in tác phẩm *Thi nhân Việt Nam* nổi tiếng, đã cung kính đặt Tản Đà lên ngôi ghế "chủ suy" của hội tao đàn ở những trang đầu tiên như một người mở lối cho thi ca Việt Nam bước vào một giai đoạn tươi đẹp mới.

Năm 1963, di hài của Tản Đà đã được cải táng về cánh đồng Cửa Quán, thôn Hội Xá (quê vợ), xã Hương Sơn, tỉnh Hà Tây.

Tóm Kết

Tản Đà là một Nho sinh **bất phù hợp thời** vì ông lại đi ngược với trào lưu văn hóa xã hội và chống lại nhóm Tự Lực Văn Đoàn đang muốn Tây Phương hóa.

Ông cũng nghèo như Nguyễn Công Trứ nhưng vẫn không tài và chí không bền như NCT (42 tuổi mới thi đậu và ra làm quan) nên thi Nho học, Tây học đều không đỗ khiến ông **thất chí**.

Ông tự phụ và cũng ngông như Cao Bá Quát, dám ôm giấc mộng lớn, "đeo vòng thư kiếm, quyết xoay bạch ốc lại lâu đài", mà không làm được gì cả khiến ông trở thành **con người nuôi những mơ mộng và bất mãn**.

Ông ôm nhiều mối ẩn ức sâu đậm: **thi không đỗ đạt; làm báo thất bại; tình trường tuyệt vọng; gia sự buồn đau**.

Sự cố là: mẹ và chị bỏ ông trở về với kiếp cầm ca đã là một đám mây đen phủ kín suốt cuộc đời ông.

Vợ ông vốn là con gái viên tri huyện Nguyễn Mạnh Hưởng, quê ở làng Hội Xá, huyện Mỹ Đức, Hà Đông và hôn lễ cử hành ngày rằm tháng Chạp năm Ất Mão niên hiệu Duy Tân thứ Chín tức ngày 17-2-1916.

Được tin con trai cưới vợ, bà vợ vàng về dự lễ cưới với hy vọng tặng cô dâu một món quà, nhưng Tản Đà cương quyết ngăn cản.

Tản Đà bảo rằng: “Nếu tân nương nhận ‘người đó’ là mẹ thì coi như hôn sự bất thành”.

Rốt cuộc, người mẹ bất hạnh kia đành thui thủi ra về trong khi tiếng pháo nổ vang, hai họ nâng ly mừng tân lang và tân nương bách niên giai lão!

Cho đến khi mẹ mất tại nhà ông anh là Nguyễn Mạn, tại Thái Nguyên, Tản Đà cũng không lên nhìn mặt mẹ lần cuối. Tản Đà chỉ nhắn người nhà nhờ anh trông nom, lo liệu mọi sự. Lúc này, Tản Đà mới ngoài ba mươi tuổi.

Có thể chính vì thế mà ông đâm ra chán đời, tìm quên trong chén rượu, câu thơ, và nhắm mắt làm kẻ lãng du trong một cuộc sống mất niềm tin và định hướng. Tất nhiên ông phải tổn thọ.

Tuy nhiên, văn tài của Tản Đà thì thật đa dạng, phong phú, và ông viết rất khỏe.

Độc giả thích đọc thơ hay văn của ông vì lời văn phảng phất một mối buồn dành cho những giai nhân mệnh bạc như Chiêu Quân hay Dương Quý Phi; những mối buồn của tình yêu không được đáp trả, và ông đành phải yêu người trong mộng.

Buồn thay cho Tản Đà khi đời ông chỉ là một vì sao lạc trong giữa buổi giao thoa của văn hóa cổ điển và tân thời, ông là một chứng nhân cuối cùng cho một nền văn học cổ đang bị tàn phai.



Hải Bằng.HDB

Giai thoại: Rau Sắng Chùa Hương Giữa Tản Đà và Song Khê

(Trích bài Rau Sắng Chùa Hương của Học Giả
Thái Văn Kiểm - **Trần Quốc Bảo** sưu tập)

Chúng ta còn ghi nhớ giai thoại “Rau Sắng chùa Hương” rất văn nghệ xảy ra vào đầu năm 1923 mà chúng tôi xin thuật lại như sau:

Thời đó Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu có rao trên một tờ báo ý muốn ăn rau sắng chùa Hương, qua bốn câu thơ lục bát:

*Muốn ăn rau sắng chùa Hương,
Tiền đồ ngại tốn, con đường ngại xa,
Người đi ta ở lại nhà,
Cái dưa thì khú, cái cà thì thâm.*



Liên sau đó, một người hâm mộ đã có mỹ ý gửi cho Tản Đà qua nhà máy giấy thép (bưu điện) một bó rau sắng với mấy vần thơ sau đây:

Nguyễn Tiên Sinh nhã giám:

*Kính dâng rau sắng chùa Hương,
Đỡ ai tiền tốn, con đường đỡ xa.
Không đi xin gửi lại nhà,
Thay cho dưa khú cùng là cà thâm.*

Đỗ Tang Nữ bái tặng.

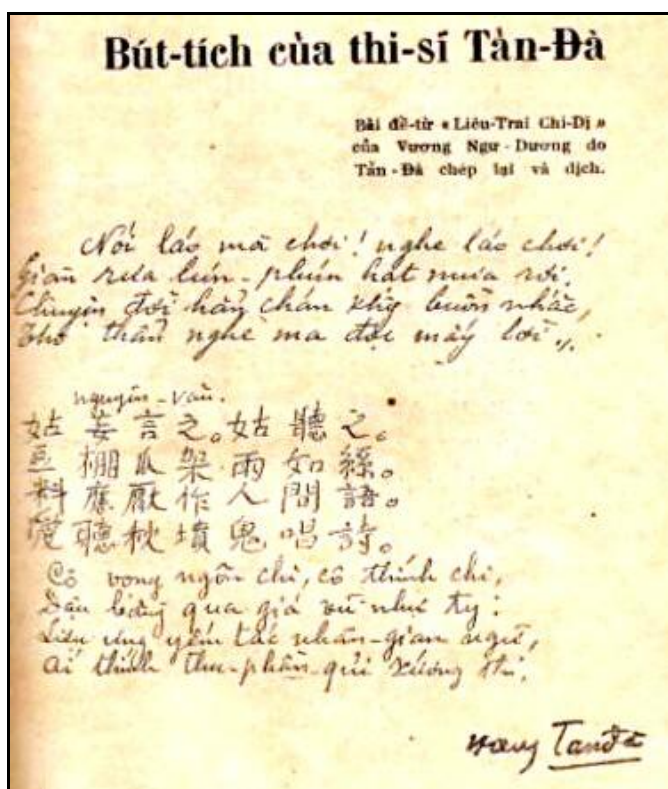
Đỗ Tang Nữ là cô gái hái dâu họ Đỗ, chính là nữ sĩ Song Khê (1903). Danh hiệu này được bà giải thích như sau: “Song Khê là hai giòng suối. Hai giòng suối này không do Hoàng Hà chi thủy thiên thượng lai (Lý Bạch), cũng không bắt nguồn từ sông Tương Thủy, mà một giòng bắt nguồn từ nguyên quán của chúng tôi ở **Cầm Khê**, phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, giòng thứ hai là **Thất Khê**, sinh quán chúng tôi. Do đó cha mẹ đặt tên là Song Khê”.

Trở lại việc Song Khê gửi rau sắng. Ít lâu sau, cũng trong năm 1923, có bài thơ cảm tạ của Tản Đà Tiên Sinh đăng ở Truyện Thế Gian:

Mấy lời cảm tạ tri âm,
Đồng bang là nghĩa, đồng tâm là tình.
Đường xa rau sắng còn xanh,
Tấm lòng thơm thảo, bát canh ngọt ngào.
Yêu nhau xa cách càng yêu,
Dẫu rằng sương nhạt mà nhiều chứa chan.
Nước non khuất nẻo ngư nhân,
Tạ lòng xin mượn Thế Gian đưa trình.

Nguyễn Khắc Hiếu bái phục.

(Phản tài liệu: trong buổi nói chuyện của Nhà Thơ Trần Quốc Bảo về đề tài: “Tình Non Nước” của Tản Đà, tại Hội Cao Niên Vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn, ngày 04 tháng 10 năm 2003).



CHUYỆN TÌNH TÂY ĐÔ

Đêm Tây Đô nồng nàn bóng
tình nhân
Vai kề vai sao chưa thấy
thật gần
Bến Ninh Kiều trắng vàng soi
lóng lánh
Áo ước chung đời tròn vẹn
nghĩa ân

Ta trao nhau nụ hồng xinh
tuyệt mỹ
Buồn chia ly dâng hoài cảm
thiết tha
Phương này em hoang sơ chiều
phố thị
Vương vấn trong tim kỷ niệm
ngọc ngà

Năm tháng dần trôi sương mờ
giăng ngõ
Bao niềm lưu luyến trao gửi

về anh
Nuôi mái tóc cho ngọn dài
thương nhớ
Dù bây giờ như làn khói
mong manh

Thuyền tình lênh đênh lạc bến
bờ mơ
Tâm hồn xa vắng sâu mộng
vần thơ
Đôi mắt vời trông mây trời
xanh biếc
Biên biệt người đi phai mối
duyên tơ...

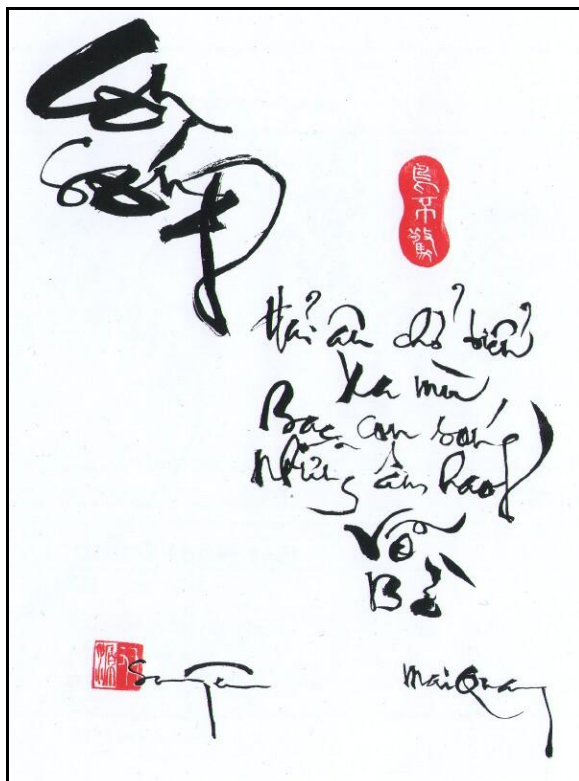
Giây phút tương phùng tà dương
nghiêng bóng
Hương xưa dịu dàng nhẹ thoảng
ru êm.

MINH GIANG 4/2018



Mời nghe ca khúc “Chuyện Tình Tây Đô”
do **Quốc Thái** phổ nhạc:

<https://www.youtube.com/watch?v=kTdWhhEe6Uo>



CƠN SÓNG

Hải âu chờ biển xa mù
 Bạc con sóng, những âm hao vỗ bờ.
 Thơ: **Mai Quang**; thư họa: **Song Nguyên**



Myrtle Beach, SC – 8/2018 - Ảnh: **PAD**

TÀN MẠN “GARAGE SALE”

**** Nguyễn Phú Long ****

‘Con Sáu-Cân vừa ăn hết một bát cơm đầy, nó đưa tay chìa chiếc bát không, gào thêm cơm. Đang bực mình, mẹ Bảy-Cân sẵn tay cầm đũa, bèn đập luôn con bé một cái vào khoảng giữa hai trái đào và hét lớn, "Con mẹ mày!". Có tiếng kêu "Đốp", chiếc bát không, từ tay con Sáu-Cân rớt xuống trúng ngay hòn đá lớn, thành mẻ một miếng to tướng, tiếp theo là cái tát làm con nhỏ ngã lộn nhào.’

‘Phong-tục thôn này có chỗ đặc-biệt là các bà sinh nở thường thích đặt tên tục cho con theo cái số cân lạng của đứa bé lúc mới lọt lòng. Lão Bảy-Cân cầm chiếc bát vỡ về ngồi trên bậc cửa hút thuốc, nhưng vì lo buồn quá thành quên cả rít, ánh lửa trong cái nõ đồng của cây điều dọc trục Trương-Phi cứ yếu dần rồi tắt ngúm. Sáng sớm hôm sau lão Bảy-Cân lại như cũ, từ thôn Lỗ-Trần, lão bơi thuyền lên tỉnh xé chiếu mới trở về với cái bát đã chắp.’

‘Trong bữa cơm chiều hôm đó, lão nói với mẹ, bà cụ Chín-Cân, bảy mươi chín tuổi, rằng, chiếc bát đã đem lên tỉnh chắp, vì chỗ mẻ lớn quá, cho nên phải bắt tới mười sáu cái đinh đồng, mỗi cái ba đồng tiền vạ chi hết bốn mươi tám đồng tiền tất cả.’

Trên đây là đoạn kể trong truyện Sóng Gió của đại văn-hào Lỗ-Tán, nói về thời-gian Hồng-Tú-Toàn khởi-nghĩa cuối đời Mãn-Thanh, bên Tàu, Giản-Chi dịch, Xuân-Thu ở Cali xuất-bản đã phơi bày cái hoang-mang, lo sợ trước cảnh loạn-ly với cuộc sống nghèo-nàn, thấp kém của gia-đình lão Bảy-Cân ở thôn Lỗ-Trần ven sông, nghèo đến nỗi có một cái bát ăn cơm đã mẻ cũng phải bơi thuyền mang lên tỉnh chắp lại mất bốn mươi tám đồng tiền. Vậy thì làm sao ở đây có hiện-tượng garage sale như nhiều nơi chúng ta hiện đang sống bây giờ!

Bây giờ, mùa hè, vào những ngày cuối tuần thỉnh-thoảng hay thấy cửa garage một hai nhà mở rộng, ở đó người ta bày la-liệt, ngổn ngang đồ cũ với tấm giấy lớn, viết nguệch-ngoạc, sơ-sài, nét đậm "Garage sale" để tại nơi dễ nhìn ngõ-hàng lưu ý, mời gọi khách qua đường dừng chân mua bán. Chủ nhà làm vậy để thải ra mớ đồ không còn dùng tới nữa, dọn-đẹp nhà cửa cho sạch- sẽ thoáng-đang, mà ngược lại khách đến tham-quan thì có khi loanh-quanh lại nhìn thấy thứ còn cần. Người bán kẻ mua đều có lợi do giá-cả so với thương-trường thì cách-biệt một trời một vực.

Đôi khi "bảng hiệu" lại viết Yard sale. Bởi vì gia chủ có sẵn miếng đất trống bên nhà nên đã bày hàng ra đó cho rộng rãi, đi lại dễ dàng. Tương-tự ta còn thấy moving sale nữa và dù ai cũng hiểu tất cả chỉ là nơi bán đồ cũ, giá rẻ. Nghe moving sale có vẻ hơi đồ-sộ, to tát. Á nhà này sắp move đi nơi khác đây! Như thế hi vọng ở đó bán nhiều đồ hấp-dẫn hơn, xịn hơn, dễ deal hơn.

Thật sáng-sủa, rõ-ràng... mua bán hàng trong garage thì gọi là garage sale, ngoài vườn thì viết yard sale...cái tiếng Ẳng-Lê quả là minh-bạch chắt-chẽ, tuy nhiên đôi khi nó cũng bị lụng-khụng phải dài dòng như trường-hợp diễn-tả khuôn, vác, đội, mang, xách, cầm, bưng...

Dạo qua những tư-gia bán garage sale chúng ta thường gặp nhiều nhất là loại hàng của trẻ em: Đồ chơi bằng nhựa xanh đỏ, xe đạp ba bánh, xe tập đi, bánh tròn, bóng bầu dục... nhưng nói chung thì ta có thể tìm thấy nhiều thứ khác nữa, thượng vàng hạ cám thôi thì đủ cả, như giấy dép, quần áo, ghế da, bàn gỗ, nồi niêu xoong chảo, bình thủy tinh cắm hoa, khung hình... lẽ dĩ nhiên toàn là second hand thôi! "Ra đường thấy cánh hoa rơi.. cũ người mới ta" nhiều thứ xài rồi dùng lại cũng tốt chán tí như mấy đồ làm vườn chẳng hạn. Có gã thanh niên vừa nhanh tay mua được cái cuốc, cái xẻng vác trên vai, nghênh-ngang, khiến vài "kẻ đến sau" nhìn theo tiếc hùi-hùi. Kìa lại một vị lớn tuổi, tóc bạc phơ, cứ đứng ngẩn khối cement đúc hình ngôi chùa cổ kiểu Nhật-Bản. Như thế là trong nhà này chắc có cụ cao niên cũng ưa thích nét đẹp phảng-phất Á-Đông, bây giờ chán rồi hay đã quy tiên rồi? Người dung làm sao rõ được, mà chuyện đó ăn nhằm gì, bèn mua về tô-điểm vườn cảnh ở sau nhà cho "Có cây có đá sẵn sàng."

Mua bán kiểu garage sale không phải là một nghề-nghiệp thường-xuyên, chẳng chú trọng đến lời lỗ, nên chủ nhà phụ-trách điều-hành với tinh-thần luôn cởi-mở,dễ-dàng, bà kê cái bàn, cái ghế ngồi làm việc với ly cà-phê trên tay, ngó lảng-xăng chỗ nọ chỗ kia... một cụ già chống gậy lượm cái đồng-hồ để bàn, chạy pin tiền đến, bà đứng dậy, liếc nhanh vào miếng giấy nhỏ đề giá 2 đồng, cụ già cười cười, trả một đồng, rồi quay đi chẳng thiết-tha, làm bà chủ phải gọi lại, bằng lòng...vừa bán vừa cho ấy mà, giữ chỉ chắt nhà, có sai tới nữa đâu! Mới mấy mùa hè trước bà đã mở garage bán sale một lần. Tưởng vậy là yên ngò đâu chỉ sau vài năm, đồ bất khiển-dụng lại ùn ùn chả biết từ đâu kéo về, nay phải làm thêm lần nữa...

Nói "đồ cũ chả biết từ đâu kéo về..." là bà chủ đưa-đẩy cho vui thôi, thì ngay như cái đồng-hồ nhỏ có chuông báo thức vừa bán với giá một đồng bà còn nhớ rành-rành chứ dù mấy năm cũng đã làm sao quên được. Hồi ấy con trai bà, đang ngồi lớp cuối bậc trung học, buổi sáng cứ ngủ li- bì, chẳng lo dậy sửa soạn tới trường, nên bà phải ra Sears tìm mua với giá 9\$99 (chưa tới mười đồng!) để cậu ấm bớt rời nhà quá trễ. Giấy biên lai còn ở trong kia. Thời-gian trôi mau quá, mới thoáng cái mà nay chẳng còn bao lâu nữa "thằng bé" đã sắp tốt-nghệp đại học rồi!

Già và trẻ thật khác biệt, người nằm hoài ngủ chẳng được, kẻ thì mặt trời lên cao còn mê-mán đâu "ke" tới giờ xe bus vàng đang chờ ở bến-đợi. Lại nữa, người thì mới nghĩ đến chuyện đem đồ ra garage bán đã ngại, lũ nhỏ biết thì mừng. Hôm nay có em trong gia-đình thấy việc mua bán lạ lạ, vui vui bèn nhân dịp nghỉ học nên cũng chạy loanh-quanh giúp đỡ, đôi khi các em còn có sáng-kiến cũng kê cái bàn nhỏ, pha bình nước chanh, thả mấy cục đá bông-bềnh để kiếm thêm chút tiền bỏ túi.

Nhiều người ngừng xe đến với garage sale thực sự không cần-thiết mua bán chi. Họ đi vòng vòng như tản-bộ gặp thứ gì hay hay mới "động não", nên mua chẳng? Mua về để chỗ nào? Đang tư-lự, thấy em nhỏ tập buôn bán thật hào-húng, mặt trời mùa hè, lên cao, nhiệt-độ hơi nóng, bèn lấy ra mấy đồng tiền các mua một ly nước vừa uống từ từ vừa nói nho nhỏ, một mình: "Bên kia hàng mẹ, bên này hàng con..." Đảo mắt qua góc đường đối diện, một dây máng nhiều bộ đồ lớn từ gốc cây dogwood sang tới cạnh xồi la-đà kia, bộ nào màu sắc cũng đẹp, cũng mới, dưới thảm cỏ xanh mượt-mà, lại xếp hàng ngay-ngắn nhiều đôi giày đàn-bà còn để nguyên trong hộp như chưa dùng tới làm ai cũng nghĩ ông bà chủ nhà đây phải là người giàu có, sang-trọng, quý-phái, dù không thể bằng phu-nhơn cựu tổng-thống Macos của Phi-Luật-Tân xưa, nghe nói bà Macos đã để lại khoảng hai ngàn đôi giày đủ loại mà chẳng nghe nói hai ngàn đôi giày ấy về sau ra sao!

Đôi khi đi trên đường, do những miếng giấy với mũi tên hướng dẫn gắn trên cột đèn, gốc cây, bãi cỏ cứ lần theo quẹo trái quẹo phải một lát là sẽ thấy nơi bán garage sale. Cả con phố thường chỉ gặp một hai nhà mở garage sale âm-thầm lặng-lẽ. Nhưng có lúc dân cư-ngụ một vùng gần nhau cũng tổ chức khuân đồ ra bán cùng một ngày gây nên

cảnh nhộn-nhip đông-đúc người qua kẻ lại cười nói, xe đậu nối đuôi dài như con rắn hai bên lề. Cái nhộn-nhip đông-đúc ấy cũng hay diễn ra ở nơi khuôn-viên nhà thờ do các members tổ-chức. Họ chờ hàng tới, đứng bán, cuối ngày kiếm được bao nhiêu thường tình-nguyện cúng vào nhà thờ để dùng cho những ích lợi chung, một hành-động công-quả rất đáng khuyến-khích.

Nhớ hồi xưa, ở đất Nghìn Năm Văn Vật, trước cuộc đổi đời 1954, cũng thấy quang-cảnh như thế. Đứng ra còn sầm-uất hơn thế nhiều. Ngay cuối đường Khâm-Thiên cùng những con phố gần hồ Thiên-Quông, trường Anh-Văn Ziên-Hồng... mấy bác phu xích-lô dùng xe đậu rải-rác, miệng ngậm điều thuốc rê phì phèo, mát ruột, ngắm những tà áo Lemur đủ màu sắc phơi diễn hấp-dẫn máng toong-teng trên tàng cây phượng-vĩ, trong khi dân ta thì đầu tắt mặt tối tuôn ra vỉa hè bán đồ bán tháo mọi thứ có thể bán được với tinh-thần bỏ của chạy lấy người, trước khi hồi hải xuống Hải-Phòng lên tàu há mồm di cư vào Nam. Nhưng tại đó chỉ xảy ra một lần duy-nhất, không phải là garage sale, dù sau này, hàng năm "Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà-Nội."



(Ảnh: Life magazine)

Chủ nhà Garage sale rất tự-do, thoải-mái, không sợ xóm-giềng than-phiền, không cần patent, chẳng phải đóng thuế, thường bắt đầu làm việc từ sáng sớm, đến khoảng hai ba giờ chiều lúc khách qua lại đã thưa là ngưng. Nhưng ngoài việc móc túi đếm xem tiền bạc kiếm được bao nhiêu, một vấn-đề nhỏ sau cùng cũng cần giải-quyết, là, cuối ngày mấy món ế-âm chẳng bán được phải gọi cơ-quan thiện-nguyện, cho người, cho xe đến chở tới trụ-sở mới xong.

Cơ quan thiện-nguyện bèn đem về vuốt-ve, lau chùi, o-bế lại, mã-giá rồi trưng-bày nơi cửa hàng với máy tính tiền, thu-ngân-viên, với tên hiệu Goodwill Store để ai shopping thì đến, khách mua lần này phải trả thuế cho chú Sam đảng-hoàng, hàng-hóa cứ đi lòng vòng hơi giống hai câu thơ trong bài Thề Non Nước của Tản-Đà: " Non xanh đã biết hay chưa ? Nước đi ra bể lại mưa về nguồn."

Thời buổi tân-tiến, nay mới phát sinh thêm hình-thức mua bán đồ cũ qua mạng điện-tử từ nhỏ như cây đàn, cái điện-thoại cổ đến lớn thí dụ những loại xe hơi đắt tiền còn cái cạnh. Hình-thức này có lẽ thoát-thai bởi một tờ báo tuần chuyên đăng những quảng-cáo bán đồ cũ, bây giờ chẳng thấy nữa, muốn gì, hỏi đó cứ mua báo về, khoảng 50 xu, dò địa chỉ, số điện-thoại, món đồ mình cần, để rồi người mua kẻ bán hẹn-hò trực tiếp với nhau và như thế thì không thể kể là garage sale được.

Cũng chẳng kể là garage sale được, khi ta tới một nơi thường-xuyên bán những đồ cũ, mà lại cài răng lược cả những cửa tiệm chuyên bán mấy mặt hàng mới tinh, đó là chợ trời. Vào chợ trời dù mua hay không có chợ bắt phải trả tiền như đi xem chớp-bóng ở rạp ciné vậy. Chợ trời là thương-mại, không mang tính tài-tử, nhất thời như garage sale. Chắc mọi người đều đồng ý, bây giờ tất cả chúng ta sẽ chẳng ai bị rơi vào hoàn-cảnh sống bi- đát như hai bố con Chử-Đông-Tử đời Hùng-Vương thứ Ba! Nhưng cũng không nên nghĩ rằng: Nay ở nhà thì cần có giày đi trong nhà, tập thể-thao thì phải có giày thể-thao, giày đá banh, giày dự tiệc. "Hôm qua anh tới chơi đây, Giày jaune anh diện..." Hôm nay anh lại đến, anh phải mang đôi giày khác chứ!. Xỏ lại giày jaune ư? Quê chết! Thế là, chỉ với đôi giày đi dưới chân thôi, không biết bao nhiêu cho vừa.

Chẳng rõ có phải nhìn thấy cái tình-trạng nhiều-khê quá mức vậy không mà cụ Trần-Trọng-Kim (1883-1953) đã nhận xét qua câu viết trong tác phẩm Nho Giáo in lần đầu vào khoảng 1930, NXB Văn-Học đã tái-bản năm 2003 như sau: "Xét cho kỹ, sự tiến-hóa thái quá về vật-chất vị tất đã hay cho sự sinh hoạt của loài người."

Dù đã có tiếng chuông cảnh báo quý báu ấy, sự sinh-hoạt của loài người cứ thế tiếp diễn mãi. Hết lớp này tới lớp khác và lớp nào thì cũng bận-rộn, hối-hả, mệt-mỏi với thời-gian sống như bị lôi cuốn hết vào trong guồng máy. Guồng máy phát-triển kinh-tế? Thực sự, thuở trước hoặc ngay cả bây giờ, một số đông-đảo chẳng thích bị bỏ

vào cái guồng máy đó. Nguyễn-Bình-Khiêm (1491-1585) đã bày tỏ: "Ta đại ta tìm nơi vắng vẻ, Người khôn người kiếm chốn lao xao." Đọc hai câu thơ rõ ràng quan Trạng không đại, "người khôn" ở đây nhiều kẻ cũng muốn "đại" như Trình-Quốc-Công cho nó nhàn nhã nhưng khốn nỗi, cũng còn phải tùy vào hoàn-cảnh, khả năng, tùy vào nhiều lý do này nọ, gia-đình, xã-hội ràng buộc. "Ở trên trông xuống người ta trông vào". Nên ít kẻ đủ điều-kiện thoát ra để theo được lắm! Và cuộc sống vẫn cứ như dòng nước trôi khó cưỡng lại...

Một điều không chối cãi được, ai cũng biết, lệ thuộc vào vật-chất như thế cũng chẳng thoải-mái gì. Có khi nó làm cho người ta trở thành lẩn-thẩn, khó khăn, mất thì giờ. Nó đi ngược với tinh-thần đa năng, đa hiệu, tiện-lợi. Cuộc sống nhiều khi cũng cần thoải-mái, phiến-phiến đôi chút và nhiều lúc phải biết linh-động sử-dụng những gì có sẵn chứ. Tỷ dụ, một buổi trưa, tự nhiên thấy sâu đời, có ông lão ôm cái chai ra chợ mua cân rượu đổ vào, mang về. Cái chai dùng để đựng rượu. "Rượu ngon phải có bạn hiền"...bèn ới nhau xếp vòng tròn, rượu vào lời ra, chén chú chén anh, túy lúy. Rồi đến lúc hết sâu đời, "trời đất lặn quay", bạn hiền chẳng thấy nữa. Sao "thằng chả" nói ngang quá xá vậy cả! Sẵn cái chai không, bèn choảng lên đầu kẻ bất đồng chánh kiến cho bỏ ghét. Cái chai lúc đó chẳng phải để đựng rượu mà trở thành thứ vũ khí. Đây cũng là sự đa năng đa hiệu của cái chai. Hình ảnh trên đây thường dẫn đến chuyện gặp phú-lít, đi nhà thương, giấy tờ, tiền bạc rắc-rối. Song phương diện khác nó thể hiện chút bộc-trực, chất-phác, xuề-xòa, vui vui, kỷ-niệm, có thể trở thành giai-thoại biết đâu! Nó đã từng sảy ra nhất là ở quê- hương yêu dấu mà giáo-sư Nguyễn-Văn-Trung thuộc trường đại học Huế trước 1975 có lần lấy làm thí-dụ trong một bài nói về tự-do.

Tóm lại garage sale là một hoạt động bình-thường, đại-chúng, nó luôn sảy ra tại những vùng đất người dân tương-đối sung-túc, và nó chắc chắn không là một hiện-tượng đặc-thù. Ở Việt-Nam cũng có một loại hoạt động gần như thế, cũng bán đồ cũ, cũng không hẳn là thương mại. Trong sách Tìm Về Bản Sắc Văn-Hóa Việt-Nam của Trần-Ngọc-Thêm (Người từ báo Góc-Nhìn) cho biết "người bán muốn bán nhanh lấy may cho việc làm ăn quanh năm, còn người mua tới chợ ra về không khi nào về tay không, người ta miệt-mài làm-lũ và háo-hức đi hàng chục, hàng trăm cây số... để rồi khi tan chợ lại miệt-mài quay về "và sự điều-hành chỉ hơi khác thôi, chẳng

phải ở tư-gia, chỉ mở một năm một lần vào ngày cố-định, nơi cố-định, tên gọi là chợ viêng. Chợ viêng là danh từ chung chẳng có trong từ-điển, không hiểu nghĩa là gì.

Xin trích thêm một đoạn nữa trên báo điện tử của ông Thu-Tứ cho vấn-đề sáng tỏ:

"Chợ viêng Liễu-Đề họp ngày mùng 6 tết. Chợ viêng Lạng mở ngày 7 tháng Giêng. Chợ viêng Nam-Trực mở ngày 8 đầu năm mới. Chợ viêng bán cây giống, cây kiểng, thịt bò thịt bê thui bày la-liệt từ cổng chợ vào dài đến vài cây-số và nhiều nhất là bán đồ cũ. Người ta có thể mang đến chợ bất cứ vật dụng gì trong nhà đã qua sử-dụng, bất kể còn nguyên vẹn hay sút vỡ, từ quý giá như đồ thờ tới đồ thông thường đĩa chén, nồi mâm, bình vôi, bát đĩa..."

Ngẫm kỹ, garage sale ở đâu thì cũng là cách giải quyết một loại nhu cầu cần thiết cho đời sống khỏi tồn đọng. Cách giải quyết này đỡ phí-phạm, nhẹ nhàng, giản-dị, đại chúng, cũng hay, cũng tâm-lý, cũng thành-công. Và quan trọng là kẻ mua người bán hết sức hỉ hả, hài lòng, thân thiện.

Lướt qua những hình ảnh trình bày về garage sale trên đây vậy là chúng ta đều biết cả rồi. Vào mùa hè nó còn diễn ra hoài hoài bởi cái lòng ham muốn của con người dư tiền của thôi thúc ưa hưởng thụ, ưa thay đổi, bởi cái cung quá nhiều so với cái cầu và bởi sự cạnh-tranh phục-vụ tìm hết cách lôi cuốn mời gọi triệt để của những nhà chế-tạo, nhà sản-xuất, nhà buôn.

Nguyễn-Phú-Long

Virginia



NƠI CHỊ NƠI TÔI CŨNG GẦN NHAU

(nhân đọc "Nơi Tôi Ở... " của nữ sĩ Huệ Thu)

Chị vẫn còn treo tấm hình
tôi chụp
một buổi nào họp mặt nhóm
Cỏ Thơm
mấy năm rồi nhìn lại càng
dễ thương
một tấm hình điểm trang thêm
kỷ niệm.

Cùng thành phố, hai mươi năm
biên biệt
đọc thơ hoài mà chẳng gặp
được đâu
có những bài tôi đọc đến
thuộc lòng
thích lắm nét kiêu sa vẫn
lục bát...

Nhìn quanh quẩn là bạn bè
quen biết
cùng đam mê thường dễ nhận
ra nhau
nhà Chị nhà tôi xóm trước
xóm sau
Chị Xóm Củi còn tôi thì
Xóm Núi

Tuy ở gần nhưng ít khi lui tới
bạn đi hoài với lắm chuyện
đa đoan
nhưng sáng ra là mở cổng
Sài Môn
trang đầu ngày tôi thường lệ đọc

Chị vui với mèo, tôi đùa với sóc
Chị trồng nhiều hoa tôi kiêng
trần lan
Chị quét nắng mai tôi hứng
nắng vàng
sáng hay chiều San Jose cũng
ấm áp

Đã vào thu rồi nơi đây vẫn nóng
Thu qua Đông thấm thoát lại
hết năm
buồn hay vui khi nhận thêm
một tuổi
mà quê nhà vẫn vời vợi xa xăm!

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt
Aug-16th-2018



HOANG VANG

Nhạc : NGUYỄN ĐỨC-NAM
Ý thơ BÙI THANH TIÊN

SLOW WALTZ

Một thoáng hương ngày cũ ngỡ phai mờ - Cùng
ánh trăng ngày đó vẫn mơ hồ - Nguyệt cảm rạo rắt
khúc tương phùng - Người ơi, lưu luyến chẳng ân tình cũ ? - Một
chút yêu mà tiếc nhớ vô cùng - Hình bóng yêu kiều ấy khúc trong
lòng - Chiều xưa ta sánh bước trên đời - Chiều
nay em đã xa, vò võ còn đâu ?
Ánh mắt ấy đem nhớ nhung cho từng ngày HOANG VANG Hương môi
thơm cho ngọt ngày dâng lên đây phút đắm mê ...



Bùi Thanh Tiên & Nguyễn Đức Nam

HOANG VẮNG - trang 2

Tiếng hát đó đưa đắm say ngày dài
vào trong giấc mơ hoa - Dư âm xưa đưa nhớ
nhưng về hoen ướn nỗi mong chờ ... Một
thoáng ân tình cũ bỗng quay về - Và ánh trăng ngày
ấy vẫn chan hòa - Cùng em vui hát khúc yêu đời -
Nguồn vui chan chứa bao nhiêu mộng ước - Chiều
xuống nhưng nào thấy bóng ai về - Hình bóng yêu kiều
ấy đã xa mờ - Chỉ còn phố cũ với mưa buồn -
Chỉ còn HOANG VẮNG trong trời chớm vào Xuân ...

Mời quý vị thưởng thức HOANG VẮNG, Nguyễn Đức Nam phổ nhạc từ thơ của **Bùi Thanh Tiên**, qua tiếng hát **Thái Thảo**:

<http://cothommagazine.com/NhacThanHuuCoThom/HoangVang-NguyenDucNam-BuiThanhTien-ThaiThao.mp3>



Chưa bao giờ buồn thế It has never been so sad

Lên xe tiễn em đi
Chưa bao giờ buồn thế
Trời mùa đông Paris
Suốt đời làm chia ly
Tiễn em về xứ mẹ
Anh nói bằng chiếc hôn
Không có gì lâu hơn
Một trăm ngày xa cách
Ga Lyon đèn vàng
Tuyết rơi buồn mênh mang
Cầm tay em muốn khóc
Nói chi cũng muộn màng
Hôn nhau phút này
Rồi chia tay tức khắc
Khóc đi em!
Khóc nữa đi em!
Để buồn qua tóc rối
Những vì sao rụng
Ướt vai mềm
Khóc đi em!
Khóc đi em!
Hỡi người yêu xóm học!
Để sương thấm bờ đêm
Đường anh đi trần ngập
Lệ em buồn...
Ôi đêm nay!
Chưa bao giờ buồn thế!
Trời mùa đông Paris
Suốt đời làm chia ly...
Tàu em đi tuyết phủ
Toa em lạnh, gió đầy
Làm sao em không rét?
Cho ấm mộng đêm nay
Và mơ ngon lên khắp
Nẻo đường đời
Trời em mơ có sao
Minh anh đêm ở lại
Trời mùa đông Paris
Không bao giờ có sao
Trời mùa đông Paris
Chưa bao giờ buồn thế

I got on the train to see you off, oh!
It had never been so sad as I felt so.
Paris City in this winter situation
for ever and ever generates separation.
To see you leave for our motherland
I kissed you good-bye, did you understand
that nothing was longer to make me craze
than an absence of a hundred days.
The yellow lights at the Lyon train station
and the falling snow were sorry mentation.
Holding your hands I wanted to cry,
but any tardy words would have run by.
We kissed each other this minute of the day,
then we were to part right away.
Cry, my love!
Keep crying, my dove!
so the grief through your tangled hair
in your tears as fallen stars that glare
soaked wet your shoulders softly fair.
Cry, my love!
Weep, my dove!
Oh my dormitory lover implied
so that the night dew-dampened roadside,
the path I walked, flowed wide
with your tears triste...
Alas, tonight's gist!
It had never been this sad as I felt thus bad.
Paris City in wintertime
grows to a lifelong separation clime.
Your train covered with snow chagrined,
your carriage was cold, full of wind,
How couldn't you feel it keen
to sense warmth in tonight's dream scene,
and make it spread all over
the tracks of life in clover?
The sky you dreamt is with stars bright,
while I remained here in this lonely blight.
Paris City in this winter situation
has never shown any constellation.
Paris City in this winterly-tide
has never been so sad as it has signified.

CUNG TRẨM TƯỜNG

Translation by THANH-THANH



TIẾT THÁO NHÀ NHÔ

**** TiênSha-Lê Luyện ****

Tuổi trẻ tôi đã có một thời gian lăn lóc trong chôn lửa đạn hiểm nghèo. Cuộc đời lính chiến khổ nhọc chết chóc trăm chiều, nhưng cũng không kém phần hào hùng và có vinh dự to lớn là được phục vụ cho tổ quốc, dân tộc. Điều đó đã đủ để tôi chấp nhận dần thân. Và trên bước đường “bảo quốc an dân” tôi đã gặp không ít chuyện thương tâm và cả những chuyện lý thú bất ngờ.

Sau ngày ký hiệp định Paris 27-1-73, tại vùng I, Sư đoàn 3 Bộ Binh từ Quảng Trị được di chuyển vào Đà Nẵng đảm nhận trách nhiệm vòng đai an ninh, đóng bản doanh tại căn cứ Freedom Hill sau đổi tên là Hòa Khánh, thay thế Lữ đoàn 196 Hoa Kỳ về nước. Sư đoàn vừa mới được tái bổ sung, tổ chức huấn luyện và trang bị ... sau những ngày tan tác vì quần nhau với giặc tại mặt trận giới tuyến. Trong thời gian còn nhiều khó khăn này, để giúp Sư đoàn tránh khỏi những nan giải bất ngờ, đơn vị Nha Kỹ Thuật của tôi nhận lệnh Quân đoàn, biệt phái một liên toán tăng cường nhảy thám sát. Nhiệm vụ của chúng tôi là truy tìm hang ổ các lực lượng thuộc Mặt Trận 44, Sư đoàn 711 Bắc Việt và các đơn vị tăng cường của Liên khu V. Sau đó sẽ điều hợp và xử dụng tối đa hỏa lực phi pháo “Phong Lôi” của Hoa Kỳ để giáng những đòn sấm sét, bất ngờ xuống đầu địch. Phần còn lại là các cuộc hành quân tảo thanh của Sư đoàn 3 BB, tiếp tục đập nát những đơn vị địch đe dọa Quảng Nam - Đà Nẵng. Chúng gồm hai sư đoàn chính quy và 10 tiểu đoàn địa phương đã bám đất, bám dân hàng chục năm nay mà ta không làm suy yếu gì được chúng.

Vào chiến dịch khoảng một tháng, trong một lần công tác ngăn ngày ở vùng rừng núi tây-bắc quận Hiếu Đức, để xác minh một nguồn tin tình báo quân đoàn. Khi kết thúc công tác, trên đường di chuyển về, một đơn vị Địa phương quân và một sĩ quan quân báo có nhiệm vụ đón lỏng toán chúng tôi, bảo vệ về đến phi trường quận có trực thăng chờ sẵn. Trên đường triệt xuất, chúng tôi tình cờ cứu được một đứa bé gái khoảng 8 tuổi, đang chạy chơi trong vườn nhà hoang, bị rắn độc cắn.

Nạn nhân trán đầm đìa mồ hôi, nằm nhắm mắt thiêm thiếp, người la đi vì đau đớn. Bắp chân sưng tấy lên và nơi vết cắn đã bắt đầu xuất hiện dấu thâm đang chuyển dần sang màu tím thẫm. Người lính y tá của toán lập tức dùng băng gạc thắt nút garrot buộc chặt ở phần trên vết thương, ngăn không cho nọc độc theo máu chạy vào

tim. Anh xử dụng cây dao mổ, nhanh nhẹn rạch một đường nơi miệng vết thương để rút máu độc. Máu đen trào ra theo vết dao. Để mặc cho người lính khác nặn máu độc ra, anh lựa kiếm hai ống thuốc, rồi vén tay áo thoa bông sát trùng và chích cả hai cho cháu bé. Thao tác cấp cứu của người y tá biệt kích thật gọn gàng chính xác, rất chuyên nghiệp. Xong việc, anh quay sang nói với tôi:

- Em đã chích vắc xin chống độc và một ống thuốc Digoxin trợ tim, nhưng có thể ta gặp cháu hơi muộn.

Mười phút nặng nề trôi qua nhưng bé vẫn chưa tỉnh. Khuôn mặt thơ ngây đau đớn đang tái dần và hơi thở mệt nhọc. Tôi quay ra trình bày sự việc với vị thiếu úy quân báo. Một thoáng suy nghĩ rồi anh ta trả lời:

- Tình trạng nguy cấp, để lâu nọc độc ngấm vào tim sẽ không cứu nổi. Nếu kịp thời chuyển cháu ra bệnh viện Đà Nẵng thì còn hy vọng cứu sống và may mắn thoát khỏi bị tật nguyên. Anh có cách gì không?

Trong lớp áo ngực trang, người quân báo không biết tôi mang cấp bậc gì, tuy nhiên là trưởng toán thì cấp bậc tôi cũng bằng hoặc hơn anh ta. Tôi hỏi sơ qua về tình hình an ninh tại chỗ và có quyết định ngay. Lập tức tôi liên lạc với trực thăng trình bày lý do cần cứu cháu bé khẩn cấp, đồng thời nói rõ tình hình an ninh tại chỗ khá tốt và đề nghị xin bốc toán ngay tại chỗ. Suy nghĩ một lát, vị sĩ quan pilot tốt bụng trả lời đồng ý. Tôi cung cấp tọa độ điểm đứng, khối màu và panel báo hiệu rồi quay sang toán, lệnh cho anh em bung rộng ra làm vòng đai an ninh bãi đáp. Tôi cũng yêu cầu đơn vị bạn bố trí các vị trí khác để yểm trợ đề phòng. Sau cùng tôi nói với vị sĩ quan:

- Chúng ta đang làm công tác của lương tâm. Không thể thấy chết mà không cứu, do đó tôi đã không thực hiện đúng theo kế hoạch hành quân. Nhưng đó là điều cần nên làm và phải làm cấp thời. Tôi nghĩ, chắc là thượng cấp cũng thông cảm và đồng ý với quyết định của chúng ta. Đây là địa chỉ nhà của tôi, thiếu úy cố gắng liên lạc với gia đình cháu bé để cho họ biết tin yên lòng và hẹn gặp họ sớm tại Đà Nẵng, hầu tiếp tục lo cho cháu bé.

Bắt tay từ giã. Chúng tôi, lớp người trai trẻ của đất nước, cùng chung một lý tưởng quốc gia nhưng “bình thủy tương phùng”. Từ đó như những cánh chim trời mang trọng trách núi sông trên vai, rày đây mai đó, tôi không còn gặp lại vị sĩ quan trẻ có tấm lòng nhân ái đó nữa.

Người đầu tiên xuống với cháu bé là một cụ già. Một ông lão khoẻ mạnh, da thịt hồng hào, râu tóc trắng như cước, cốt cách tao nhã ung dung. Hôm gặp cụ, tôi đã ngạc nhiên không ít. Lớn hơn bố tôi vài tuổi nhưng phong thái ông già ẩn dụ một cái gì đó khác thường, làm người đối diện bị thu hút, chú ý. Giữa cái oi bức của trời nắng gắt, cụ vẫn chỉnh tề với khăn đóng và chiếc áo dài the thâm đã cũ nhưng sạch sẽ, chiếc dù đen treo lơ lửng trên tay. Cụ bước đi tự tin giữa dòng người thành phố đông đúc mặc âu phục, cho ta thấy rõ một hình ảnh đối nghịch thật cô đơn nhưng nổi bật giữa vô vàn cái hỗn độn tầm thường khác. Cụ như là mẫu người còn sót lại của một thời quá khứ lễ nghi khuôn phép, giữ gìn được khoảng không gian riêng tư của mình, không để cái phàm tình xô dạt tới. Cụ ân cần mời ba tôi về thăm chơi nhà cụ mấy hôm. Khi về, ba tôi cứ tấm tắc khen ngợi một gia đình nề nếp gia giáo, hiếm thấy trong thời buổi đất nước loạn ly và xã hội suy đồi đạo đức này.

Vài tháng sau, vào dịp gần ngày Tết, tôi và một người bạn quyết định tìm đến thăm nhà vị thâm nho để thỏa tính tò mò. Bỏ con đường hương lộ dẫn vào huyện, chúng tôi theo lời chỉ dẫn chạy vespa dọc theo bờ đập con đê vào thị trấn. Nhà cụ nằm gần huyện đường, bên sườn đồi trong vòng đai an ninh quốc gia.

Giữa mảnh vườn rộng thênh thang sum suê cây trái, một lối đi lát đá sạch sẽ chạy quanh co dẫn vào ngôi nhà đồ sộ lợp ngói âm dương, vẫn còn lưu giữ nhiều nét cổ kính trang nghiêm. Phía trước nhà có hồ nhân tạo, trồng sen thả cá. Một chiếc cầu gỗ ngắn, kiểu cong cong dẫn ra giữa hồ nối liền nhà thủy tạ hình bát giác làm bằng gỗ mít lên nước bóng láng. Năm tháng đã biến gỗ từ màu vàng ngà sang màu nâu sẫm trầm mặc, làm nổi bật ba chữ nho đại tự kim tuyến treo trước mái hiên. Cụ niềm nở đón chúng tôi bước lên chiếc cầu xinh xắn. Một cây thị đại thụ trái vàng rực lủng lẳng như đèn treo, tỏa những cành lá to lớn phủ bóng râm mát xuống mặt hồ. Tiếng chim hót riu rít. Cụ già chỉ tấm biển nói với chúng tôi đây là “Nghênh Phong Các”⁽¹⁾. Quả đúng như thế, giữa tĩnh lặng của đất trời vào xuân, ngồi giữa lòng hồ sen gió hiu hiu mát, hương hoa thơm ngát, chiêm mấy ngụm trà xanh nấu bằng sương đêm đọng trên lá sen, ta thấy lòng mình thanh thản lạ thường. Có thể, mới thăm thía được hết cái thú tiêu dao hưởng nhàn của những bậc trọng nho và hiểu rõ tại sao họ xem thường chốn quan trường phù hoa.

Theo chân cụ già, chúng tôi bước vào một hành lang nhỏ lát gạch vuông màu đỏ bậm, dẫn vào gian nhà chính diện. Đây là ngôi

từ đường. Bên trong, bàn ghế tử thờ toàn bằng gỗ cắm lai cần chạm công phu. Những cây cột nhà bằng gỗ lim to lớn, cho thấy gia đình cụ vào bậc giàu có. Tường vôi mới quét để đón xuân, vài chỗ có treo mấy bức ảnh gia đình phóng lớn. Giữa nhà, bệ thờ một chiếc tủ gỗ đen tuyền đồ sộ, phía trước mặt tủ khảm xà cừ hình một cây trúc thân thẳng đứng uy nghi, cành lá mềm mại, tượng trưng cho người quân tử - *Trúc hữu quân tử chi đạo*. Hai bên mặt tủ cần hình tứ linh: Long, Lân, Quy, Phụng. Bên trên thờ Phật uy nghi, phía sau, dưới thấp hơn một chút là chỗ thờ cúng những người quá cố. Nối tiếp gian nhà thờ thông qua một khung cửa lớn bằng kính, là một gian nhà xây bê tông 2 tầng gồm có nhiều phòng ngủ ở tầng trên, tầng trệt là nhà bếp, phòng ăn và chỗ dành riêng cho các sinh hoạt gia đình hàng ngày. Mái đồng của trang viên có căn phòng lớn đóng kín cửa. Ngang qua một cửa hông nhỏ, chúng tôi bước vào phía gian nhà mái Tây. Một khung cảnh hữu tình hiện ra. Những chậu hoa Tết đủ loại đang nở rộ hai bên lối đi trên cái sân nhỏ trước hiên nhà. Nào hường, cúc, đào, thược dược, vạn thọ ... thi nhau khoe sắc. Những giò lan quý cả màu sắc lẫn hương thơm, tỏa ngát ngào ngạt trong khí trời vào xuân ấm áp. Đợi chúng tôi ngắm cảnh xong, cụ mời vào thư phòng, ngồi bên cạnh những chậu mai nhỏ cánh trắng ẻo lả vừa mới nở hoa đêm qua. Đây là nơi cụ tiếp khách, đàm đạo và viết thư họa. Cụ chỉ những cành mai thân gầy guộc, nét thanh tao, bảo rằng hoa ả dụ hồn Đường thi. Trong phòng toàn là mai, màu trắng tinh khiết, màu vàng tươi thanh cao, màu hồng phấn thướt tha, màu đỏ son sất. Cụ rất thích mai. "*Thượng phong tiết, đa phong lực, nhiều phong nhĩ*"⁽²⁾, cụ bảo thế.

Bày ấm chén ra, cụ mời chúng tôi uống trà. Ngay cả việc pha trà cũng đủ làm chúng tôi thích thú, khâm phục. Tráng ấm chén sơ qua một lượt nước sôi, cho vừa đủ trà vào ấm, rồi châm một ít nước sôi, rót nhanh nước đó đổ ra ngoài. Cụ bảo đó là nước dùng rửa trà, để khử bỏ hoàn toàn bụi bẩn bám vào trong khi sao sấy. Sau đó cụ pha hãm liền ba nước, đều rót vào chiếc chén cái, xong rồi cụ chế nước sôi ngang đến miệng ấm, đậy kín nắp. Tráng sơ lại mấy chiếc chén con một lần nữa, cụ bắt đầu chuyên trà từ chén cái sang chén quân. Màu trà xanh đượm óng ánh như mật ong, trong như hổ phách, không lẫn một tí cặn bã. Nâng chung trà lên môi chưa kịp uống, mùi thơm theo khói bay xộc vào mũi ngậy ngất. Nhấp chậm rãi từng ngụm nhỏ, lúc đầu thấy hơi chát, nhưng xuống đến cổ họng bỗng có vị ngọt, đậm đà quyến rũ. Chúng tôi tuy không sành uống

trà nhưng cũng thấy khoan khoái, chia sẻ được cảm giác thú vị thanh cao của lớp người tiền bối.

Uống xong chung trà, cụ bước đến bên án thư, trải lên một vuông lụa vàng rồi cầm bút. Bàn tay cụ gầy, ngón mềm thon thả, móng dài cong vút, nhẹ cầm cây bút lông thỏ chấm vào nghiền mực xạ đen tuyền, khắc nổi hình rồng. Một giây ngưng đọng rồi tay bút hạ nhanh xuống mặt lụa thành những chữ sinh động, uyển chuyển. “*Mai cốt cách, tuyết tinh thần.*”⁽³⁾ Khoảnh khắc chợt như xuất thần, ông lão đứng yên lặng đắm chìm vào thời điểm tâm linh sắp thăng hoa, rồi nét bút tràn đầy tâm lực bỗng rơi xuống mặt lụa, nảy bật ra thành hàng hàng lớp lớp những dòng Đường thi: “*Hữu mai vô tuyết bất tinh thần. Hữu tuyết vô thi tục liễu nhân.*” Nắng trưa như ngưng tụ trên ngòi bút, hong khô những nét chữ bay bướm có hồn. Tôi bỗng linh cảm như có điều gì uẩn khuất phảng phất trong cây bút, trong câu thơ họa và cả trong cuộc đời ông già thâm nho này. Viết xong, cụ đặt bút xuống vuốt chòm râu bạc, nét mặt giãn ra như thỏa mãn rồi lớn tiếng đọc hai câu thơ... Gió xuân thổi rưng vài cánh mai trắng rơi xuống trên sắc mực tàu đen nhánh. Không biết thi sĩ nào đã sáng tạo ra thơ làm theo lối Đường luật này, như có ma lực, có sức hút thần bí. Tuy chẳng hiểu rõ ràng ý nghĩa, nhưng âm hưởng khi nghe đọc cũng thấy rung động dạt dào.

Chúng tôi lớp người sinh sau đẻ muộn chỉ được học chữ quốc ngữ, nên cái vốn Hán văn chỉ có thể hiểu lờ mờ. Tôi hỏi cụ ý nghĩa hai câu thơ, ông cười giải thích: “*Có hoa mai mà thiếu tuyết điểm thì thiếu cái thần khí thanh cao. Có tuyết điểm mà không có thơ thì cũng như kẻ phàm tục.*” rồi ngồi xuống, ông chiêu một ngụm nước, khề khàng tiếp lời:

- Ngày xưa không hiểu chữ Hán thì bị thiệt thòi lắm. Học Hán văn chính là học cái uyên thâm của thời đại. Đó là kiến thức cơ bản về văn hóa cổ, triết học, khảo cứu, lịch sử, nhân văn, nghệ thuật... Người khoa bảng có thể “*thượng tri thiên mệnh, hạ thông địa giới*”. Nhưng thời nay thì khác, không thể bắt các cháu học theo lối ngày xưa. Mỗi thời mỗi khác, ngày nay có cách học của ngày nay. Văn hóa và nghệ thuật nào mà chẳng có thân phận riêng của nó, từng lúc từng thời và thăng trầm bao giờ cũng là lẽ đương nhiên của tạo hóa. Có điều chúng ta không thể nào phủ nhận là sự giáo dục ngày xưa rất xem trọng phẩm chất, nhân cách, đạo đức con người.

Lời nói của cụ quả thật thông tình đạt lý. Truyền thống cao quý của văn hóa dân tộc Việt Nam ta từ xưa vốn đặt nặng giáo dục lễ nghĩa, “*Tiên học lễ, hậu học văn*” và tinh thần “*Tôn sư trọng đạo*” đã kết rể vào đời sống con người thời đó. Lễ nghĩa là xương sống của xã hội Việt Nam. Con người trước khi thành danh, tạo nên sự nghiệp đều phải tự răn mình, trau dồi, gìn giữ phẩm chất đạo đức làm người đúng như câu:

“*Nhất tự vi sư, bán tự vi sư.*”

“*Trai thời trung hiếu làm đầu,*

Gái thời tiết hạnh là câu trau mình.” ⁽⁴⁾

Sự khuôn phép của một gia đình gia giáo bao giờ cũng mang đến ổn định trật tự, quy củ, có tổ chức trong gia đình và ngoài xã hội, xứng đáng được sự ngưỡng mộ và làm mẫu mực cho mọi người noi theo học hỏi. Không có gì khổ tâm cho bằng trong một gia đình, con không nghe lời khuyên dạy của cha mẹ, vợ chồng bất hòa, anh em xáo xáo chống đối với nhau.

Cụ già tiếp lời:

- Lão không có ý đề cao vai trò nhà nho ngày xưa mà xem thường những bậc trí giả hiện nay. Thời nào cũng có anh hùng hào kiệt, cũng có gian nịnh tiểu nhân. Riêng đối với những người trẻ tuổi như hai vị, đã dám hy sinh hạnh phúc cá nhân để cùng thiên hạ chia xẻ gánh nặng trách nhiệm núi sông, lão rất kính phục và ngưỡng mộ.

Ông già nho ngưng lời, dáng chừng có vẻ dăm chiêu, rồi bất chợt cụ tiếp lời:

- Lão “*sinh bất phùng thời*” nên không có cơ hội đóng góp công sức cho đất nước. Quãng đời tuổi trẻ cũng có lúc sống trong không khí sôi sục đấu tranh, xuống đường đòi Pháp giảm sưu cao thuế nặng, nhưng chỉ thoáng qua rồi cũng “*an phận thủ thường*” bởi biết mình không có chí làm nên việc lớn. Lão tự an ủi và bằng lòng sống trong cái thường tình của nhà nho yếu đuối. Cứ những tưởng cuộc đời sẽ chẳng có điều gì phải hối tiếc, thế mà số phận nghiệt ngã rồi cũng có lúc “*lực bất tòng tâm*”, phải gánh chịu những cay đắng, buồn đau.

Ông lão vừa nói đến đây thì cánh cửa hông bật mở. Cháu bé bị rần căn chạy ủa vào, vòng tay lễ phép thưa ông ngoại và chúng tôi. Theo sau cháu là một phụ nữ lớn hơn tôi vài tuổi, trạc chừng hăm sáu hăm bảy, ăn mặc giản dị nhưng nhan sắc mặn mà. Nàng mang vào đĩa bánh nôm, bánh bông lan mời khách. Cháu bé níu tay

mẹ, chỉ vào tôi nói chú đây đã cứu con. Lần đầu tiên gặp mẹ đứa bé, tôi thoáng nhận người đàn bà có đôi mắt ẩn giấu vẻ buồn rầu.

Lấy trong túi xách gói đồ chơi cho cháu, tôi đặt lên bàn mấy gói mứt và hộp bánh biscuit, thừa với cụ đây là quà Tết của ba má tôi gửi biếu. Cụ cảm ơn rồi quay sang nhắc mẹ cháu bé nhớ gọi ai đó trưa nay về ăn cơm. Người đàn bà vâng dạ rồi cúi chào chúng tôi, dắt con quay ra. Ông lão nhìn theo thờ dài, rồi như không chịu nổi những day dứt bứt xúc, cụ bỗng bất ngờ tâm sự:

- Số phận đau buồn đến với gia đình chúng tôi bắt nguồn từ lòng hận thù của những người cộng sản vô thần, kéo theo là sự bất hạnh của tuổi thơ và nỗi long đong trong nhờ đục chịu của thân phận đàn bà mười hai bến nước. Có lẽ hai anh thắc mắc vì sao không thấy cha mẹ của đứa bé từ hôm xảy ra tai nạn?

Ông lão buồn bã thờ dài. Điều cụ vừa nói, chúng tôi cũng có nghĩ đến nhưng không tiện nói ra. Khuôn mặt hiền lành phúc hậu của ông lão phút chốc bỗng trở nên nặng nề bi thảm. Cụ cay đắng tiếp lời:

- Nơi cháu bị rắn cắn nằm trong khu vườn nhà ông nội cháu cách đây khoảng vài cây số. Hôm đó hai mẹ con về thăm và ở lại chơi với bà nội vài ngày, sau đó xin đi thăm nuôi ông nội và ba cháu đang ở trong tù. Còn lại một mình cháu rong chơi trong vườn, bất ngờ xảy ra tai nạn. May mắn đã gặp được các anh gọi trực thăng đưa đi bệnh viện tỉnh cấp cứu, chứ không thì con bé có thoát chết cũng bị tật nguyên, suốt đời khổ thân. Người đứng nước lã xa lạ mà sao các anh có lòng trắc ẩn quá. Còn làm chồng làm cha như thằng rề tôi, sao lại bạc bẽo tàn nhẫn với vợ con đến thế. Do vậy, nó tuy còn sống mà tôi cứ xem như đã chết. Làm người đàn ông mà phản nước hại dân, vô tâm với vợ con, thì thử hỏi sống tiếp có ích lợi gì? Vậy cứ cho là đã chết đi để bớt phần tủi nhục.

Đối diện với tâm trạng bức xúc, thương đau của người tuổi già, mà lẽ ra phải được an hưởng niềm vui hạnh phúc gia đình, chúng tôi thật lòng không biết phải an ủi cụ như thế nào, chỉ biết im lặng lắng nghe và chia sẻ điều cụ tâm sự. Thật ra chúng tôi vẫn chưa rõ ràng câu chuyện.

Trời gần đứng bóng, một người đàn ông tuổi trạc bốn mươi ăn mặc chỉnh tề, lái chiếc Honda chở đằng sau một quân nhân chạy vào sân nhà. Hai chúng tôi đưa mắt nhìn nhau cảnh giác. Tình ý, cụ

già như đọc được suy nghĩ của khách. Ông cười bảo đó là người con trai cả, thầy giáo trường trung học ở huyện, ông nhấc về chào khách. Hai người đàn ông bước vào thư phòng mái Tây. Ông lão chợt nhận ra người lính, khuôn mặt cụ bỗng rạng rỡ hẳn lên. Ông giới thiệu với chúng tôi người con trai thứ là một sĩ quan thuộc tiểu khu Quảng Nam. Cả hai lễ phép cúi chào cụ rồi quay sang bắt tay khách. Người quân nhân mang cấp bậc trung úy, lấy từ trong túi xách ra xếp lên bàn nào là trà, rượu, nem, chả ... rồi cung kính thưa với cụ là Tết năm nay đơn vị cắm trại không về được, nên sắm lễ vật về cúng gia tiên trước. Anh nói xong rồi vòng tay đứng chờ. Cả người thầy giáo cũng loay hoay súc bình thay trà mới. Mãi đến lúc cụ già lên tiếng, hai anh mới được ngồi xuống. Có tận mắt và bất ngờ chứng kiến, mới biết gia đình cụ lão gia giáo, nề nếp và hiếu nghĩa đến mức nào. Mặc dầu tuổi lớn hơn chúng tôi và là người có vai vế trong xã hội, nhưng chưa được phép cha cho ngồi “đàm đạo” cùng khách, thì chỉ biết lễ phép đứng “hầu trà” và chờ lệnh mà thôi. Ngay cả việc tuy đóng quân ở xa nhưng vẫn nhớ ngày về cúng bái tổ tiên và lễ Tết cha mẹ đúng theo phong tục tập quán dân tộc, đã là một sự lễ nghi khuôn phép hiếm hoi rồi. Quả thật một gia đình khó tìm thấy trong thời buổi xã hội tao loạn như thế này. Ông cụ nói vài lời giới thiệu chúng tôi với hai người con trai, Thành và Đạt. Thái độ hai anh khiêm cung, nói năng từ tốn và xem ra rất ngưỡng mộ chúng tôi qua những câu chuyện mà người đời và quân đội thêu dệt về những công tác đặc biệt của một binh chủng bí mật mang nhiều màu sắc huyền thoại.

Sau bữa ăn trưa với món đặc sản quê hương mì Quảng do chính tay mẹ cháu bé nấu đãi khách, hai chúng tôi nói vài lời cảm ơn gia đình và xin phép ra về. Họ khấn khoản mời ở lại chơi một đêm để có dịp hầu tiếp đèn ơ, nhưng tôi từ chối hẹn dịp khác. Cũng là người lính, chúng tôi còn có trách nhiệm với đơn vị, vả lại vì lý do an ninh không cho phép chúng tôi thả lỏng cảnh giác, lơ là ý thức đề phòng. Hiểu được suy nghĩ của chúng tôi nên gia đình cụ không nài ép, chỉ bắt phải nhận một đồng quà Tết nào là bánh ngọt, bánh tét, bánh ỏ, xôi đường và đặc biệt là một cành mai Tết rất lớn, cụ gởi biếu riêng ba tôi. Ông bảo đó là quà cây nhà lá vườn. Riêng cành mai, được chiết từ một cây đẹp nhất trong vườn, đầy búp non và sum suê bông năm cánh sắc vàng rực rỡ. Cụ nâng niu những cành hoa sắc màu vàng tươi vương giả trên đôi bàn tay gầy, bảo rằng đầu xuân có được hoa mai năm cánh là điềm lành báo hỷ cho gia đình trọn cả năm. Cụ chúc ba má tôi và cả nhà an khang, hạnh phúc, phát

đạt. Riêng hai chúng tôi được bình an, sức khỏe và sớm thăng quan tiến chức. Tôi cũng thừa với cụ và gia đình vài lời chúc mừng đầu năm mới rồi từ giã ra về. Hai anh Thành và Đạt giúp chúng tôi mang cành mai ra bên xe đồ gởi chờ về thành phố.

Chợ huyện ngày áp Tết đông vui như hội, người đi kẻ về háo hức. Gởi cành mai xong thấy trời hãy còn sớm, tôi mời hai anh cốc cà phê. Chúng tôi chọn ngồi bàn ngoài vườn, vừa nhâm nhi hút thuốc vừa nhìn quang cảnh chợ Tết, mua bán nhộn nhịp. Trời trong và ấm áp, gió thổi xào xạt qua kẽ lá, linh khí đất trời vào xuân nồng nàn, thấm thiết. Tôi mở đầu câu chuyện với hai người bạn mới quen biết. Tôi nói về ông bố của hai anh, một con người nho học hoài cổ, có phong thái tôn quý và một tấm lòng nhân ái, bắt nguồn từ giềng mối đạo làm người. Ông sống chững chạc trong dòng đời bon chen nghiêng ngửa, vững vàng giữa xã hội phù phiếm tha hóa. Ông đứng vững, xa lạ với tất cả những thay đổi đang chuyển động xô bồ chung quanh, nhưng tâm tư hình như có điều gì ẩn khuất của một nhà nho nhiều ước vọng hoài bảo mà bất đắc chí. Hai anh Đạt và Thành gật đầu biểu đồng tình, ánh mắt có chiều tư lự. Một thoáng băng khuâng tựa như hồi tưởng rồi người thầy giáo bắt đầu tâm tình về câu chuyện gia đình mình ...

Nhà tôi bao đời nổi chí học hỏi, gìn giữ đạo nghĩa Thánh hiền. Cụ Cố nội đỗ tiến sĩ, ra làm quan một thời gian nhưng sớm chán cảnh mũ áo xanh xang, triều nghi khúm núm, nên cáo quan xin về dạy học ở quê nhà. Ông nội, ông ngoại chúng tôi đều là học trò hay chữ của cụ. Nhưng chẳng may sau đó ông nội mất sớm, gia cảnh lâm vào thế khó khăn.

Bà nội lúc đó còn trẻ, có nhan sắc nhưng quyết lòng thất lưng thật chặt, giữ đạo thờ chồng, phu tử tòng tử (chồng chết theo con). Bà trở lại làm nghề gia truyền, đêm đêm chong đèn dệt lụa, ngày ngày ra chợ bán buôn, lập chí nuôi hai con trai ăn học thành tài. Gần gũi giúp đỡ an ủi bà nội ngày đó chỉ có ông bà ngoại, khi đó họ chưa là sui gia. Hai gia đình sống gần bó thùy chung trong mối giao tình thân hữu cố cựu. Ngày tháng trôi đưa, cứ vậy bà nội thách thức với nghịch cảnh, vững vàng đi lên, rồi gia cảnh dần cùng đến lúc trở thành quá khứ.

Cho đến một ngày. Đang giữa phiên chợ nội bỏ về sớm, bắt nước giết con gà mái dầu, nấu một oản xôi, rồi tắm rửa thay đồ sạch sẽ. Bác Tấn và cha tôi lẳng lặng nhìn việc làm của người mẹ cô đơn, thương con cam chịu nhọc nhằn năm tháng. Nội đặt con gà vàng

uom như xôi mỡ và oản xôi nén thành khối hình nón cụt với khay trái cây tươm tất lên bàn thờ tổ tiên và ông nội rồi bảo hai con đến quỳ trước bàn thờ. Nội đốt nhang lâm râm khấn vái, kính cẩn đem chiếc hộp nhỏ trên hương án xuống phủi bụi. Bà lấy bên trong ra cái bao ruột tượng của cụ Cố ngày xưa, đóng đầy gạo rồi đeo lên vai bác Tấn và đặt vào tay con chiếc bao gấm nhỏ đựng tiền, bên cạnh là lều chống ống quyển, hành trang ứng thí. Bà bắt con phải hứa khoa thi này không được phụ lòng mẹ. Nội mỉm cười bảo rằng đời mẹ còn dài, còn phải tiếp tục dệt lụa uom tơ nuôi cả em con thi đỗ mới toại lòng. Quả thật bác Tấn không làm bà nội tôi thất vọng. Ngày con cả vinh quy bái tổ, bà mặc chiếc áo dài lụa trắng, tượng trưng cho lòng trung trinh tiết hạnh của mình, ngồi trên chiếc võng đào để dân hàng phủ rước về⁽⁵⁾. Đến nhà, nội đã làm sẵn mâm cơm cúng tạ ơn. Khách mời chẳng ai khác ngoài gia đình và ông bà ngoại, người bạn học thân thiết của ông nội năm xưa. Đợi bác Tấn thấp nhang xong, nội mời mọi người vào tiệc. Năm đó bà mới bốn mươi, nụ cười còn rạng rỡ, phong độ đang lúc sung mãn hồi xuân. Chiếc eo lưng ong của nội, càng lúc càng được thắt chặt, thắt chặt hơn nữa và gia cảnh càng ngày càng thêm vẻ vang. Nội cho xây lại ngôi nhà. Căn phòng mái đông dành cho bác Tấn, mái tây cho cha tôi, ngôi từ đình uy nghi nằm ở giữa. Phía sau còn lại miếng đất lớn, nội bảo dành cho các cháu. Đó chính là ngôi nhà hiện nay ba tôi đang sống với con gái và cháu bé bị nạn.

Hai năm sau đến lượt cha tôi lều chống đi thi. Cảnh cũ lại tái diễn với đứa con út. Lại thêm một lần nữa nội nở mày nở mặt. Tiếng đồn goá phụ thờ chồng nuôi con ăn học thành tài, lan truyền khắp tổng, phủ. Nội ngẩng cao mặt nhìn cuộc đời mà đã có lần toan vui dập thân liễu yếu đào tơ. Kỳ vọng nuôi con ăn học đỗ đạt đã đại thành viên mãn, duy chỉ còn một điều nội ao ước: hai con trai sớm bề gia thất. Thế rồi, trong bữa tiệc mừng công danh, nội ngoại tôi uớng tiếng kết tình sui gia. Đó cũng là cách bà nội đền đáp ân nghĩa bằng hữu thâm giao thủy chung đối với ông bà ngoại. Năm sau nội đón mẹ chúng tôi về ở chung nhà. Qua năm sau nữa, nội đón con gái một vị khoa bảng về làm dâu trưởng. Nhưng chẳng may số bác gái đoản mệnh, ngay trong lần sinh nở đầu tiên cả hai mẹ con đều qua đời vì băng huyết. Từ đó bác Tấn sống hẩm hiu một mình, không tục huyền với ai khác cho đến ngày từ trần. Bù đắp lại nỗi bi thương bất hạnh của bác, bốn anh em chúng tôi gồm hai trai hai gái, lần lượt ra đời. Hiểu được tâm tình của mẹ cũng giống nguyện vọng của vợ chồng, ba má đặt tên cho chúng tôi là Thành, Đạt, Tâm,

Nguyễn. Bốn anh em lớn lên trong vòng tay ấp iu, chăm bẵm của mẹ và bà nội, trưởng thành dưới sự giáo hoá nghiêm cẩn của cha và bác Tấn. Dòng đời cứ lặng lẽ trôi, những tưởng ngày tháng sẽ mãi mãi êm đềm, nào ngờ đâu sóng gió chực chờ. Năm bốn mươi tuổi bác Tấn bỗng bỏ nhà ra đi mất biệt, không từ giã một ai.

Thời đó, thế hệ tuổi trẻ thanh niên Việt Nam tôn thờ chủ nghĩa yêu nước trong sáng, chưa bị pha trộn bởi bất cứ một chủ thuyết, một thế lực nào. Nổi bước tiên nhân, noi gương ý chí bất khuất của phong trào Văn Thân Cần Vương, huyền thoại chống ngoại xâm oanh liệt của Yên Thế, của Kỳ Đồng, họ nhất tề đứng lên kháng Pháp. Kế tiếp là Việt Nam Quốc dân Đảng, Việt Nam Quang phục Hội, Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội ... lần lượt ra đời. Mọi tầng lớp sĩ phu và hàng hàng trai trẻ ôm ấp giấc mộng giải phóng dân tộc ra đi nhập cuộc. Trước sự áp bức của thực dân, họ chấp nhận hy sinh tất cả, miễn hồ là đánh đuổi được ngoại xâm ra khỏi bờ cõi đất nước thì dầu có phải nát thịt tan xương họ cũng cam lòng. Dân gian truyền miệng hai câu thơ nổi tiếng của Kỳ Đồng:

Tây thiên chi nhật tảo thanh,

Long nhung thủ khởi cốc thành vũ phi.

có nghĩa là:

Hẹn có ngày quét sạch giặc Tây,

Như rồng vươn mình như chim hồng cất cánh.

Do đó sự ra đi của bác Tấn cũng là lẽ thường tình của kẻ lập chí làm trai trong thời buổi tao loạn, không có gì phải ngạc nhiên. Và cũng từ ngày ấy, nội tôi bắt đầu có thói quen đến từ đường tụng kinh hàng đêm.

Khoảng hơn một năm sau thì bác Tấn trở về, cũng bất ngờ và lặng lẽ như ngày ra đi, chỉ khác trước là có dắt theo một ông bạn trẻ người miền ngoài, tính tình hiền lành, tuổi tác kém bác cả chục tuổi, còn nhỏ hơn tuổi ba tôi. Cả hai gầy ốm xanh xao, già sọm. Suốt ngày họ chỉ lẩn quẩn trong nhà, không hề bước chân ra ngoài nửa bước, sống âm thầm ẩn dật như hai chiếc bóng. Nội và ba má đoán chừng họ là người của hội kín. Thời gian này bác Tấn rất chuyên cần luyện võ. Người đàn ông lạ kia chính là thầy dạy võ của bác, nghe đâu ông ta là con nhà dòng dõi võ tướng. Vài tháng sau người bạn của bác ra đi. Bác như bị chứng bệnh trầm uất, vốn đã ít lời bấy giờ bác càng ít lời hơn trước nữa. Cả ngày thơ thẩn ngoài vườn hay giam mình trong phòng, không ai nghe bác Tấn nói một tiếng, một lời nào. Nội nhìn bác xót xa, lo lắng. Cha khuyên lon an ủi thế nào

cũng không được, chỉ còn biết thở dài. Ngày đó tôi đã mười tám nên lơ mơ đoán được nguyên nhân, chỉ vì thất vọng rồi buồn bực quá, không nói ra được thành lời nên bác mới bị sinh bệnh.

Thế rồi chừng nửa năm sau bác bỗng tỉnh lại. Ông bắt đầu lao vào công việc làm ăn. Gom hết vốn liếng, bác Tấn mạo hiểm theo ghe lên nguồn buôn gỗ, đôi tháng mới về nhà một lần. Những bè gỗ lần lượt được chuyển về bến huyện. Bác mượn vốn của nội lập ra trại cưa, thuê người cưa xẻ gỗ bán cho các lái buôn, các nơi đóng đồ mộc ở thị thành lên mua và một phần nhượng lại cho ông An, người bạn cũ của bác, có cửa hiệu sản xuất đồ gỗ gia dụng ở huyện... Ông Tính, người thầy dạy võ ngày trước được bác Tấn nhần vào, giao quản lý hết thảy mọi việc trong ngoài trại cưa, để bác rảnh tay lên nguồn tiếp tục việc khai thác gỗ. Cứ thế, chuyện làm ăn của bác Tấn phát lên trông thấy. Chiếc tủ thờ, bộ tràng kỷ bằng gỗ cẩm lai bè thế; Những cây cột nhà gỗ lim to lớn trong từ đường được chính tay bác chọn gỗ, thuê thợ khéo đóng và chạm khắc vào thời điểm đó, vẫn còn mãi đến nay.

Nội im lặng nhìn sự thay đổi của con trai mà sung sướng trong lòng. Bà càng siêng thấp hương niệm Phật, cầu gia sự bình yên. Bác Tấn cũng bớt tiết kiệm lời nói, bảo ông Tính chọn gỗ tốt, thuê thợ làm một căn nhà hai gian khang trang trong khuôn viên trại cưa, để cả hai tiện ăn ở làm việc. Ông Tính tuân lời. Vài tháng sau nhà làm xong, bác Tấn xin phép bà nội dọn hẳn ra ở ngoài ấy, đôi ba ngày chạy về thăm mẹ, thăm em. Công việc làm ăn mỗi ngày một phát đạt. Trên bộ dưới bến tấp nập tàu xe chuyển những chuyến hàng xuất nhập gỗ.

Bố con tôi những lúc rỗi việc cũng ra phụ giúp bác một tay. Chỉ trong vòng chưa đầy ba năm, cơ ngơi bác Tấn đã vững vàng, thị trường buôn bán đã mở rộng đi khắp nơi và tiếng tăm đã vang dội khắp huyện, thành.

Thời gian này xã hội đầy đầy những bất ổn. Sau ngày trưng cầu dân ý 23.10.1955, hiến pháp miền Nam ra đời, thành lập thể chế Cộng Hòa Dân Chủ. Từ đây, đất nước có hai chế độ; Việt Nam Cộng Hòa ở miền Nam với Tổng thống chế; Miền Bắc vẫn là nhà nước Việt Nam Dân Chủ ra đời ngày 2.9.1945 do đảng Cộng sản lãnh đạo gọi là chuyên chính vô sản, độc tôn một mình. Ban đầu, VN Cách mạng Đồng minh Hội cố gắng đóng trọn màn trình diễn chống thực dân để “thêm bạn bớt thù”, lôi cuốn tư sản dân tộc và nhiều người yêu nước theo về với mặt trận hòa bình trường thế lực. VN Cách mạng Đồng minh Hội giống như loài ốc mượn hồn, vỏ ngoài

mang nhãn hiệu “quốc gia dân tộc” trong ruột thực chất là Cộng sản độc tài đảng trị, gian ác tàn bạo còn hơn cả thực dân phong kiến. Nhưng chỉ một thời gian ngắn người dân đã bóc trần bộ mặt dối trá, đều cáo, giả nhân giả nghĩa của đảng. Một số đồng chí chính trực đi theo con đường đấu tranh dân tộc, không chịu tiếp tục hợp tác với Cộng sản lập tức bị đảng ra lệnh bắt giam cầm, tra tấn hay thủ tiêu liền ngay sau đó. Ngày 29.4.1957 người lính viễn chinh Pháp cuối cùng xuống tàu về nước tại Cape Saint Jacques (Ô Cáp, Bà Rịa-Vũng Tàu), chấm dứt 97 năm thực dân thống trị trên đất nước Việt Nam kể từ khi đổ bộ lên Đà Nẵng vào năm 1858. Năm 1957 cũng là năm đảng Cộng sản VN bắt đầu phát động một cuộc cách mạng vũ trang. Những trận gió tanh mưa máu khủng khiếp bởi thanh trừng, ân oán giang hồ do Việt Minh tiến hành chủ mưu đã giết hại không ít nhân tài nhân sĩ, tàn sát những phần tử quốc gia yêu nước chân chính, nhằm loại trừ phe đối lập, chủ yếu là VN Quốc Dân Đảng nổ ra như cơn bão tố, tràn lan khắp cả ba miền đất nước. Ngày 20.12.60 họ chính thức ra mắt “Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam” tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Tất cả những biến động nói trên, luôn luôn là nỗi ám ảnh kinh hoàng của mọi tầng lớp nhân dân lương thiện ngày ấy.

Tôi lúc đó đã tốt nghiệp sư phạm, ra trường xin về huyện dạy cho gần nhà. Đến lúc lập gia đình, bà nội cho miếng đất phía sau nhà, bác Tấn cho gỗ, tiền để vợ chồng tôi xây nhà ở riêng trong khuôn đất của dòng tộc. Chú Đạt không thích nghiệp văn, tình nguyện vào Đà Lạt theo nghề võ. Mãn khóa chọn về phục vụ một đơn vị tác chiến tại tỉnh nhà. Thỉnh thoảng chú chạy đi chạy về thăm nội, thăm ba má. Gia đình chúng tôi chỉ còn lại hai đứa con gái là Tâm và Nguyễn đang độ tuổi đến trường trung học.

Từ lâu, bác Tấn thương yêu và xem ông Tính như ruột thịt nên dạy chúng tôi gọi ông ta bằng chú. Đã nhiều lần bác thúc hối chú Tính lập gia đình, nhưng mãi đến lúc đã ngoài bốn mươi chú mới quyết định lấy vợ. Bác Tấn đứng chủ hôn lễ cưới chú Tính với người con gái ở làng bên. Cô hiền thực đảm đang, thua tuổi chú cả con giáp. Sau ngày cưới, bác dành hẳn một căn nhà cho vợ chồng chú Tính. Giao tình giữa hai người ngày thêm gắn bó. Cuối tuần cả ba thường đưa nhau về thăm nội và tổ chức ăn uống như người trong một nhà. Nội cũng rất hài lòng và thương mến vợ chồng chú Tính. Mặc dầu được bác Tấn tin tưởng, giao phó quản lý mọi việc lớn nhỏ trong ngoài, nhưng nhất nhất chú đều xin ý kiến của bác. Số

sách tiền bạc phân minh, hàng tháng chủ Tính giao đầy đủ, chỉ xin giữ lại một ít cho vợ chồng tiêu dùng.

Ngoài chủ Tính ra, tình cảm thân thiết của bác Tấn còn phải kể thêm người đồng chí cũ là ông An nữa. Cửa hàng mộc của ông An ngày càng phát triển quy mô, tỷ lệ thuận với mối giao tình giữa hai người, nhưng có lẽ khăng khít nhất là thời gian sau lễ đính hôn giữa cô em gái đầu của chúng tôi với đứa con trai cả của ông An. Một năm sau họ tiến hành đám cưới. Tâm, em gái tôi về làm dâu nhà ông An ở xã cạnh bên, nơi có mảnh vườn đã xảy ra câu chuyện cháu bé bị rắn cắn rồi được các anh giúp đỡ đưa đi cứu chữa. Và, thảm cảnh bắt nguồn từ những con người vô thần cuồng tín của vùng quê đó.

Việt Minh tiến hành những vụ bắt cóc, thủ tiêu, ám sát những người quốc gia đối lập trong hàng ngũ các đảng phái, đoàn thể diễn ra hàng ngày, hàng đêm một cách dã man, rùng rợn. Ở huyện Duy Xuyên, họ dàn dựng vụ Cầu Chiêm Sơn, cho người phá đường rày xe lửa xuyên Việt để làm hại đoàn quân Nam tiến, rồi bắt đi hàng trăm người, đa số là đảng viên Việt Quốc chống đối chúng; Ở chợ Hà Lam, vài chục người quốc gia bị họ đánh chết rồi đem phơi thây ngoài chợ để răn đe dân chúng. Càng ngày họ càng lộng hành, sống trà trộn vào nhà dân nên lính quốc gia đi hành quân không thể bắt được. Người dân sợ trả thù không dám tố giác, chấp nhận sống trong âu lo phập phồng và nỗi chết oan khiên bất ngờ.

Một lần... Ở trên nguồn trở về chuyến này bác Tấn cảm thấy mệt mỏi, sức khỏe suy giảm. Nhẩm tính, thấm thoát mới đó mà đã năm mươi. Bác nghĩ bụng mình quả thật già rồi. Đang ngồi tư lự, bỗng thằng Khanh - con ông An, chồng của Tâm - chạy chiếc lambretta vào sân. Nó chào ông rồi chuyển lời của cha nó, mời ông và chú Tính chiều nay ghé nhà uống rượu, có món tiết canh lòng heo bác thích. Bác Tấn nhủ thầm, ông An lúc này làm ăn có vẻ khá nên thường bày ra tiệc nhậu nhiều hơn trước. Bác cũng định bụng hôm nào bàn với em trai, chọn ngày lành tháng tốt ngã con bê mừng thọ trẻ bảy mươi cho mẹ, đồng thời cũng mời trả lễ ông An một lần cho phải phép. Năm rồi lu bu công việc quá, nên mẹ bảo hẵng để năm nay mừng tuổi mẹ cũng được. Buổi chiều xong việc ở xưởng cưa, bác vào rủ chủ Tính cùng đi nhưng chủ ấy từ chối, bảo bị nhức đầu. Bác đạp xe ra đi một mình. Khuya hôm đó bác về nhà lúc nào không ai hay biết ... Mãi đến gần sáng, người gác đàn trại cưa mới chạy đến đập cửa nhà chúng tôi báo hung tin là bác đã chết. Cả nhà bàng hoàng sững sốt, bà nội bị xúc động ngất xỉu, mọi

người xúm lại cấp cứu rồi giao cho mẹ và vợ tôi ở lại săn sóc cho bà.

Trên đường đến nhà bác, bố con tôi không hiểu bác bị bệnh gì mà đột ngột qua đời, nhưng khi đến nơi chúng tôi mới phát hoảng khi nhìn thấy cảnh sát và lính nghĩa quân huyện đã cô lập căn nhà bác ở. Chúng tôi được phép vào vì là người thân. Nhìn thi thể bác Tấn bê bết máu nằm gục chết trên sàn, cha tôi khụy xuống bật khóc nức nở. Tôi cũng tan nát cả cõi lòng. Đồ đạc trong phòng nghiêng ngả ngổn ngang như vừa xảy ra trận kịch chiến; Máu vương vãi khắp nơi và đọng thành vũng lớn gần chỗ bác nằm. Tôi đau đớn nhìn thân thể bác bị đâm chém ngang dọc, cổ họng vỡ toát, khuôn mặt méo mó biến dạng vì những đường dao băm nát. Cặp mắt trợn trừng đầy vẻ kinh hoàng. Ba tôi quỳ xuống cạnh thi thể bác, vừa khóc vừa van vái rồi vuốt mắt cho người anh bất hạnh. Đôi mắt bác vẫn trơ trơ bất động không chịu khép lại. Bên khoé mắt bỗng ứa ra giọt lệ long lanh như có oan tình uất ức. Cha tôi càng đau lòng khóc ngất. Bác hiền lành nhân ái, cả đời chẳng làm mếch lòng ai sao bỗng dưng có kẻ nhẫn tâm hạ độc thủ, giết bác một cách dã man như vậy. Tôi quay sang hỏi người cảnh sát tự này giờ vẫn đứng yên lặng theo dõi chúng tôi. Ông lẳng lẳng đưa cho cha tôi một mảnh giấy nhỏ, giọng trầm đục: “Bản án ghim trên ngực áo nạn nhân”. Tôi lạnh người nhìn cha mở miếng giấy, lòng thầm nghĩ: “bác có kẻ thù sao?”. Mới lướt mắt nhìn sơ qua mảnh giấy, cha tôi bỗng đứng bật dậy vùng chạy ra khỏi phòng, vừa chạy ông vừa gầm lên: “Thằng Tính đâu? Thằng bát nghĩa đâu?”. Tôi chạy theo sau cha tôi qua phòng vợ chồng chú Tính thì bị mấy người an ninh giữ lại trước cửa phòng. Nhìn vào bên trong, thấy có vài người cảnh sát đang lục lọi tìm kiếm. Đến lúc đó tôi mới biết người gây ra thảm án lại là chú Tính, với mảnh giấy để lại ghi mấy chữ đơn giản nhưng rung rợn: “Tử hình tên Việt gian phản bội”, phía dưới ký tên Nguyễn Tính.

Hôm sau sự việc được sáng tỏ tại cơ quan cảnh sát. Thím Tính bị giam giữ điều tra. Chúng tôi được xem biên bản cung từ của thím kể lại ...

“... Đêm đó vợ chồng thím đang ngủ thì nghe tiếng động bác Tấn về, lúc ấy khoảng nửa đêm. Bác vốn ít thích rượu chè bê tha, nhưng lần này bác có vẻ say và bức tức chuyện gì đó nên luôn miệng lảm nhảm, có lúc bằng tiếng Pháp, có lúc đọc thơ rồi thỉnh thoảng lại la lớn: “Đồ cộng sản bịp bợm. Đồ lưu manh”. Một lúc sau thì im bật, có lẽ bác đã ngủ say rồi. Vợ chồng thím lại tiếp tục

giấc ngủ dở dang. Rồi không biết đến bao lâu thím bỗng choàng tỉnh khi nghe tiếng xô ngã bàn ghế đồ đạc, tiếng đánh nhau, vật nhau huynh huych. Quờ tay bên cạnh không thấy chú Tỉnh đâu, thím hoảng hồn chạy ra phòng khách. Chưa kịp đến nơi thì nghe một tiếng rú thất thanh có vẻ đau đớn, rồi tiếp đó là tiếng gào lớn của chú Tỉnh: “Đồ phản bội, tao giết mày”. Ngay khi ấy có mấy tiếng súng nổ vang dội trong phòng bác Tấn. Hồn bất phụ thể, thím tông cửa chạy vào thì chỉ kịp nhìn thấy một bóng người hao hao như chú Tỉnh, đang lao mình qua cửa sổ rồi mất hút trong bóng đêm tăm tối. Còn lại trong phòng có mỗi bác Tấn nằm gục chết dưới sàn nhà, máu vương vãi khắp nơi và đồ đạc đổ vỡ ngổn ngang. Cùng lúc đó thì máy anh ở dưới trại cura cũng vừa kéo tới.”

Anh Thành ngưng kể, mặt đượm buồn, trầm ngâm quay nhìn Đạt. Người em mặc quân phục dáng phong trần bởi gian khổ năm tháng chiến trường, ánh mắt xa xăm lảng động. Không khí buổi chiều xuân bỗng chốc ảm đạm như lòng người tan tác sau câu chuyện thương tâm. Tuy nhiên, tôi nhận thấy bị kịch vừa nghe kể chẳng có tí gì liên quan tới cháu bé bị rắn cắn, hay còn có điều uẩn khúc gì khác? Quả vậy, vừa lúc đó Đạt lên tiếng:

Đang thụ huấn tại quân trường, tôi được đi phép đặc biệt về chịu tang bác Tấn. Nội vật vả ngày đêm không thiết tha ăn uống, thân thể tiêu tụy trông thật thảm hại. Cha tôi ngờ ngẩn không nói nữa lời, cả ngày chỉ lặng lẽ thở dài. Cảnh nhà thật buồn bã. Tôi trở lại quân trường sớm hơn ngày phép vì không chịu nổi cảnh mất mát, buồn đau. Đến ngày mãn khóa tôi chọn đơn vị ở ngay tỉnh nhà. Thời gian sau đó tôi có nhiều cơ hội đi hành quân khắp nơi, và hy vọng sẽ có một ngày tìm ra được ông Tỉnh là kẻ đã giết chết bác Tấn. Thế nhưng ngày ấy chưa đến thì một năm sau, bất ngờ tôi nhận được lệnh gọi về trình diện Sở I An ninh Quân đội. Trên đường về Đà Nẵng, lòng tôi phân vân không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Về đến nơi tôi càng ngạc nhiên hơn nữa khi gặp anh Thành. Cũng như tôi, anh nhận được lệnh gọi của ANQĐ. Sau đó, người tiếp chúng tôi là một sĩ quan mang cấp bậc trung úy, ông tự giới thiệu thuộc bộ phận “phản tình báo”. Anh ta kể lại khái quát một chiến dịch hành quân và cuối cùng đề cập đến lý do chúng tôi được mời.

“Phối kiểm tin tức tình báo khả tín của các đơn vị thám sát và quân báo, cho biết chính xác quân chính quy Bắc Việt hiện đang tập trung quy mô tại vùng Thường Đức. Bộ Tư Lệnh Quân đoàn I quyết định điều động một đơn vị tình nhuệ mở một trận đột kích bằng trực thăng vào căn cứ địch. Yếu tố bất ngờ đã mang lại kết quả

khả quan. Ta phá hủy được nhiều kho tàng vũ khí và quân lương, vô hiệu hóa vài đơn vị pháo binh địch, đồng thời may mắn giải thoát được một số chiến sĩ bị địch bắt làm tù binh trước kia và mấy thường dân, trong số đó có một ông già bị chúng tra khảo dã man dẫn đến bại liệt. Hỏi ra mới biết tuổi ông chỉ ngoài bốn mươi, nhưng vì bị bỏ đói và hành hạ quá lâu nên thành già sòm trước tuổi. Ông đã kể lại một thảm án có liên quan đến hai anh, nên cơ quan an ninh phải mời hai anh về để xác minh, làm rõ nội tình.

Vị Sĩ quan an ninh (AN) kết thúc câu chuyện với lời dặn dò:

- Nếu hai anh gặp mặt ông già và xác nhận thảm án là một sự việc hoàn toàn có thật, thì chúng tôi sẽ tru liệu một kế hoạch hoàn hảo để bắt trọn ổ bọn kinh tài Việt cộng nằm vùng. Điều duy nhất chúng tôi yêu cầu hai anh là phải giữ hoàn toàn bí mật cho đến ngày kế hoạch thành công. Đó cũng là lý do vì sao chúng tôi không mời những người trong gia đình hai anh đến cơ quan an ninh."

Anh em tôi hoang mang vô cùng, tự hỏi: "Ông già nào bị Việt cộng bắt mà lại biết rõ gia đình, anh em chúng tôi? Anh hai và tôi rà soát lại trong gia tộc không có ai theo cộng sản hoặc bị Việt cộng bắt. Vậy ông già này là ai?". Câu hỏi đeo đuổi chúng tôi mãi đến lúc được vị Sĩ quan an ninh hướng dẫn qua một căn phòng khác để gặp mặt con người bí ẩn.

Một ông lão tật nguyên ngồi trên chiếc xe lăn, tóc rụng gần hết, khuôn mặt khô héo trở lạnh, thân hình còm cõi ốm yếu. Nơi con người ông chỉ còn duy nhất cặp mắt là có hồn, đang lặng lẽ trầm uất như hồi tưởng quá khứ. Nhìn ông lão, tuy xa lạ nhưng tôi có cảm giác quen thuộc mơ hồ, không hiểu là do linh cảm mách bảo hay tại vì sao? Ngược lại, khi nhìn thấy chúng tôi khuôn mặt ông lão bỗng rạng rỡ hẳn ra, cặp mắt ánh lên vẻ vui mừng. Ông nhìn chăm chăm hai anh em tôi rồi cất tiếng nói yếu ớt:

- Cháu Thành, cháu Đạt có nhận ra chú không?

Thoáng nghe qua giọng nói tôi bỗng giật thót người. Có phải đây là sự thật không? Trước mặt tôi hiện hữu là con người mà rờn rã suốt một năm nay, tôi vượt núi trèo non, không nề gian khổ tử sinh chỉ mong tìm ra tung tích nhưng vẫn biệt vô âm tín. Thế mà nay bất ngờ lại xuất hiện trước mắt tôi, bằng xương bằng thịt. Con uất hận chợt bốc lên. Tôi bước tới gần, gần giọng hỏi:

- Ông có phải là ông Tính không?

Lão nhẹ gật đầu. Người tôi bùng bùng nóng ran. Hình ảnh bi thương của bác Tấn hiện về làm máu tôi sôi lên sùng sục. Tôi quát lớn:

- Ông là phùng vong ân bội nghĩa.

Anh Hai tôi nghiến chặt hàm răng, mặt tái nhợt, ánh mắt như phát lửa, cơn giận hùng hực làm chân tay anh run lẩy bẩy, co giật từng cơn. Anh hét lớn:

- Kẻ giết người.

Vị Sĩ quan AN bước vội lên đứng ngang ở giữa, giọng anh nhẹ nhàng nhưng nghiêm nghị:

- Hai anh hãy giữ bình tĩnh, đừng vọng động. Tôi đã nghe ông Tính kể rõ hết sự tình và đã cho kiểm chứng, xác minh. Sự thật hoàn toàn không như hai anh và mọi người nghĩ. Tất cả đều là kế hoạch do một tay cộng sản chỉ đạo thực hiện, mà nạn nhân là ông Tính và người bác ruột của hai anh. Tất cả đều đã bị mắc lừa.

Anh mời chúng tôi ngồi rồi nhìn chú Tính đợi chờ.

Nghe lời nguyên rủa của anh em tôi, khuôn mặt chú Tính có vẻ xúc động, cặp mắt buồn bã long lanh đôi dòng lệ. Chú thở dài, nói giọng nghẹn ngào:

- Chú không trách hai cháu đâu. Đặt vào vị trí của các cháu, chú cũng sẽ đối xử như vậy. Duy có điều chú cần phải nói để hai cháu rõ. Cuộc đời chú từ ngày bị cộng sản bắt, hành hạ, tra khảo chết đi sống lại, chú đã chẳng còn gì để luyến tiếc, nhưng chú hẳn nhục ráng sống đến ngày hôm nay là để minh oan và thông báo cho bà nội các cháu biết một sự thật vô cùng quan trọng, để gia đình khỏi bị lâm vào một hoàn cảnh khó xử, nhất là với cháu Tâm, càng không phải chịu đau khổ, ân hận về sau.

Chú Tính ngừng lời, đưa tay run rẩy vạch áo cho chúng tôi xem những vết sẹo ngang dọc trên khắp thân thể do bị tra tấn và một vết thương trên ngực đã được băng bó nhưng còn rỉ máu. Lúc đó anh em tôi vẫn chưa hiểu hết lời nói xa xôi của chú Tính. Tại sao trong sự việc này lại có liên quan đến Tâm, em gái tôi. Chú Tính nói tiếp:

- Những ngày bị giam cầm đầy đọa, có lúc chú hoang mang lo sợ sẽ chết mất xác trong rừng sâu, không được nói ra những điều bí mật của kẻ thù. Chú ráng sống, cắn răng chịu đựng mọi sự hành hạ dã man cũng chỉ mong có ngày hôm nay, được nói ra hết sự thật. Tháng trước quân đội Cộng hòa bất ngờ mở cuộc tấn công vào mặt khu khiến giặc trở tay không kịp. Khi rút chạy, chúng biết không thể nào mang theo một kẻ tàn tật như chú nhưng cũng không muốn chú sống để tiết lộ những cơ sở còn hoạt động bí mật, chúng liền ra tay hạ độc thủ. May mắn trời còn đoái thương kẻ bị mang hàm oan. Vì

hốt hoảng nên loạt đạn chỉ trượt qua người, gây thương tích ở bên ngực và sau đó chú được lính quốc gia cứu sống kịp thời.

... Chú Tính vốn dòng dõi quan Đại danh thần Nguyễn tri Phụng đời nhà Nguyễn. là vị Tổng chỉ huy quân dân Việt Nam chống trả quyết liệt liên quân Pháp - Tây ban Nha lần lượt ở các mặt trận Đà Nẵng (1858), Gia Định (1861) và Hà Nội (1873). Tại Quảng Nam Đà Nẵng, thực dân đã phải đương đầu với một đạo quân mình trần chân đất, vũ khí thô sơ nhưng dư thừa dũng khí và lòng hy sinh can đảm. *“Coi cút làm ăn, riêng lo nghèo khổ, vốn chẳng phải quân cơ quân vệ, chẳng qua là dân ấp, dân lân; Ngoài cật có một manh áo vải, trong tay dùng một ngọn tầm vông, đã lao vào giặc Pháp để thà thác màặng câu địch khái, về theo tổ phụ cũng vinh, hơn còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man di rất khổ.”*⁽⁶⁾ Và cuối cùng Pháp đã phải bỏ cuộc. Tháng 3 năm 1860, chúng rút quân vào Gia Định.

Mang dòng máu anh hùng, chú Tính tham gia phong trào chống thực dân rất sớm, từ lúc còn đi học. Trên bước đường hoạt động cách mạng, chú đã gặp bác Tấn và kết nghĩa đệ huynh. Khi bộ mặt đối trá của phong trào kháng Pháp phơi trần, biến thành đảng Cộng sản tàn hại sinh linh, khiến nhân tâm đồ thán, hai anh em bắt đầu chán nản và bất mãn. Họ rủ nhau bỏ trốn về Quảng Nam ẩn dật ở nhà bác Tấn, chờ vài tháng sau tình hình yên lắng, chú Tính già từ bác lần dò tìm đường ra quê. Thế rồi nửa năm sau, chú lại khăn gói trở vào khi được tin nhắn của người nghĩa huynh. Từ đó, anh em chí thú làm ăn không màng đến chuyện gì khác. Ngày lập gia đình chú nghĩ sẽ ở lại vĩnh viễn trên quê hương vợ, không đi đâu nữa cả. Ông An ngày trước cũng là một thành viên trong phong trào ngụy danh dân tộc kia. Tình cờ họ gặp lại. Cứ tưởng cùng tâm trạng bị gạt, hoàn cảnh ly khai nên dễ dàng trở thành bạn làm ăn thân thiết với nhau. Rồi kế tiếp sau đó là suy gia của ba má tôi khi Khanh cưới Tâm về làm vợ.

Vài năm trôi qua, bác Tấn trở nên giàu có tiếng tăm và cũng từ đó bắt đầu có những người khách lạ bất ngờ đến viếng bác trong đêm khuya vắng vẻ. Chuyện này bác Tấn dấu kín tất cả mọi người, chỉ tiết lộ với chú Tính và ông An là hai đồng chí cũ biết mà thôi. Những người khách không mời kia chính là cán bộ Việt minh, hay nói đúng hơn là của “Mặt trận giải phóng”. Ban đầu họ kêu gọi bác Tấn sự ủng hộ tài chánh nhưng càng về sau họ càng lấn lướt tỏ rõ thái độ hăm dọa, yêu sách những điều không thể chấp nhận được như: cung cấp súng đạn chất nổ, vẽ sơ đồ các kho tàng, vị trí đồn trú

của quân đội quốc gia ... Đã có lúc bác Tấn muốn trình bày tất cả mọi việc lên cơ quan an ninh nhưng sợ liên lụy đến gia đình, do đó bác nấn ná tìm kế hoãn binh, cố kéo dài thời gian, âm thầm trù liệu với chú Tính cất dấu hết số vàng dành dụm được bấy lâu, đồng thời bán trại cưa, nhà cửa, máy móc, ghe tàu ... rồi hai người đưa mẹ và các em, các cháu chuyển hết về Đà Nẵng là nơi an toàn để sinh sống. Bác bắt đầu kín đáo tìm người mua. Vài người chủ trại mộc thân thiết được mời đến, trong số đó có cả ông An. Sự việc mua bán chưa ngã ngũ vào đâu thì những con người bí mật kia bỗng xuất hiện. Không biết do ai báo cáo nhưng họ đã rõ ý định bác Tấn muốn thanh toán hết tài sản để ra đi. Chúng tro trên đưa ra đề nghị nếu bác bằng lòng hiến dâng tất cả gia tài, của cải cho Mặt trận thì ngược lại bác sẽ được vinh danh và kết nạp vào đảng cộng sản ngay lập tức. Không còn ngần ngại thêm được nữa, bác cương quyết phản đối và vạch trần những thủ đoạn đê hèn cũng như dã tâm đen tối của lũ người đầy cuồng vọng và hiểm độc, tham lam ấy. Lần đó, bác Tấn đã biểu hiện đầy đủ cái dũng khí oai phong quật cường của một nhà nho yêu nước chân chính, không nao núng khuất phục trước bạo lực đen tối và sẵn sàng trực diện đối đầu với bọn hiếu chiến cuồng sát, dẫu phải trả giá bằng chính sinh mệnh.

Ngay sau khi chúng bỏ đi, lập tức hàng trăm lượng vàng y Kim Thành và mớ hột xoàn đá quý được chính tay bác và chú Tính mang đi đào, chôn giấu dưới tủ sách, cạnh bên chậu Lão Mai vàng tứ quý và mấy khóm Cúc tần, trong căn phòng mái đồng của bác đã để trống bấy lâu nay. Bác thông tuệ sáng suốt lo xa.

Hôm sau, bác Tấn trở lên nguồn sắp xếp tất cả công việc của tổ hợp gỗ, thanh toán mọi khoản tiền lương và thưởng tiền hậu hĩnh cho các công nhân, rồi giải tán tổ khai thác gỗ, nhóm kéo gỗ và vận chuyển trên sông, tuyên bố chính thức đóng cửa cơ sở làm ăn. Tuần sau bác trở về.

Thế rồi một tuần sau, vào một buổi chiều, ông An cho thằng Khanh đến mời bác Tấn và chú Tính tới nhà nhậu tiết canh lòng heo là món họ khoái khẩu. Chú Tính bị nhức đầu ở nhà, nên bác Tấn đi một mình.

Chiều hôm đó tại nhà ông An, bác gặp chuyện bực mình, cãi nhau to tiếng với mấy người lạ mặt nên trái với thường lệ, hôm nay bác uống hơi nhiều rượu. Khi về đến nhà trời đã khuya nhưng bác không làm sao ngủ được, tâm trạng bất an, bác đi lòng vòng trong phòng, miệng lầm nhảm nói, chửi một mình, lúc tiếng Việt, lúc tiếng Pháp. Rồi linh cảm mơ hồ báo động. Bác chong đèn viết một

lá thư dặn dò chú Tính mọi điều, nhưng thư chưa viết xong thì bọn hung đồ đã xuất hiện. Chúng gồm ba tên, một trẻ, một trung niên và một bịt mặt, dùng mã tấu xáp đến định khống chế bác Tấn. Chúng không ngờ bác biết võ, chống cự lại quyết liệt. Tuy nhiên thân già sức yếu thế cô, bác bị chém trúng vài nhát dao, máu ra nhiều nên dần dần đuối sức ... Cuối cùng chúng hạ độc thủ. Vừa lúc đó chú Tính xuất hiện, ngay lập tức xung trận. Chú hét lớn như sấm nổ, nhảy vút vô phòng tựa tia chớp. Hai bàn chân chưa chạm đất thì ngọn song cước đã phóng vù ra. Đường quyền gia truyền tuyệt kỹ của dòng dõi võ tướng đã đón ngã lập tức hai tên tuổi trẻ, tay quyền đâm vào mặt tên trung niên. Cả ba cây thịt đồ nhào xuống sàn nhà nằm bất tỉnh. Chú Tính chạy đến nâng bác Tấn dậy. Người bác đầy vết thương, cổ họng bị một nhát mã tấu vỡ toác, máu phun có vòi. Bác không nói được, chỉ đưa đôi mắt lạc thần nhìn chú Tính, rồi nhìn vào bàn tay trái của mình. Dõi theo ánh mắt, chú thấy nơi bàn tay bác Tấn vừa mở ra có một mảnh giấy, chú vội vàng lấy đọc. Vừa lướt qua những dòng thư, chú Tính ngẩn ngơ chết sững, mắt trợn ngược, nghiêng rặng treo treo rồi quay qua ba tên hung đồ. Khi ấy chúng vừa tỉnh dậy, hai tên đã treo qua cửa sổ thoát ra bên ngoài, tên bịt mặt còn đang bám lơ lửng trên cửa. Chú Tính gầm lên bắt người lao đến, cánh tay vươn dài ra chụp tấm khăn tên bịt mặt giật mạnh, cùng lúc có mấy tiếng súng nổ vang lên liền nhau. Chú thấy nhói đau bên hông, cánh tay rũ xuống. Sức lao đẩy chú văng qua cửa sổ, ngã nhào ngoài sân. Chú Tính biết mình đã trúng đạn nhưng cùng lúc chú cũng phát hiện ra tên bịt mặt chính là Khanh - chồng Tâm, đúng như điều suy đoán về cha con ông An mà bác Tấn đã ghi lại trong thư. Bị lộ diện chúng quyết định bắt chú Tính mang theo để khai thác nơi giấu vàng đồng thời giữ kín được thân thế, tổ chức và đồ tội giết người cho chú. Thằng Khanh nhanh chóng trở vào nghi trang bản án trên ngực người chết rồi trở ra cùng đồng bọn dẫn chú Tính tẩu thoát.

Từ đó chú Tính trở thành tên tội đồ, muốn chết không được, muốn sống không yên. Chúng đưa chú vào hang ổ đầu não rồi thay nhau tra khảo chết đi sống lại nhiều lần để tìm ra nơi chôn giấu vàng. Nhưng chú Tính khôn ngoan biết rằng, dẫu có khai thật thì kết quả cũng vẫn là cái chết, có khi còn đến sớm hơn. Thà là lửng lơ nửa vời may còn hy vọng giữ được mạng sống và biết đâu sẽ có cơ may trốn thoát, để làm sáng tỏ nỗi oan tình và chỉ ra nơi chôn giấu của cải cho gia đình bác Tấn biết, hầu đền đáp tấm tình bằng hữu thâm giao bao năm đùm bọc thương yêu. Do đó, chú Tính lần nữa

đòi phải gấp mặt tên An mới chịu nói ra nơi cất giấu vàng. Quả thật, chúng đề chú yên. Mấy tháng sau tên An vào mặt khu gấp chú, đến lúc đó thì chú mới biết rõ. Từ lâu tên An được cán bộ cộng sản gài lại nằm vùng để hoạt động nội tuyến, nhưng sợ bị lộ vì đã gặp mặt bác Tấn ở trong căn cứ kháng chiến, nên giả vờ đóng vai bất mãn ly khai để nguy trang che dấu. Chú Tính suy nghĩ tính toán, lựa tìm một chỗ giấu vàng thật khó đào bới nhưng hợp lý để gạt tên An. Chú bảo rằng dưới nền đất của nhà kho chứa gỗ, nơi đó chính là chỗ cất giấu vàng. Tên An hý hửng trở về, chắc mẫm phen này tìm được nhiều vàng lập công lớn với đảng. Ông ta đâu có ngờ dưới lớp đất đá cằn khô kia chẳng có vàng ròng đá quý gì cả, mà chỉ là nỗi hận thù của hai nạn nhân quân tử nhẹ dạ, vì cả tin người bạn đồng chí mà ôm hận mệnh chung. Phần chú Tính, sau khi tên đề tiện đi rồi, chú thanh thản đợi chờ cái chết như con chiên dọn mình sẵn sàng về nước Chúa. Nhưng, trời cao có mắt ... chú được quốc gia cứu thoát. Khi quân đội mở cuộc đột kích, tên nhận lệnh giết chú vì hoảng sợ nên nổ súng bắn nhàu vào chú, đinh ninh rằng chú đã chết và bí mật sẽ vĩnh viễn nằm trong bóng tối.

Chú Tính chấm dứt câu chuyện kể đoạn đời bi thương nghiệt ngã đầy kinh hoàng và hận thù của chú bằng giọng trầm buồn, cam phận. Không cảm được những giọt nước thương tâm, anh em chúng tôi bước đến trước mặt chú, vòng tay cúi đầu tạ lỗi. Ánh mắt chú Tính hiền lành bao dung, đưa tay kéo anh em tôi vào lòng. Chú vuốt ve trìu mến như ngày xưa khi chúng tôi còn bé. Mặt chú rạng rỡ vui mừng, nhưng đôi mắt thì ướt đẫm lệ.

Đơn vị tình báo phản gián của Sở I An ninh quân đội sau khi được anh em tôi xác minh ẩn tình câu chuyện ly kỳ, đã mời chúng tôi cùng tham gia kế hoạch gài bẫy tinh vi, để bắt trọn ổ bọn nội tuyến kinh tài nằm vùng Việt cộng. ANQĐ can thiệp cho tôi được phép vắng mặt dài hạn tại đơn vị hành quân vì công tác đặc biệt.

Chú Tính trở lại quân y viện, tiếp tục điều trị thương tích, tạm thời cách ly chưa cho gia đình biết tin, chờ đến khi hoàn tất kế hoạch sẽ đoàn tụ với thím sau.

Chia tay với vị sĩ quan tình báo, tôi đóng vai một người lính đi phép về thăm quê bình thường. Hôm sau chờ lúc cả nhà đi vắng, hai anh em tôi theo lời chỉ dẫn của chú Tính, đến căn phòng mái dồng của bác Tấn, đào sâu dưới tủ sách, bên mấy cụm lão mai, cúc tần. Quả thật, chúng tôi đã tìm thấy chung quanh mấy hòn đá xanh chẵn quanh làm dấu, là một thùng sắt đại liên đựng đầy những thẻ

vàng lá và một số vòng ngọc, nhẫn kim cương, hột xoàn. Một tài sản đồ sộ. Không ai nói nửa lời, anh em tôi đồng chấp tay hướng vọng vào thính không bái tạ, cầu nguyện hương hồn bác Tấn hiển linh giúp hai cháu trả được mối gia thù và xin độ trì cho chú Tính, người bạn thủy chung của bác, được sớm bình phục và an lành trong những ngày cuối đời. Kế tiếp, chúng tôi bắt đầu tiến hành kế hoạch của ANQĐ đã vạch ra.

Thời điểm đó cuộc sống nông thôn có phần xáo động. Quân đội Cộng hòa tuy đã phát triển lớn mạnh, nhưng cũng không đủ lực lượng để bảo vệ và duy trì an ninh đến cấp xã ấp. Giặc cộng từ núi rừng lén lút xâm nhập xuống đồng bằng; Du kích trước đây trốn chui nhủi sống bám vào dân, nay cũng vùng trộm xuất hiện.

Chiều hôm đó, trên “Nghênh phong Các” giữa lòng hồ sen mát mẻ, chúng tôi mời cha uống rượu. Anh chị hai bảo có mua được mớ lòng heo tươi ngon, sẵn dịp tôi về phép nên mời nhậu vài ly cho vui. Đợi khi ăn uống xong, anh Hai pha bình trà mời cha rồi kể tai nói nhỏ. Hai mắt cha tôi mở lớn, sững sốt lẫn mừng vui. Chúng tôi đưa ông vào phòng bên trong, chỉ cho cha thấy thùng vàng đầy ắp. Anh Hai xa gần gợi ý:

- May mắn bất ngờ, chúng con tình cờ phát hiện được tài sản của bác Tấn để lại. Số của cải này đủ để cho gia đình ta sống trọn đời, nhưng cũng chính vì nó mà bác đã vong mạng. Tình hình an ninh hiện nay không được tốt, do đó chúng con muốn bàn với cha cho bán đi trại gỗ xưởng cưa, chuyển hết gia đình ra Đà Nẵng sinh sống, để các cháu có cơ hội gần gũi ánh sáng văn minh, việc sinh hoạt, học hành cũng được dễ dàng, thăng tiến hơn.

Trầm ngâm suy nghĩ giây lát rồi cha tôi bảo, việc di chuyển chỗ ở cần phải xin ý kiến bà nội và hội ý gia đình. Riêng việc bán trại gỗ, xưởng cưa thì ba đồng ý ngay. Từ ngày bác Tấn mất đi, trại gỗ làm ăn cầm chừng, xem ra chẳng mấy thuận lợi lắm. Mọi việc đều giao hết vào tay người bà con quản lý, thỉnh thoảng cha hoặc anh Hai mới viếng qua. Ông An có đôi lần mở lời hỏi mua nhưng cha chưa quyết định. Nay tiện thể anh Hai đề nghị, cha giao cho anh em tôi đứng ra lo việc mua bán.

Hôm sau tin bán trại cưa được công nhân loan truyền mau chóng. Ngay chiều hôm đó ông An tìm đến nhà chúng tôi. Đúng như dự đoán của An ninh, ông ta nôn nóng mua lại trại cưa mục đích là để đào tìm số vàng bác Tấn đã chôn giấu, mà từ lúc bắt ép chú Tính khai ra ông vẫn chưa có cơ hội thực hiện được. Nhìn mặt tên đồ tể, anh em tôi cố dần lòng căm hận, giữ vẻ thản nhiên. Đúng theo kế

hoạch, chúng tôi nêu ra giá bán trại gỗ vừa phải, không thấp quá để địch nghi ngờ cảnh giác, nhưng cũng không cao quá gây nên khó khăn cho đối phương. Do đó việc mua bán được thỏa thuận nhanh chóng và thủ tục giấy tờ chuyển nhượng sở hữu chỉ trong vài hôm là xong. Đó cũng là nhờ sự can thiệp hữu hiệu ngấm ngầm bên trong của cơ quan an ninh. Tuần lễ sau, ông An đã chính thức là chủ nhân mới của toàn bộ trại gỗ gồm nhà ở, văn phòng, xưởng cưa, nhà kho, máy móc, bến bãi ... Lập tức ông An cho thay thế toàn bộ số công nhân cũ, nhận vào những người mới là những khuôn mặt xa lạ, làm lì và giấu hoạt. Tôi đoán chừng chúng sắp sửa đào tìm của cải.

Nhiệm vụ chúng tôi đến đây là chấm dứt. Phần kế hoạch còn lại do cơ quan tình báo tiến hành. Trước khi trở về đơn vị gốc, tôi ra Đà Nẵng hoàn tất thủ tục báo cáo.

Về đơn vị khoảng một tháng, tôi nhận được thư của anh Hai kể sơ lược qua diễn tiến sự tình. Hai tuần sau, tôi nhận tiếp công điện của An ninh Vùng I mời về tham dự phiên tòa xử công khai một vụ án giết người có liên can đến khủng bố chính trị, an ninh quốc gia.

Trước vành móng ngựa, trước nhân chứng mà chúng ngỡ đã chết là chú Tính, ông An, thằng Khanh, hai tên hung thủ trong đêm thăm sát và đồng bọn của tổ chức nội tuyến kinh tài cộng sản nằm vùng, phải cúi đầu nhận tội giết người và hoạt động chống phá quốc gia. Người chủ chốt cầm đầu là ông An, lãnh án tù chung thân khổ sai. Sau lời tuyên phạt, mặt ông thất sắc, thân thể xiêu đảo run rẩy. Ông An khóc nức nở, cúi mặt tránh ánh mắt phản nộ pha lẫn thương hại của người đồng chí năm xưa, đã vì ông mà trở nên thân tàn ma dại. Chú Tính ngồi trên xe lăn, lặng lẽ đưa mắt nhìn ông An không nói nửa lời. Riêng thằng Khanh và hai tên hung thủ đã giết bác Tấn, bắn bị thương chú Tính, mỗi tên phải lãnh án hai mươi năm Côn đảo. Số đồng bọn còn lại xét theo từng tội trạng, mức độ thiệt hại mà chịu án phạt tù. Đó là cái giá phải trả cho những kẻ phản bội dân tộc, cuồng tín và vong tình bội nghĩa. Dư luận những người tham dự phiên tòa cho rằng án phạt vẫn còn nhẹ tay và nhân đạo quá. Đúng ra ông An phải bị xử tử hình.

Tuy nhiên trong vụ án thâm độc này không chỉ riêng bác Tấn chịu thảm tử, hay mỗi mình chú Tính là nạn nhân bị hành hạ dã man đến tàn phế, mà còn một tình tiết khác ít ai biết đến ngoài gia đình. Một con người ngoại cuộc khác, hoàn toàn vô can trong vụ án, nhưng lại là nạn nhân đau khổ cũng không kém phần thâm trầm. Tuy không bị hành hạ thể xác nhưng đã mang thương tật suốt đời, một

vết thương trí mạng trong tâm hồn, trong đời sống tình cảm vợ chồng. Đó là Tâm, em gái tôi, vợ Khanh. Vĩnh biệt, ly tan, tủi nhục, đối trá... tất cả ước vọng của người con gái đôi mươi phúc chốc bị hủy diệt bởi chính bàn tay chồng mình. Nỗi đau thương to lớn bất ngờ đổ ập xuống đời em tôi khiến em rũ xuống như một thân cây mục. Tôi tự hỏi không biết đến bao giờ em mới nguôi ngoai được nỗi ám ảnh đau thương về cái chết của người bác thân yêu như cha đẻ mình, mà người gây ra thảm cảnh lại chính là chồng của mình.

Với bác Tấn, vốn dĩ là nhà một nho hiền lành, nhân ái, kính mẹ thương em, nhưng cũng đầy can đảm, tiết tháo của bậc mã thượng anh hùng kiên trung bất khuất, tôi tin chắc rằng bác cũng thấy được sự trong sạch vô tội của em Tâm mà thông cảm tha thứ.

Riêng chú Tính có lẽ là người mãn nguyện nhất vì đã rửa sạch được nỗi hăm oan cho bản thân, báo được huyết thù cho nghĩa huynh và gặp lại người thệ ước trăm năm. Thím đón chú về trong vòng tay yêu thương và ngưỡng phục. Bà nội tôi tặng vợ chồng chú Tính trại gố vừa được cơ quan An ninh trả lại và trích ra một phần số vàng trong mỏ tài sản mà chú và bác Tấn đã bí mật chôn giấu năm xưa, như là một món quà dành tặng cho con người trọn tình thủy chung trung nghĩa, đồng thời bù đắp phần nào những đau khổ và oan khiên cuộc đời mà chú Tính đã phải một mình âm thầm gánh chịu.

Chia tay hai người bạn mới, chúng tôi lên đường trở về thành phố. Gió chiều mơn man trên da thịt chiếc áo mùa xuân, nắng hanh vàng lan tỏa phủ khắp những cánh đồng mệnh mông. Cảnh đẹp tuyệt vời của buổi chiều xuân nơi thôn dã đồng quê, vẫn không xua tan được trong lòng tôi nỗi buồn bất chợt.

Nghe qua câu chuyện kể, tâm tư tôi bỗng có nhiều trăn trở. Tôi tin rằng con người sinh ra đều có số mệnh, nhưng đồng thời tôi cũng tin số mệnh sinh khởi từ đạo làm người. Sống lương thiện ngay thẳng, biết phép tắc lễ nghĩa, có lòng từ bi bác ái sẽ tạo nên đức hiếu sanh. Biết tránh xa và ghê tởm những điều xấu, biết lẽ phải trái, thuận nghịch của đất trời, của lòng người thì ắt phải biết kinh sợ thiên mệnh. Đây chính là cái Lý của thuyết nhân quả tuần hoàn, cái Đạo của người quân tử. Đạo làm người đòi hỏi sự trung thực và dũng cảm đối với chính bản thân mình, trước khi đối với kẻ khác. Hiếu thảo đạo được chân lý ấy thì khi phải đối diện với nghịch cảnh, với sự hơn thua, được mất, thành bại, vinh nhục, sướng khổ của cuộc đời, ta có thể an nhiên bình thản đón nhận. Điều làm tôi băn

khoản không phải là cái chết oan ức của ông Tấn hoặc bản án tuyên phạt dành cho cha con ông An hay số phận nghiệt ngã của chị Tâm, chú Tính ... bởi, trong chiến tranh có việc gì mà không thể xảy ra. Nhưng điều làm tôi trăn trở chính là tương lai của tuổi trẻ, thân phận của quê hương và trên hết là dòng sinh mệnh dân tộc ... trước những bất an, chiến loạn triền miên do tham vọng quyền lực cuồng điên của bè lũ tham tàn cộng sản nguy danh dưới chiêu bài giải phóng quê hương. Họ bắt kẻ tổ quốc suy vong, nhân tâm đồ than; Họ lạnh lùng thẳng tay chém giết. Cái đầu và bàn tay họ tanh tươi mùi máu và đầy đầy hận thù. Ôi! thế gian sao bi thảm quá.

Trong lịch sử Việt Nam không thiếu những anh hùng xuất thân từ chốn Nho gia, những hào kiệt khởi đầu bằng sự nghiệp bút nghiên ... nhưng đã để lại cho đời sau những áng văn bất tử, những thiên hùng ca diễm tuyệt, những hào quang rực rỡ về tinh thần yêu nước, những hy sinh cao cả và tinh thần bất khuất trong sứ mạng lịch sử chống ngoại xâm. Những bậc tiền nhân lưu danh sử sách như: Hoàng Diệu, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Phan châu Trinh, Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Đình Chiểu ... và còn biết bao những nhà nho khác đã góp bàn tay viết lên những trang sử oai hùng cho dân tộc, thấm đẫm huyết lệ, đậm đà tính nhân văn nhưng cũng hào hùng oanh liệt không kém hàng dũng tướng tài danh. Dầu trải qua trăm cay nghìn đắng, thăng trầm trôi nổi, long đong phiêu dạt, tấm lòng cô trung vô hạn của một nhà Nho vẫn sáng ngời thủy chung và tận tụy báo quốc. Họ xứng đáng là học trò của Thánh hiền; Họ vĩnh viễn là niềm tự hào, hãnh diện muôn thưở của dân tộc Việt Nam./.

TiênSha-LêLuyến

Atlanta, tháng 04-2003

⁽¹⁾ *Nghênh phong các: Lầu đón gió.*

⁽²⁾ *Chuộng phong tiết, giàu phong lực, đầy phong nhĩ.*

Tác giả là Ông Lê văn Nhân, người quê An Nhơn, Bình Định dưới đời Tây Sơn.

⁽³⁾ *Kiều của Nguyễn Du.*

⁽⁴⁾ *Một chữ là thầy, nửa chữ cũng là thầy.*

Câu mở đầu truyện Lục vân Tiên của cụ Nguyễn đình Chiểu.

⁽⁵⁾ *Thi đỗ Tú tài thì làng xã rước, đỗ Cử nhân thì hàng huyện rước, đỗ Tiến sĩ thì hàng tổng phải thực hiện đầy đủ lễ nghi, đem cờ ngựa, vòng lọng rước Tân khoa và cả cha mẹ và vợ Tân khoa về nhà.*

⁽⁶⁾ *Văn tế Nghĩa Sĩ Cần Giuộc của Tú tài Nguyễn đình Chiểu*

THUYỀN TRĂNG ĐỢI CHỜ

(Đi nghỉ hè, mong bạn bè khắp nơi về Hawaii cùng vui hưởng)



Gió hiu hiu mát tỉnh người,
Trăm hoa muôn sắc tuyệt vời
đặc trưng.

Người đi lữ lượt không ngừng
Riêng Ta thả bộ ven rừng
dừa xanh,

Trăng vàng sóng bạc
thiên thanh,
Con thuyền lơ lững tròn trĩnh
thấp cao.

Thương người vượt biển
năm nao?
Tự do hay chết, cách nào cũng đi!

Quê hương cách biệt chia ly
Nước non tươi đẹp khác chi
Thiên đàng?

Bây giờ đất nước điêu tàn
Núi sông gấm vóc mơ màng
còn đâu?

Nỗi buồn cố nén chìm sâu
Tuổi vàng Ta tránh lo âu lâu dài.
Thân Ta viễn xứ lạc loài
Ai ưa ghen ghét chê bai
khổ mình.

Yêu thương chan chứa ân tình,
Tắm lòng chân chất phân minh
yêu người.

Sống vui luôn nở nụ cười,
N như Trăng, Sao sáng rạng ngời
không gian

Mãi nhìn Trăng, Nước mê man,
Thuyền vừa ghé bến mang theo
mộng lành.

Trăng lên cao tời đầu ngàn
Kỳ hoa, Dị thảo Thiên Đàng
nơi đây?

Khách du nhìn ngắm ngất ngây,
Hoàng hôn vàng thắm chân mây
cuối trời.

Nơi đây khí hậu tuyệt vời,
Trái cây nhiệt đới đang mời
đón Ta.

Chiều về vang dậy tiếng ca
Tay đàn miêng hát bài ca
thanh bình.
Từng đôi sánh bước tâm tình.
Đất trời Hải đảo lung linh
Trăng vàng.

Cỏ Hoa đẹp đến ngỡ ngàng,
Xin mời quý bạn lệ làng
qua chơi.
Lòng Ta thương nhớ đây vui,
Mong cùng bạn hữu vui chơi
Tuổi vàng.

Thái Hưng/PGH

Tháng 7, 2018





“Em đi trong nắng Thu vàng”

Tranh sơn dầu trên bố 100cm x 120cm của **Nguyễn Sơn**



“Thu buồn”

Tranh sơn dầu trên bố 60cmx80cm của **Nguyễn Sơn**

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn: phu nhân của biên khảo gia Phạm Văn Tuấn là

Bà **TRỊNH THỊ HẠNH**

Pháp danh: **Hạnh Huệ**

đã qua đời vào ngày 11 tháng 8 năm 2018

tại tiểu bang Virginia, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 81 tuổi (âm lịch)

Nguyện cầu hương linh Bà TRỊNH THỊ HẠNH sớm được tiêu diêu nơi miền cực lạc.

Thành kính phân ưu cùng anh Phạm Văn Tuấn và toàn thể tang quyến.



CƠ SỞ CỎ THOM VÀ MỘT SỐ THÂN HỮU:

Phan Anh Dũng, Phan Khâm, Trần Bích San, Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Ngô Tăng Giao, Trương Anh Thụy, Hoàng Song Liêm, Trương Minh Châu, Nghiêm Thái Phương, Hoàng Dân Bình, Phạm Bá Luân, Ý Nguyên, Phạm Gia Hưng, Trần Tuệ Nga, Trần Quốc Bảo, Hoa Văn Ngô Văn Hòa, Nguyễn Phú Long, Nguyễn Lân, Diễm Hoa, Lý Hiểu, Tiểu Thu, Bùi Cửu Viên, Hồng Thủy, Bùi Thanh Tiên, Phong Thu, Diễm Trân, Vũ Hối, Huy Lãm, Phạm Trọng Lệ, Nguyễn Tường Vân, Nguyễn Quốc Khải, Hoàng Cung Fa, Hoàng Dung, Đỗ Bình, Phạm Thị Nhung, Mỹ Phước Nguyễn Thanh, Mây Thu, Nguyễn Sơn, Vũ Nam, Nguyễn Quý Đại, Trần Huy Bích, Đinh Hùng Cường, Phạm Trần, Nguyễn Mậu Trinh, Nguyễn Ngọc Hạnh, GS Kim Oanh, Lê Thị Nhị, Vũ An Thanh, Dương Ngọc Hoán, Phạm Xuân Thái, Đèo Văn Sách, Dương Tâm Đạt, Hà Văn Sang ...

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO

(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #): tới số (To issue #):

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

GIÁ MỘT NĂM 4 SỐ BÁO CỎ THƠM, kể luôn cước phí media mail

PRICE OF 4 ISSUES, including media mail cost

Nội địa Hoa Kỳ (In USA): US \$40.00 - Gia Nã Đại (In Canada): US\$50.00

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ

Trên Tạp Chí Cỏ Thơm (7 x 8.5")

1/2 trang trong: US \$30.00

1 trang trong: US \$60.00

Trang trong bìa trước: US \$100.00

Trang trong bìa sau: US \$100.00

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về:

(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION

9020 CARDIFF RD

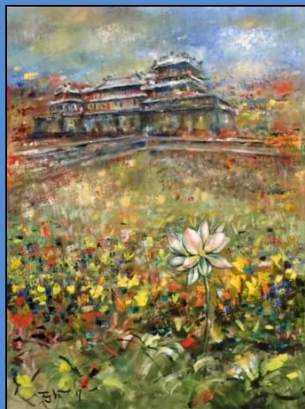
RICHMOND, VIRGINIA 23236

USA

QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ CHO QUẢNG CÁO
LÀ ẮN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỎ THƠM.



CỎ THƠM



TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
NĂM THỨ 23 - SỐ 81

Tạp chí Cỏ Thơm số 81 - Mùa Hè 2018:
đã phát hành ngày 17 tháng 7, 2018

MUA ỦNG HỘ TẠP CHÍ CỎ THƠM (BÁO IN)
Một năm 4 số, gửi tận nhà - xin liên lạc: dathphan1@gmail.com /
địa chỉ: 9020 Cardiff Rd, Richmond VA 23236

Tạp Chí Cỏ Thơm có bán tại tiệm Washington Music trong Eden Center
6795 Wilson Blvd. #26 - Falls Church, VA 22044 / Tel. (703) 538-4979

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO CỎ THƠM:

CHỦ NHIỆM: PHAN ANH DŨNG <dathphan1@gmail.com>
PHÓ CHỦ NHIỆM: PHAN KHÂM <phanvyle@yahoo.com>
CHỦ BÚT: TRẦN BÍCH SAN <littlelsaigonnews@aol.com>
TỔNG THƯ KÝ: ĐỖ TRẮNG MỸ HẠNH <hanhbang@hotmail.com>
CỐ VẤN DANH DỰ: NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG <dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN: 9020 CARDIFF RD
RICHMOND, VA 23236 USA
TEL. (804) -387- 8773

CHỦ BIÊN WEBSITE CỎ THƠM & CHỦ BÚT NGUYỆT SAN CỎ THƠM ONLINE:
PHAN ANH DŨNG <dathphan1@gmail.com>

